

BÁCH KHOA

SỐ 38 — NGÀY 1.8.1958

Trong số này :

- | | |
|----------------------------|-----------------------------------|
| HUỲNH-VĂN-LANG | Thế nào là khủng hoảng kinh tế ? |
| HOÀNG-MINH-TUYNH | Chế độ dân chủ mác xít. |
| NGUYỄN-VĂN-HÀM | Nếp sống đông phương. |
| TIÊU-DÂN | Nước Pháp và giải pháp De Gaulle. |
| TRẦN-HÀ | Tàn-Thủy-Hoàng. |
| CÔ-LIÊU | Bản về vấn đề phổ thông khoa học. |
| NGUYỄN-THIỆU-LÂU | Miền Đồng Tháp Mười. |
| NGUYỄN-VĂN-CHÂU | Trùng dương cách cầm. |
| MẠC-LY-CHÂU | Một người mẹ. |
| VÕ-HÂN | Bài thơ đôi mắt. |
| LAN-ĐÌNH | Con đường vòng. |
| YÃ-HẠC
NGUYỄN-VĂN-TRUNG | } Đường thi dịch giải. |
| KIỀU-YIÊU | Phồn điệp |
| VI-HUYỀN-ĐẮC (dịch) | Khói lửa kinh thành. |

RƯỢU : — Rượu Âu mạnh "*Eau de Vie cu*" 40° và 50°
— Rượu Tàu "*Lào-Mạnh-Tửu*"
— Rượu Tàu "*Tích-Thọ-Tửu*"

SI-RÔ "*Verigoud*" :

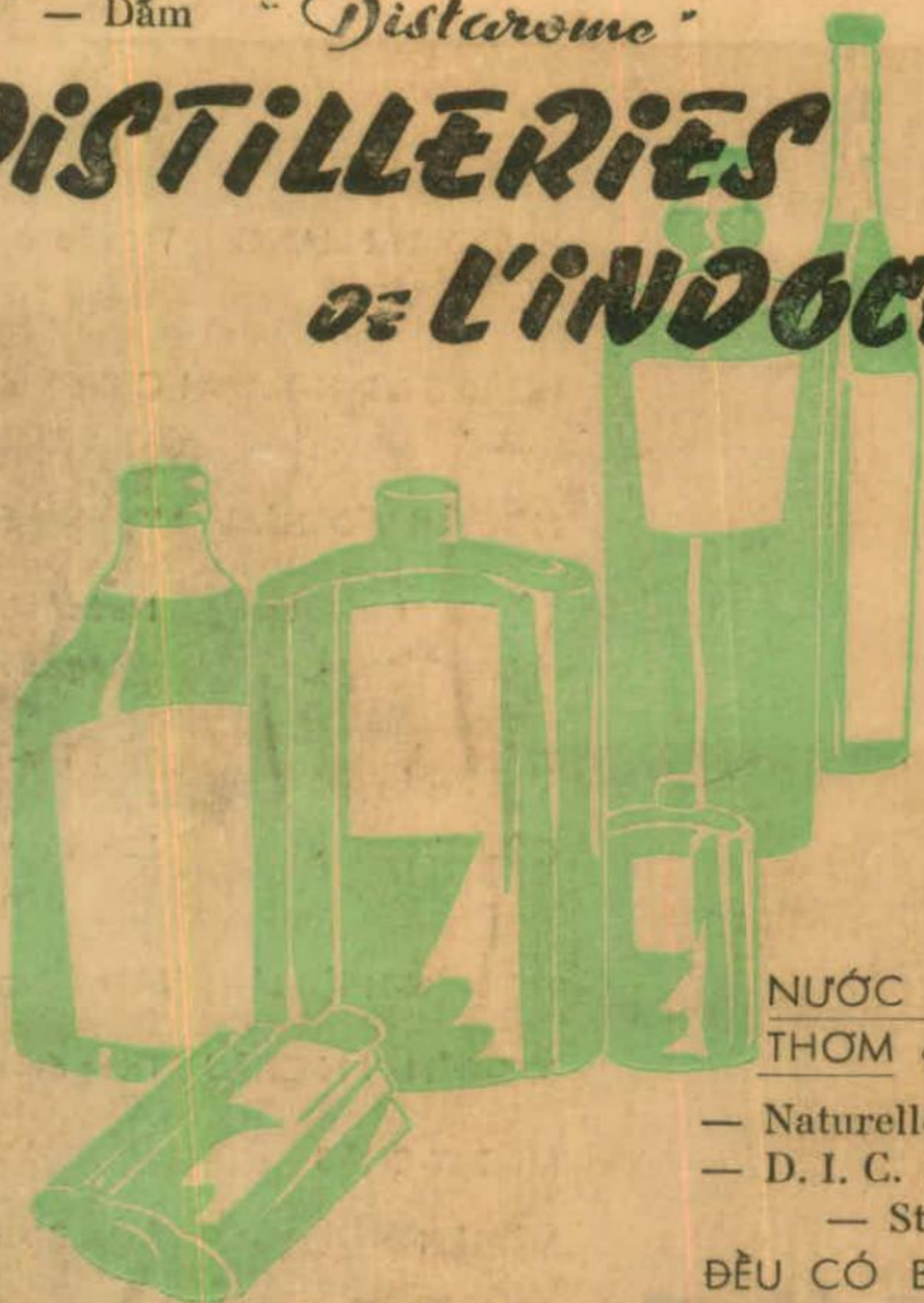
— Si-rô Cam, Quít, Chanh, Bưởi.

DẤM THẬT NGON 6° :

— Dấm "*Distarome*"

DISTILLERIES

de L'INDOCHINE



NƯỚC HOA và DẦU THƠM « D.I.C. » :

— Naturelle — Fougère
— D. I. C. 5 — Lavande
— Stella

ĐỀU CÓ BÁN KHÁP NƠI

Mọi giao dịch về thương mại, xin do :

ở NAM-PHẦN : HÃNG RƯỢU BÌNH-TÂY (S.F.D.I.C.)
135, đường Pasteur — SAIGON

ở TRUNG-PHẦN : CÔNG TY THƯƠNG MẠI, KỸ NGHỆ và TIÊU CÔNG NGHỆ
(S.I.C.A.) — 32, Bến Bạch-Đằng — ĐÀ-NẴNG
HÃNG RƯỢU NHIÊU-BÁ
6, đường Hoàng-Hoa-Thám — NHA-TRANG

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC



COTAB



VIRGINIE

Đi PARIS bằng phi-cơ « SUPER G »



SAIGON — PARIS

(Chuyến bay "THANH-LONG")

cất cánh 18 giờ 15 mỗi thứ hai

SAIGON HONG-KONG

bằng DC.4 VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG

cất cánh 7 g 30
về tới Saigon 19 g 30

} mỗi thứ tư

SAIGON HONG-KONG : *mỗi Chúa nhật và thứ Năm*

HONG-KONG SAIGON : *mỗi thứ Hai và thứ Sáu*

(chung với AIR-FRANCE bằng SUPER-CONSTELLATION)

Xin hỏi **VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG**

116, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

Đ.T. 22.446-47 — 21.624-25-26

Société Indochinoise de Documentations et de Représentations Commerciales

(S. I. D. E. R. C. O.)

Agents des Fabriques:

Métallurgiques DAVUM
Matériel technique

Exclusivités:

Whisky « BALLANTINE'S »
Cognac « COURVOISIER »
Sardines « Les Océanides »

18, Bến Bạch Đằng
SAIGON

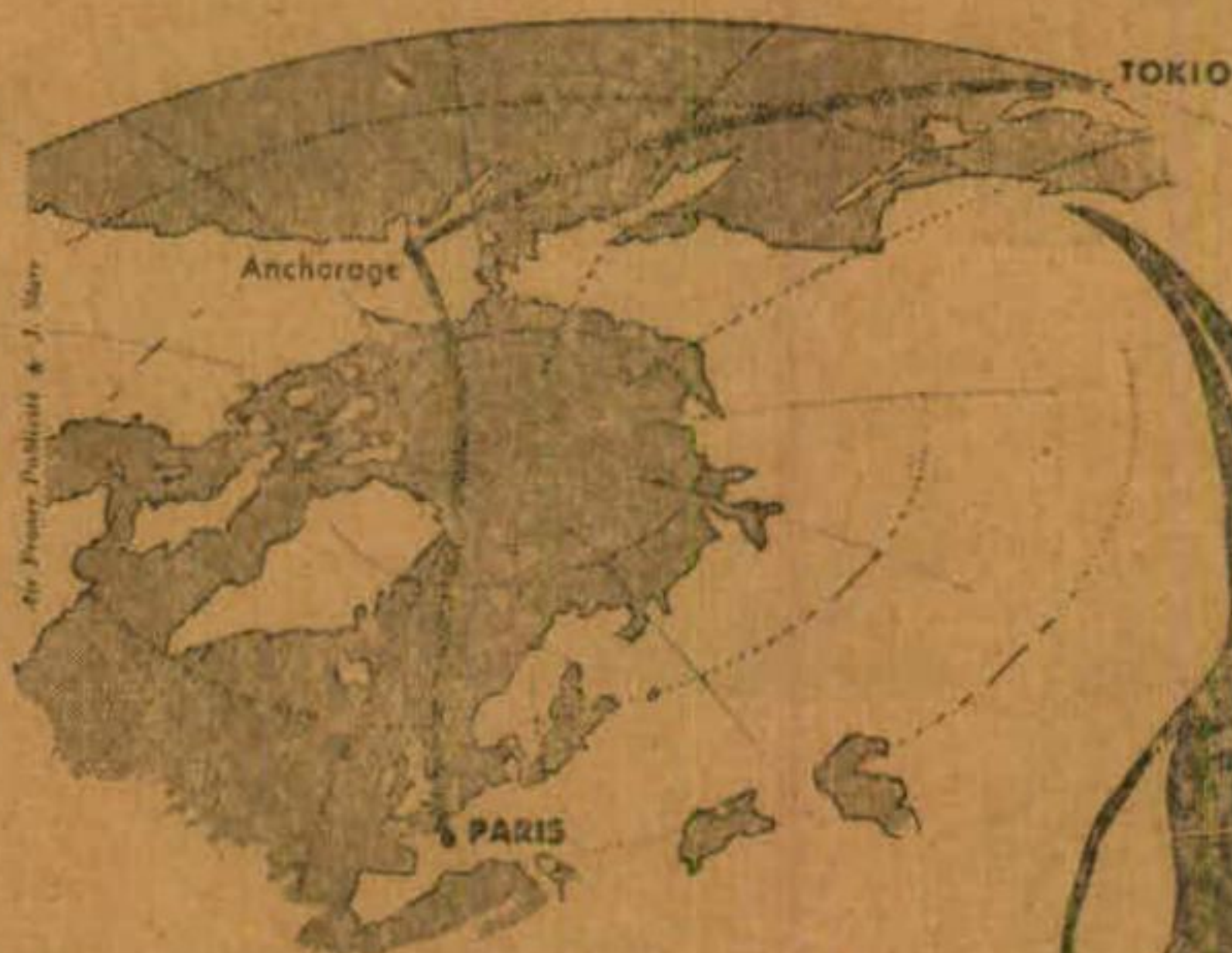
Tél : 20.055

La Société Urbaine Foncière

(S. U. F. O.)

18, BEN BACH DANG — SAIGON





TOKIO-Paris par le pôle...

Air France inaugure au mois d'Avril la ligne la plus rapide au départ d'Europe à destination du Japon.

TOKIO-PARIS EN MOINS DE 30 H. DE VOL.

C'est grâce au fameux Superstarliner, l'appareil commercial au plus long rayon d'action du monde qu'Air France va pouvoir relier Tokio à Paris avec une seule escale à Anchorage (Alaska).

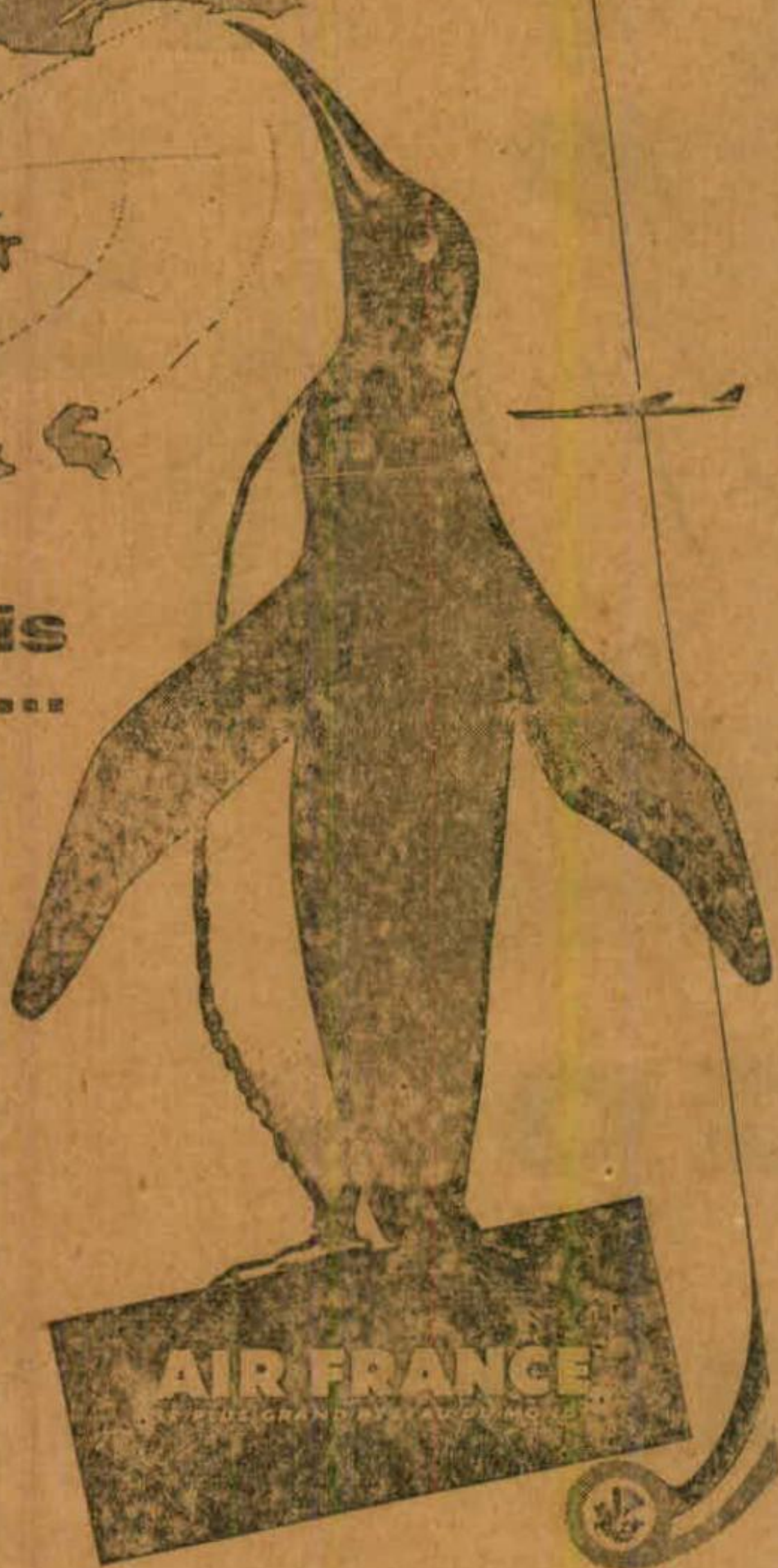
PAR LA ROUTE DES AURORES BORÉALES.

La route polaire Air France traverse la zone calme où s'éploient les aurores boréales. Sereine, elle survole les territoires du grand nord jalonnés de nombreux aérodrômes.

AU DÉPART DE SAIGON. Air France offre désormais à ses passagers à destination de Paris le choix entre la route polaire et celle des Indes et de la Birmanie.

Trois vols par semaine mettent TOKIO à 12 heures de SAIGON.

Lundi via Hongkong
Mercredi via Manille
Vendredi via Manille.



SAIGON, 12 B^d THONG-NHUT — Tel : 20.981 à 20.984
ET TOUTES AGENCES DE VOYAGES AGRÉÉES



Cap Saint Jacques



VŨNG TÀU, nơi nghỉ mát quanh năm của dân Saigon mỗi dịp cuối tuần, năm, cách thủ-đô không bao xa: đi xe hơi chỉ hai giờ là tới.

Tại đây, có những trái đồi trũng điệp bao bọc lấy những bãi cát trắng xinh đẹp của bờ biển Nam-Hải. Du-khách sẽ được thỏa-thuê bơi lội, nhưng nếu du-khách là người sành thưởng-thức các món hải-vị còn tươi, thì VŨNG TÀU quả là không thiếu một thức gì: tôm, cua, sò, mực, sứa, và vô số các thứ cá biển khác, tùy theo ý thích của mỗi người.

Du-khách sẽ hưởng tất cả những hương vị ấy, kể cả thú lái xe êm ái, nhờ có những trạm xăng và vô dầu mỡ của hãng **STANVAC** suốt dọc đường, luôn luôn làm vừa ý ngay đến những vị chủ xe khó tính nhất.

STANDARD-VACUUM OIL COMPANY

BÁCH-KHOA

Số 38 — Ngày 1-8-1958

- HUỖNH-VĂN-LANG *Thế nào là khủng hoảng kinh tế ?*
- HOÀNG-MINH-TUYNH *Chế độ dân chủ mác xít.*
- NGUYỄN-VĂN-HÀM *Nếp sống đông phương.*
- TIÊU-DÂN *Nước Pháp và giải pháp De Gaulle.*
- TRẦN-HÀ *Tần-Thủy-Hoàng.*
- CÔ-LIÊU *Bàn về vấn đề phổ thông khoa học.*
- NGUYỄN-THIỆU-LÂU *Miền Đồng Tháp Mười.*
- NGUYỄN-VĂN-CHÂU *Trùng dương cách cảm.*
- MẠC-LY-CHÂU *Một người mẹ.*
- VŨ-HÂN *Bài thơ đôi mắt.*
- LAN-ĐÌNH *Con đường vòng.*
- YÃ-HẠC
NGUYỄN-VĂN-TRUNG } *Đường thi dịch giải.*
- KIỀU-YIÊU *Phấn điệp.*
- VI-HUYỀN-ĐẮC (dịch). *Khói lửa kinh thành.*

BÁCH-KHOA

Trong những số tới

- | | | |
|-----------------------|---|--|
| HOÀNG-MINH-TUYNH | : | <i>Chế độ dân chủ mác-xít.</i> |
| PHẠM-DUY-LÂN | : | <i>Thị trường chung Âu-châu.</i> |
| NGUYỄN-THIỆU-LÂU | : | <i>Việc giữ cửa Hàn năm Mậu-ngọ (1858).</i> |
| NGUYỄN-HIỂN-LÊ | : | <i>Xã hội theo Nho giáo.</i> |
| THIÊN-GIANG | : | <i>Ta phải lưu ý đến cái tiềm lực vĩ đại có sẵn trong đứa trẻ.</i> |
| PHAN-SƠN-VŨ | : | <i>Huấn luyện báo chí tại Huê-kỳ.</i> |
| TÂN-FONG-HIỆP | : | <i>Bạch-Thái-Bưởi.</i> |
| PHAN-VỌNG-HÚC | : | <i>Tài liệu văn học Việt-Nam.</i> |
| PHÙNG-BÁ-KHANH | : | <i>Lược sử về thuốc Bắc.</i> |
| VŨ-KÝ | : | <i>Đến viếng Ghandi.</i> |
| CÔ-LIÊU | : | <i>Những trang nhật ký viết bằng máu và nước mắt.</i> |
| | | <i>Thế hệ J 3 ở Anh và Pháp.</i> |
| VÕ-PHIẾN | : | <i>Lỗ làng.</i> |
| KIỀU-YIÊU | : | <i>Cô Bản họ Tiêu.</i> |
| NGUYỄN-HUY-KHÁNH | : | <i>Tìm hiểu truyện Tam-quốc diễn nghĩa.</i> |
| NGUYỄN-TRẦN-HUÂN | : | <i>Tự-diễn Y-ngữ.</i> |
| NTMTD và SÀI PHỦ VIỆT | : | <i>Nửa giờ với « anh khóa » thi sĩ Á-Nam Trần-Tuấn-Khải.</i> |
| NGUYỄN-HỮU-NGU | : | <i>Tôi thăm Bến-hải.</i> |

THẺ LỆ MUA BÁO DÀI HẠN

6 tháng 12 số : **90\$00** — 1 năm 24 số : **180\$**

Ở ngoại quốc xin gởi thêm cước phí.

BÁO QUÁN : 412-414, đại lộ Trần-Hưng-Đạo — SAIGON

Thư từ xin đề : Tòa soạn BÁCH-KHOA hộp thư số 339 Saigon

Bưu phiếu xin đề cho : **Ô. Huỳnh-văn-Lang**

THẺ NÀO LÀ

KHUNG - HOÀNG KINH - TẾ

(Xem Bách-Khoa số 36)

HUỲNH-VĂN-LANG

TRONG bài trước, chúng tôi có nói đến những chu vận kinh tế để tìm hiểu hiện tình kinh tế Việt-Nam, mà chúng tôi không lầm lẫn cho rằng hiện tình kinh tế V.N. bắt buộc phải nằm trong khuôn khổ của một chu vận kinh tế nhất định nào. Điều chánh chúng tôi muốn nói là kinh tế Việt-Nam hiện giờ tương đối với thời gian trước, là đi xuống hơn là đi lên. Cái dốc đi xuống ấy bạn đọc muốn kể là một giai đoạn của một chu vận hay không, điều ấy không quan hệ, vì nó có tính cách lý thuyết hơn là thực tế. Cái quan hệ mà chúng ta cũng như người có trách nhiệm thực hiện một chánh sách kinh tế cần phải biết là kinh tế hiện giờ ở đâu và sẽ đi về đâu?

Muốn biết mình hiện giờ ở đâu và đi về đâu thì tất nhiên phải khảo sát để tìm hiểu (approche) sự thật. Những dụng cụ ta có thể sử dụng, tương đối hữu hiệu nhất dù không phải là tuyệt đối hoàn toàn, là mức lợi tức quốc gia hay phương tiện tiền tệ. Đứng ở lãnh vực kinh tế, thử hỏi nếu ta không dùng những dụng cụ ta có ấy, dù là thô sơ đến đâu, thì ta còn có cái gì để tìm hiểu sự thật? Người nông phu vì thấy rằng con trâu cái cày của mình còn mộc mạc mà bỏ đi để dùng tay không làm ruộng thì làm sao khỏi bị trách là gàn dở, vô lối. Thật vậy, nếu vì dụng cụ phân tách kinh tế, đến cả lý thuyết giải thích kinh tế, tương đối còn kém cỏi mà ta tự ý bỏ đi để giải quyết vấn đề kinh tế theo lương thức (bon sens) hay theo kinh nghiệm gì khác thì thật là nguy hiểm.

Trở lại hai dụng cụ ta có thể sử dụng được để tìm hiểu sự thật là dụng cụ tiền tệ và lợi tức quốc gia. Mỗi dụng cụ có cái ưu cái khuyết riêng, tùy theo cách ta biết sử dụng hay không. Ở một nước như Việt-Nam ta không thể hoàn toàn chỉ dùng một dụng cụ lợi tức quốc gia để tìm hiểu kinh tế của ta hiện ở đâu và sẽ đi về đâu, vì xứ ta rất thiếu sót về thống kê và những thống kê ta có thì nhiều khi đáng ngờ vực. Dụng cụ tiền tệ lại có những con số chắc chắn và đầy đủ hơn, nhưng tiền tệ chỉ là phương tiện kinh tế cho nên không thể xem nó có giá trị tuyệt đối khi khảo sát hiện tình kinh tế. Mà trừ dụng cụ này ra, hiện ta không có một dụng cụ nào tương đối có giá trị hơn được. Khi sử dụng dụng cụ này ta không thể là không dè dặt, nhưng ta có quyền tin cậy nơi dụng cụ ấy như nó đáng tin cậy, vì nó sẽ đưa ta đến gần sự thật hoặc ít hoặc nhiều, chứ không thể vì sử dụng nó, nó lại đưa ta xa sự thật hơn hay nói một cách khác: nếu không có nó thì bạn và tôi đứng trước sự thật đều « mơ hồ » cả, mà nếu bạn biết dùng nó thì chắc chắn bạn sẽ ít « mơ hồ » hơn tôi.



Trong bài trước, khi nhận xét tình hình kinh tế Việt-Nam, chúng tôi đã dùng hai dụng cụ trên đây. Cái chỗ thiếu sót của bài trước — không phải là thiếu bằng chứng hay thiếu khoa học — song là thiếu những con số, những đồ thị xác đáng. Cho nên trong bài này, chúng tôi cố gắng sửa chữa chỗ ấy để những bạn đọc khó tánh khỏi phàn nàn, trừ phi ra bạn nào còn cố tình ngờ vực những bằng chứng ấy. Biết rằng những bằng chứng này cũng có giá trị tương đối, nên chúng tôi cố bỏ ra những bằng chứng đáng ngờ vực, để lọc lại những bằng chứng hiển nhiên mà ai cũng có thể công nhận được dễ dàng trên thực tế.

Đồng tiền là phương tiện đổi chác, cho nên hoạt động kinh tế càng nhiều thì kinh tế càng cần phương tiện tiền tệ. Nếu tôi nói đến lạm phát hay giảm phát thì có lẽ có bạn đọc khó tính sẽ bảo là tôi « lý thuyết » nữa, thành thử ra ta phải bỏ qua các quan niệm ấy đi. Cho nên, nói một cách thường thức, nếu hoạt động kinh tế kém thì bớt cần phương tiện tiền tệ, hay là một cách khác, nếu ta thấy phương tiện tiền tệ không được sử dụng nhiều thì ta có thể bảo rằng hoạt động kinh tế kém đi, đó là lẽ dĩ nhiên.

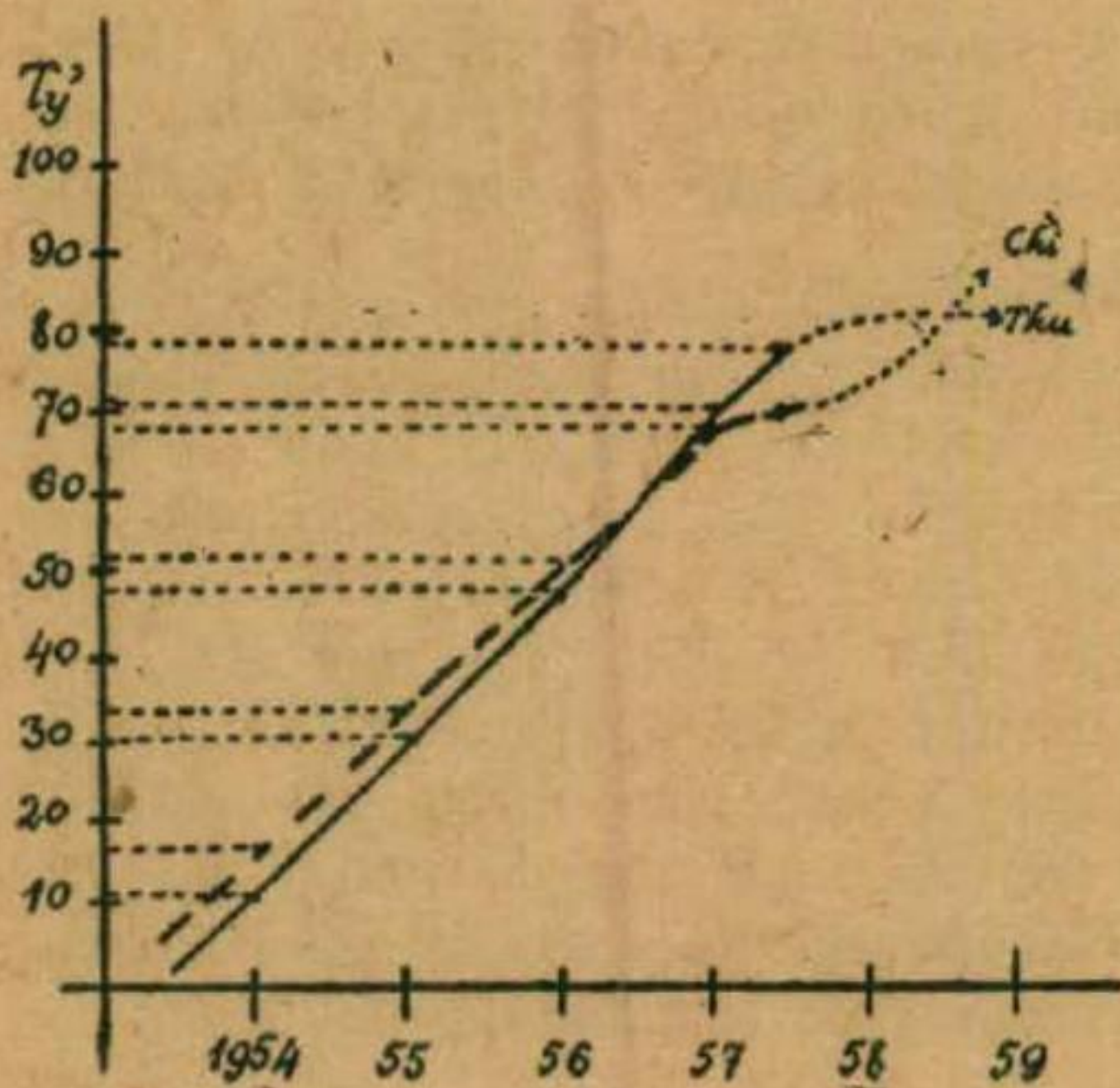
Hoạt động kinh tế có thể chia làm ba lãnh vực: lãnh vực công, tư và lãnh vực ngoại (public, privé, extérieur).

Ai ai cũng công nhận là trong mấy năm gần đây lãnh vực công bành trướng quá to lớn, nếu lấy ngân sách quốc gia là 15 tỷ thì thấy con số ấy chiếm đến 20% lợi tức quốc gia. Cho nên sự biến chuyển của lãnh vực này là một bằng chứng đáng lưu ý, ảnh hưởng của nó trên kinh tế rất nặng nề.

Động tác Thu Chi của lãnh vực công đã thực hiện qua ngân khố Quốc Gia.

(Từ 1954 đến nửa năm 1958)

LŨY TÍCH



(Trong khoảng thời gian 4 năm rưỡi, Thu đi từ chỗ thiếu qua chỗ dư, kết số tổng quát (78,8 — 71,8) dư trên 7 tỷ, đề rồi đòi hường đi trở lại chỗ thiếu.)

Theo đồ thị trên đây thì trong vòng 4 năm 1/2 nay, lãnh vực công đã từ chỗ hoạt động nhiều đến chỗ hoạt động ít mà bù qua bù lại, ta phải lấy con số 7 tỷ ấy để tượng trưng sự kém hoạt động của kinh tế nước nhà do lãnh vực công gây ra. Không cần phải nói rằng sự kém hoạt động của một lãnh vực còn có thể giảm bớt hoạt động kinh tế của các lãnh vực khác.

Về Lãnh vực tư, chúng ta không có những con số rõ ràng như lãnh vực công. Nhưng ta có thể lấy những tồn khoản hoạt kỳ (dépôts à vue) của tư nhân để ở hệ thống Ngân-hàng và Ngân-khố sẽ thấy những biến chuyển như sau: (tính từng tỷ và lấy số đầu năm)

THỂ NÀO LÀ KHỦNG HOẢNG KINH TẾ

	1955	1956	1957	1958
Ngân-Hàng	2.1	2.3	1.8	1.9
Ngân-Kho	3.5	3.3	3.5	1.9
	5.6	5.6	5.3	3.8

Nếu ta lấy số tín dụng về kinh tế mà 90 % vào lòn kho hàng hóa thì sẽ thấy gia tăng như sau:

1955	1956	1957	1958
2,565	1,210	3,285	3,223

lại thêm một bằng chứng để chứng minh rằng có sự suy giảm hoạt động kinh tế tính ra cả tỷ bạc vì một số tiền lớn phải chôn vào những hàng hóa tồn kho đang ở trong tình trạng ứ đọng.

Lãnh vực ngoại cũng không hơn gì hai lãnh vực trên, nghĩa là đều chứng minh một sự giảm hoạt động kinh tế rõ ràng. Xỉ dụng ngoại viện thương mại, trung bình giấy phép nhập cảng hàng tháng là 12 triệu Mỹ kim năm 1955, 17 triệu năm 1956, 20 triệu năm 1957 và trong năm 1958 còn có 12 triệu. (1) Trái lại xuất cảng trong đệ nhứt lục cả nguyệt 1958 lại kém hơn đệ nhứt, cả đệ nhị lục cả nguyệt 1957, mà đệ nhị lục cả nguyệt 1958 càng thêm bi quan vì số xuất cảng gạo trong đệ nhứt lục cả nguyệt chiếm hết 42 % tổng số xuất cảng và từ đây đến cuối năm ta không còn hy vọng xuất cảng gạo nữa, đang khi đó thì giá cao su và các hàng hóa khác của Việt-Nam ở thị trường quốc tế phải hạ đi.

Qua những biện pháp tài chánh tiền tệ kinh tế được áp dụng trong 1 năm 1/2 vừa qua, hai lãnh vực tư và ngoại phải bớt hoạt động đi, vì phải chuyển một phần lớn phương tiện tiền tệ qua lãnh vực công, hoặc phải tích trữ giữ lại. Lãnh vực công một mặt thêm phương tiện tài chánh, một mặt lại giảm bớt hoạt động, thành ra hoạt động tổng quát của kinh tế phải sa sút. Sánh với đầu năm 1957, theo những tài liệu trên ta có thể tính được số phương tiện tiền tệ được chuyển từ chỗ hoạt động qua chỗ đọng lại, không hoạt động, trong khoản thời gian 1 năm 1/2 nay là trên 5 tỷ bạc (2). Nếu phải nhơn cho tốc độ lưu thông để tìm ra số khối lượng tiền tệ bị giảm đi trong khoản thời gian ấy thì ta sẽ có con số từ 20 đến 25 tỷ, vì tốc độ lưu thông ở Việt-Nam có kém đến đâu đi nữa cũng không

(1) Và với bao nhiêu khó khăn, bao nhiêu nghị định.

(2) Trong khoản này chúng tôi chỉ dùng những con số tối thiểu.

dưới số 4 được. Ta có thể dùng con số tối thiểu 20-25 tỷ này để đo lường sự giảm bớt lợi tức danh ký (revenus nominaux).

Hay là lấy con số 5 tỷ bạc vô dụng¹(oisifs) để tính sự suy giảm lợi tức quốc gia qua số nhân (multiplicateur) — ảnh hưởng đầu tư hay chỉ tiêu của chánh phủ trên lợi tức quốc gia — và nguyên tắc gia tốc (principe d'accélération) — ảnh hưởng tiêu thụ trên đầu tư — thì ta có thể chắc chắn một cách tương đối rằng số lợi tức quốc gia bị suy giảm đi bằng 4 hay bằng 5 lần (1), nhất là khi sự vô dụng ấy lại bành trướng ở lãnh vực công hơn các lãnh vực khác.

Theo tác giả bài này, sự giảm lợi tức quốc-gia ít ra phải to lớn như trên. Để chứng minh thêm con số trên đây, ta thử nhìn vào ngân sách quốc gia. Thật ra lợi tức quốc gia phải giảm bớt đến gần ấy thì ngân sách quốc gia mới đi được từ chỗ dư 1 tỷ rưỡi bạc (1957) đến chỗ thiếu 1 tỷ bạc (1958), điều này ai ai cũng có thể tiên đoán đúng được.

Nhưng mức lợi tức quốc gia có thể trong một thời gian ngắn phải suy giảm đến thế không? Sao lại không, trái lại khi đem lên thì phải chậm chạp mà khi xuống thì lại nhanh chóng giống như một chiếc xe leo dốc và xuống dốc, không hơn không kém. Phải rồi, khi đưa lên thì giới lắm mỗi năm được 4 hay 5%, nhưng khi xuống thì trong một thời gian vài ba năm, tỷ số giảm bớt có thể bằng năm bằng mười. Điều này không một nhà kinh tế học nào — dù gàn đến đâu đi nữa — có thể chối cãi được. Một điều làm cho tác giả bài này càng thêm tin chắc vào sự thay đổi vừa chóng vừa to lớn thế ấy là : một nền kinh tế dựa trên sự sản xuất dịch vụ và thương mại như kinh tế Việt-Nam của ta (chiếm trên 55% sản xuất quốc gia (2) càng dễ có những sự thăng giáng vừa nhanh vừa sâu rộng. Trong những cuộc khủng hoảng vừa qua, người ta nhận thấy ở lãnh vực dịch vụ và thương mại sản xuất có thể suy giảm từ 60 đến 70%, đang khi đó thì ở lãnh vực kỹ nghệ chỉ có từ 30% đến 40% và lãnh vực nông nghiệp từ 20% đến 30%. (3)



Trong bài này cũng như trong những bài khác, tác giả vẫn đứng trong phạm vi chủ trương của Bách Khoa, nghĩa là tìm hiểu một vấn đề một cách khách quan và bao giờ cũng cố chứng minh

(1) Số nhân ở các nước có mức sống thấp như V.N. không bao giờ dưới 5.

(2) Revenu national 1954, 1955. BNVN.

(3) Hansen.

THẺ NÀO LÀ KHỦNG HOÀNG KINH TẾ

những lời mình một cách cụ thể hơn là kết luận một cách mơ hồ và nóng cạn. Trong nhiều trường hợp, người viết có lẽ riêng phải đứng vào địa vị người viết báo hơn là nhà khảo cứu, vì những tài liệu khảo cứu không phải là ai ai cũng đọc được, cũng hiểu được. Thành thử, nếu đọc một bài báo mà không nhận thức ý chánh của tác giả đề tìm hiểu vấn đề và từ đó đề đi đến chỗ thực hành, song lại lạc loài vào chi tiết hay lý thuyết để tranh luận, thì thật là điều đáng tiếc, vì chẳng những là không làm sáng tỏ thêm vấn đề mà còn có thể bị dư luận gán cho những danh từ chủ quan và thiên vị. Xu nịnh quần chúng là một tội trọng, nhất là khi quần chúng sai lầm. Nhưng không chấp nhận và giải thích phân minh một ý kiến của quần chúng khi mà ý kiến ấy đúng hay gần đúng sự thật thì tự mình đi đến chỗ rời bỏ quần chúng, lẫn quần trong cái tháp ngà lý thuyết của mình vừa chật hẹp vừa thiệt thòi.

Phải rồi, ai ai cũng có quyền đòi nhà viết báo phải có những bằng chứng cụ thể, nhưng không phải là mọi bằng chứng cụ thể đều đáng phò bày như là những bằng chứng vừa phủ phàng vừa nhiều khê. Phải, lý thuyết khác thực tế, nhưng nếu không có lý thuyết và như là những dụng cụ phân tách của lý thuyết thì làm sao tìm hiểu thực tế một cách sâu xa được. Kinh nghiệm ư? Lương thực ư? Nếu thật ra, chỉ hai dụng cụ thực tế này cũng đủ để quyết định sự thực hiện một chánh sách, bất chấp đến lý thuyết và những dụng cụ khảo sát của nó, thì các nhà kinh tế học, chao ơi — khoa học kinh tế (một khoa học thực nghiệm) phải lùi lại hơn một thế kỷ, cái ngày mà người ta mới tìm ra danh từ « kinh tế chánh trị » (*Economie politique*).

Nhưng từ danh từ ấy — mà Pháp còn cố chấp ôm ấp mãi — đến tiếng « kinh tế » suông của Anh của Mỹ (*Economics*) đến toán học kinh tế (*Mathématiques Economiques*) « đến kinh tế đo lường » (*Econométrie*) người ta đã tiến bao xa rồi? Đó là công trình của lý thuyết. Và hơn nữa, sau mỗi một chánh sách kinh tế của mỗi một nước, nếu ta chịu khó tìm hiểu sâu xa thì sẽ thấy có một lý thuyết làm căn bản và phương châm, trừ phi ra cái chánh sách kinh tế nào chỉ biết nằm gọn gàng trong phạm vi giải quyết những việc hằng ngày. Nếu thật ra chánh sách kinh tế như thế thì chắc chắn bạn và tôi không một ai biết kinh tế nước nhà sẽ đi về đâu. Còn nếu chúng ta không biết kinh tế nước nhà hiện ở đâu thì ai nói tốt nói xấu mặc ai, chúng ta vẫn phải bị quan.

HUỲNH-VĂN-LANG

BÁCH KHOA XXXVIII

CHẾ ĐỘ DÂN CHỦ MÁC - XÍT

NGUỒN GỐC LÝ TƯỞNG DÂN CHỦ MÁC-XÍT

Chủ nghĩa mác xít

HOÀNG-MINH-TUYNH

(biên khảo)

3 — Nhà nước và Cách mệnh

Khởi điểm từ những quan niệm chúng tôi đã trình bày trong hai số Bách-Khoa 35 và 36 (15-6 và 1-7-1958), người mác-xít đi tới những kết luận sau đây :

A.— Nhà nước tư bản chủ nghĩa là một thượng tầng kiến trúc một ngày kia sẽ phải sụp đổ do phát triển của hạ tầng kiến trúc. Chính giai cấp cách mệnh, khi ý thức đầy đủ vai trò của mình và đứng ra lãnh đạo cuộc giai cấp đấu tranh, sẽ giúp một tay vào sự sụp đổ trên. Vấn đề sử dụng phương tiện hòa bình hay bạo động, liên minh với thành phần này hay thành phần nọ, hành động hợp pháp hay bất hợp pháp, là một vấn đề chiến dịch và chiến thuật, tùy theo nhận định của từng lúc mà xét coi nó hữu hiệu hay vô hiệu ; tiêu

chuẩn cho tất cả chỉ là hữu hiệu hay vô hiệu, hữu hiệu thì dùng mà vô hiệu thì bỏ.

Lê-nin đã từng nhắc nhở các phần tử cách mệnh phải coi chừng « tả khuynh » và « hữu khuynh ». Tả khuynh là khi nào người cách mệnh viển vông cần phải giữ tính chất thuần túy cách mệnh mà không chịu dùng những phương tiện thuận lợi, như liên minh với các phần tử tư sản tiến bộ hay sử dụng những phương thế hợp pháp. Hữu khuynh là khi nào người cách mệnh quên lý tưởng xã hội chủ nghĩa không thể nào thực hiện bằng đường lối « cải lương » và trong khuôn khổ của nhà nước tư sản. Hữu khuynh dễ khiến cho người cách mệnh quên, tới một lúc nào đó, Cách mệnh chân thực phải phát hiện, và khi Cách mệnh phát hiện, không thể phát

hiện một cách hoàn toàn hòa bình và hợp pháp được.

B.— Đoạn đường của một xã hội tư bản chủ nghĩa đi tới một xã hội cộng sản chủ nghĩa, gồm ba giai đoạn:

1^o) Trong giai đoạn thứ nhất, thành lập chế độ độc tài vô sản hay vô sản chuyên chính. Vô sản chuyên chính nguyên nó không phải là cứu cánh, chỉ là một phương tiện, một cái cầu bắc giữa xã hội tư bản chủ nghĩa và xã hội cộng sản chủ nghĩa. Nó là một giai đoạn, trong đó, chỉ giai cấp vô sản được nắm chính quyền, hành sử chính quyền không chia sẻ với giai cấp khác và không thừa nhận các tự do cá nhân. Vô sản chuyên chính có phải là một chính thể dân chủ không? Có thể nói chính thể ấy tôn trọng tự do không? Lê-nin trả lời các câu hỏi ấy như sau: « Vô sản chuyên chính, nghĩa là tổ chức tiên phong của giai cấp bị bóc lột trở nên giai cấp thống trị, có mục đích thủ tiêu bọn áp chế, không thể chỉ nguyên làm có việc nói rộng dân chủ. Đồng thời với việc nói rộng dân chủ lần đầu tiên cho các kẻ nghèo, thứ dân chủ cho nhân dân chứ không phải thứ dân chủ dành riêng cho bọn giàu sang, vô sản chuyên chính phải hạn chế tự do của bọn áp chế, của bọn bóc lột, của bọn tư bản. Đối với bọn này, ta phải đàn áp để giải phóng nhân loại khỏi ách nô lệ làm công, phải đập tan sự chống đối của chúng bằng vũ lực và cố nhiên khi đã đàn áp thì phải dùng tới vũ lực và không thể nói đến chuyện tự do, dân chủ. »

2^o) Tuy nhiên, khi giai đoạn vô sản chuyên chính đã qua, sẽ tới giai đoạn của

chế độ cộng sản chân chính, mặc dầu chưa phải là giai đoạn cộng sản hoàn toàn và mới là giai đoạn hạ tầng của chủ nghĩa cộng sản. Một vài điểm thiết yếu của chủ nghĩa cộng sản trong giai đoạn này đã thực hiện được, như nạn người bóc lột người sẽ mất với sự hủy bỏ quyền tư hữu đối với các công cụ sinh sản. Song lý tưởng cuối cùng của chủ nghĩa cộng sản chưa hoàn toàn đạt được và nhất là thuyết bình đẳng cơ bản của chủ nghĩa: « mỗi người hưởng theo nhu cầu » cũng chưa đạt được. Xã hội, ở giai đoạn này, vẫn còn mang nặng « tàn tích của xã hội cũ mà nó đã thoát thai ra ». Cần phải coi chừng bè lũ của bọn tư bản và nhất là sự cần thiết của năng xuất buộc phải phân phối các sản phẩm tùy theo khả năng của mỗi người. Do đấy vẫn còn có bất bình đẳng về tiền công và phần nào về địa vị trong xã hội; không còn giai cấp vì nạn người bóc lột người đã mất, nhưng các bất bình đẳng vẫn chưa tiêu trừ được.

Nhà nước tuy vẫn còn, song Nhà nước bây giờ dân chủ hơn Nhà nước tư bản chủ nghĩa gấp ngàn lần. Việc nhân dân hành sử tự do và các quyền chính trị bắt đầu có một ý nghĩa. Tuy nhiên chưa thể nói tới chuyện bãi bỏ Nhà nước: sự cần thiết của công cuộc sản xuất và các bất bình đẳng do tiền công gây ra bắt buộc phải duy trì một thủ đoạn cưỡng bách, thì Nhà nước trước hết là một phương tiện cưỡng bách vậy.

3^o) Mức cuối cùng của tiến triển nằm trong giai đoạn thượng tầng của chủ nghĩa Cộng sản, giai đoạn huyền bí mà

các lý thuyết gia mác xít đề cập rất ít. Sự kiện biến chuyển chung kết này liên quan mật thiết với phát triển vĩ đại của các lực lượng sinh sản đã được giải thoát khỏi các chương ngại do chủ nghĩa tư bản gây nên. Bây giờ đã tới lúc có thể thay thế châm ngôn : « mỗi người hưởng theo nhu cầu » bằng châm ngôn : « mỗi người làm theo khả năng ». Nguyên, khi đó, mức sản xuất đã lên tới một cao độ khiến các vấn đề phân phối sản phẩm không cần phải nêu lên nữa ; và tâm lý con người cũng đổi thay khiến không cần phải dùng tới sự cưỡng bách trong cuộc tổ chức sản xuất phẩm vật. « Loài người sẽ quen với việc tuân giữ các qui tắc cơ bản trong cuộc sinh hoạt tập thể và sức lao động của họ sản xuất nhiều đến nỗi họ sẽ tình nguyện làm việc theo khả năng. Cái nhỡn tuyến hẹp hòi của luật pháp tư sản buộc người ta phải tính toán, phải chi li chặt chẽ theo lối anh chàng Shylock (cũng như nói anh chàng Chetty) : « Tôi không đại gì làm nửa giờ nhiều hơn kẻ khác, tôi không đại gì làm công việc này vì công việc này ít lợi hơn công việc khác » sẽ được thay thế bằng một nhỡn tuyến bao la, vĩ đại hơn. Công việc phân phối sản phẩm cho các phần tử trong xã hội sẽ không cần phải có một hạn chế nào vì mỗi phần tử cần dùng bao nhiêu, cứ việc tự do mà lấy ». (Lê-nin).

Do đây, Nhà nước sẽ không còn có lý do tồn tại. Ngay trong giai đoạn hạ tầng, khi mà tâm lý và tập quán

con người cải biến theo hướng của chủ nghĩa cộng sản chỉ vạch, Nhà nước đã lần lần khuất đi và ngày càng suy yếu. Sự suy yếu sẽ đưa tới chỗ tiêu hủy. Nhà nước trở nên vô ích khi sản xuất và phân phối có thể tổ chức được một cách tự nhiên, không cần cưỡng bách.

Xem như vậy, thì trong mức cuối cùng, sự phát triển chủ nghĩa cộng sản sẽ đi tới một chế độ vô chính phủ, nghĩa là đi tới chỗ bãi bỏ Nhà nước và mọi hệ thống cưỡng bách. Song chủ nghĩa vô chính phủ của chủ nghĩa cộng sản khác với chủ nghĩa vô chính phủ của chủ nghĩa cá nhân ở chỗ chủ nghĩa trên cho sự bãi bỏ tức khắc Nhà nước là điều không thể làm và không nên làm.

Thật ra, giai đoạn chung kết này, không ai biết là bao giờ nó sẽ xuất hiện và sẽ xuất hiện ra sao. Song đối với người mác xít thì nó không phải là một ảo tưởng. Đáp lại điều người ta bảo giai đoạn chung kết còn tùy thuộc sự cải biến sâu xa của con người, con người có cải biến sâu xa về toàn diện thì giai đoạn chung kết mới hy vọng đạt tới được, người mác xít đáp lại : chính đó sẽ là kết quả của sự thành lập một xã hội cộng sản hay nói một cách khác, có thành lập một xã hội cộng sản thì rồi con người mới có cơ cải biến được. Tâm lý con người do những điều kiện khách quan của sinh hoạt điều khiển, nên tâm lý của họ rồi sẽ thay đổi rất sâu xa. Làm sao tiêu trừ được

nạn người bóc lột người thì người sẽ được « cứu chuộc » thật sự, song công cuộc cứu chuộc này không phải như công cuộc cứu chuộc của Ky-tô giáo ở sau chúng ta, mà nó ở trước chúng ta vậy.

Giai đoạn thượng tầng này có phải là giai đoạn sau hết chăng ? Giai đoạn này sẽ chấm dứt phát triển biện chứng của vũ trụ và nhân loại chăng ? Câu giải đáp về điểm này còn rất mờ mịt. Một mặt, người ta khó lòng quan niệm được rằng phát triển nằm trong lòng vũ trụ có thể, một lúc nào đó, ngưng lại. Mặt khác, người ta tự hỏi làm sao còn có thể có những cải biến trong

một xã hội đã thanh toán, tiêu trừ được các mối xung đột vốn là động cơ thúc đẩy phát triển. Đương nhiên, câu biện giải sẽ là : một khi loài người đã làm chủ mọi quyết định thiên nhiên thì loài người trở nên một thứ thần minh có thể điều khiển cuộc tiến hóa một cách ý thức. Song ở đây, ta đã ra ngoài phạm vi chủ nghĩa mác-xít là chủ nghĩa không tin rằng nhận thức khoa học, nhận thức duy nhất có giá trị đối với họ, có thể đi tới giải đáp nêu trên.

HOÀNG-MINH-TUYNH
(biên khảo)

Danh ngôn, danh lý
NGHỆ THUẬT LÀM THỦ LÃNH
SỰ MỆNH LỚN LAO CỦA THỦ LÃNH :
PHỤC VỤ

★ **Đ**ể sinh tồn, một quốc gia cần phải có những phần tử biết chọn lựa một chủ thuyết, cố thủ lấy chủ thuyết ấy và tự ấn định cho mình một tiêu chuẩn, một mệnh lệnh. Tôi đã lựa chọn, tôi đã tự đặt mình vào một kỷ luật : « phục vụ » (Weygand)

★ **C**hỉ huy, chính là phục vụ. Thủ lĩnh phục vụ đoàn thể, song như vậy không có nghĩa là thủ lĩnh phải theo mệnh lệnh của đoàn thể vì mệnh lệnh này chỉ biểu hiệu những thị hiếu bất nhất, vô thường, và thường do lời qua tiếng lại của những kẻ trục lợi bên ngoài ảnh hưởng đến.

NẾP SỐNG ĐÔNG PHƯƠNG

NGUYỄN-VĂN-HÀM

Từ ngàn xưa, các đế quốc Tây phương bao giờ cũng tỏ ra một sức sống mãnh liệt, ồ ạt. Người La-mã, Hi-lạp mở những cuộc chinh phục các dân tộc chung quanh, dù phải tàn sát rất nhiều người. Đông phương thì không thế, trừ người Mông-cò hiếu chiến, hầu như không có một sinh hoạt tinh thần đáng chú ý, còn thì các quốc gia Á-đông như luôn luôn trầm mặc trong cuộc sống lặng lẽ của mình. Ngay trong cuộc Nam tiến của ta cũng thế, từ Nam-quan vào đến Cà-mau, tổ tiên ta đã lần từng bước một qua nhiều thế kỷ. Trên bước đường đó, tiền nhân đã tiết kiệm được những cuộc đổ máu, chậm chạp như tằm ăn lá dâu và cuối cùng, kết thúc bằng một cuộc đồng hóa ôn hòa. Cho đến thế kỷ thứ 20, người Việt-nam ta vẫn giữ cái áo dài đen còn sót lại từ ngàn năm trước. Người nông dân Đông phương vẫn cày con trâu, cái cày bè bặm. Sinh hoạt kỹ thuật đơn giản ấy đã ảnh hưởng không ít

đến nếp sống tinh thần của chúng ta : đạo đức, mỹ nghệ và văn chương.

Trước hết, ở Tây phương, một Héraclite cho rằng vũ trụ cấu thành bởi những nguyên tố vật chất, một Pythagore tính toán về những con số để tìm hiểu về cuộc đời, một Kant đưa ra lý thuyết về vật tự thân (*chose en soi*). Ở đây, ta không phân tích những điều ấy đúng sai thế nào, mà ta chỉ xét riêng về điểm này : từ xưa, Tây phương đã đặt thế giới khách quan ra ngoài bản ngã chủ quan và xem đó là hai thực thể riêng biệt.

Đông phương thì không thế, triết học Đông phương quan niệm tiểu ngã của con người lẫn vào trong đại ngã của vũ trụ.

*Thiên địa dữ ngã tịnh sinh
Vạn vật dữ ngã vi nhất*

(Trang-Từ)

Hay văn chương hơn :

Lạc hà dư cô vụ lễ phi.

Thu thủy cộng trường thiên nhất sắc

(Vương-Bộ)

Ráng chiều cái hạc cùng bay.

*Trời thu sắc nước một màu xanh
xanh (1)*

Người Tây phương nói đến giấc mộng và cuộc đời như hai thế giới : thế giới hữu hình và thế giới mộng tưởng. Ở Đông phương, hai thế giới ấy đã hòa hợp vào nhau. Trang-Sinh năm mơ thấy mình hóa bướm khi tỉnh giấc phân vân tự hỏi : bướm đã hóa ra ta hay chính ta đã trở thành bướm. Và, cho đến thế kỷ thứ 20 một thi sĩ vẫn còn thắc mắc :

Ta mơ trong đời hay trong mộng ?

(Thơ Lưu-Trọng-Lư)

Kiếp sống giả tạm này chỉ là như :

Ký phù du ư thiên địa.

Diệu thương hải như nhất tức.

Như hạt lúa nổi chìm trong bốn bể

Cảnh phù du cao thấp dưới chân trời.

(Xích bích phú-Tô đông pha)

Thế giới này là sắc sắc không không và chuyện đời :

Giàu sang chứa chín một nổi kè.

Nếu ở xã hội Sparte và sau này Nietzsche chủ trương một nền đạo đức chỉ có sức mạnh thì ở Đông-phương, « Đức Phật ngồi nhập định dưới gốc cây Bồ-đề, chìm lìm tồ trên đầu mà không biết ». Nếu Tây phương có những

Magellan, những Christophe Colomb vượt trùng dương tìm ra đất mới thì Đông-phương với Tagore, với Vương-dương-Minh, người ta mở những cuộc thám hiểm vào thế giới bên trong của lòng người. Ở đây, người ta sống câm lặng như, theo lời Nguyễn-Tuân « con ốc nằm bên bờ bể bình yên thế thôi, câm lặng thế thôi, nhưng trong lòng nó chứa cả cái sóng gió của cả một đại trùng dương đó » [sic]. Tây phương từ thời cổ La-mã, cổ Hi-lạp con người đã biết sống theo những nguyên tắc chính trị rõ ràng, trong xã hội đó luật pháp phân định rõ nghĩa vụ và quyền lợi của con người. Ở Đông phương, nền chính trị mềm dẻo hơn, có những quan tòa xử kiện bằng một bài thơ :

Khen rằng giá đáng Thịnh Đường.

Tài này dầu đúc nhà vàng cũng nên

(Kiều)

Và, như Hoài - Thanh đã viết, mỗi khi có người đi đâu xa về, hàng xóm trèo tường nhìn qua và chong đèn ngồi bàn chuyện thâu đêm. Cái xã hội đó cơ hồ như ngàn năm không thay đổi nhịp sống của mình :

Triều văn du tử xướng ly ca.

Lạc nhật vi sương sơ độ hà.

(Sáng nghe du tử ca ly biệt

Chiều xuống sương mờ lần sang sông)

Mùa xuân có những chàng trai trẻ bận áo xanh đi rong chơi trong cái khung cảnh :

(1) Những câu thơ dịch trong bài nếu không chú tên dịch giả thì là của kẻ viết bài này.

Cỏ non xanh rợn chân trời.
 đề, đến khi về, gót chân ngựa còn
 phảng phất mùi hương hoa cỏ :

Đạp hoa qui khứ mã đề hương

Cái thế giới ấy trong sáng quá :

Núi xanh và trời xanh biếc.

Mây đào với má đào xinh

(Thơ Đinh-Hùng)

Có một viên huyện lệnh cởi áo chuộc
 tội cho người đẹp vô tình làm gãy một
 cành mẫu đơn (truyện Từ-thứ). Có một
 thi sĩ, tỉnh giấc ra nghe tiếng chim kêu
 mới biết là mùa xuân đã trở về, cảm
 khái cho cuộc đời mà uống rượu say
 khướt :

Xử thế nhược đại mộng

Hồ vi lao kỳ sinh

Sở dĩ chung nhật túy.

Đôi nhiên ngộa tiền đình.

Giác lai miện đình tiền

Nhất điều hoa gian minh.

Tá vấn thử hà nhật.

Xuân phong ngữ lưu huynh.

(Thơ Lý-Bạch)

Ở đời tựa giấc chiêm bao

Làm chi mà phải lao đao nhọc mình

Suốt ngày mượn chén khuây lỉnh

Say rồi nghiêng ngửa bên màn hàng ba

Tỉnh ra nhìn mé trước nhà

Một con chim hót trong hoa ngọt ngào.

Hỏi xem ngày ấy, ngày nào

Chim oanh riu rít đón chào gió đông.

(Trần-Trọng-Kim dịch)

Cái sống nhịp điệu một cách rất đều
 đặn với thời tiết, con tu hú lúc báo tin
 mùa hạ đã sang rồi thì mùa thu tới lúa
 vàng rực cả cánh đồng, tiếng ngâm thơ
 vang lên trong sương sớm, đất trời bàng
 bạc, ta đọc thấy trong lòng người cái ngo
 ngác của một chiếc nai con lạc lối :

Em nghe chẳng rùng thu ?

Lá thu rơi xào xạc.

Con nai vàng ngo ngác.

Đạp trên lá vàng khô.

(Thơ Lưu-Trọng-Lưu)

và đêm đêm tiếng đập vải như làm lung
 linh cả ánh trăng :

Chức nữ chăm y hủ dạ nguyệt.

(Đường thi)

Sương bay bốn hướng, chim hồng chim
 nhạn kêu bi thương, kẻ ra Hoàng hoa thú
 ở biên cương lòng những nhớ nhà và nơi
 lều tranh, mẹ già tựa cửa, mắt nhìn đắm
 đắm :

Cửu nguyệt thu thâm hể tứ dã phi

sương

Sơn cao thủy cá hể hường nhạn bi

thương

Bạch phát ỷ môn hể vọng xuyên thu

thủy.

(Xuy tiêu tán sở)

Nếu Tây phương đào núi ngăn sông,
 dùng sức mình để « tấn công » tự nhiên
 thì ở Đông phương người với tạo vật là
 bè bạn :

... Đồng xanh ta thiếu đất cày

Nghe rừng lăm đất, lên đây với rừng...

(thơ mới)

Núi non sông nước là nơi người gởi
gắm tâm sự :

*Giang san một gánh chèo leo
Qua sông nỉ nước, qua đèo nỉ non.*

(ca dao)

Hãy nghe người than thở với núi :

*Núi cao chi lắm núi ơi
Che lấp mặt trời che cả người thương.*

(ca dao Việt-Nam)

Nếu vầng trăng chỉ được nhắc đến một
cách sơ sài ở Tây phương, thì ở Đông
phương, trăng là nguồn cảm hứng vô tận
của thi nhân. Trăng đến chia buồn với
người trong cuộc ly biệt :

Vầng trăng ai xẻ làm đôi.

Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường

(Kiều)

Người ở xa nhà, đêm đêm mơ về cố
hương, ước được như vầng trăng vằng vặc
chiếu xuống thềm cũ, nơi người đẹp ngồi
hong mái tóc :

Bất tri thừa nguyệt kỷ nhân qui

Nguyệt lạc giao tình mãn giang thụ

mà Ngô Tất Tố dịch :

Theo trăng bao kẻ về làng

Trăng đi tình vẫn mơ màng ngàn cây.

(Thơ Trương-nhược-Hư)

Trăng trôi im lìm trên dòng sông làm
thôn thức lòng người ly phụ :

Đâu đó tấm dương sầu lắng đợi

Nghe hồn li phụ khóc trên tơ.

(Thơ Vú-hoàng-Chương)

và đây, trăng nhập vào trong hồn
người :

Trăng nhập vào dây cung nguyệt lạnh.

Trăng thương, trăng nhớ hỡi trăng rằm !

Còn gì tha thiết hơn khi ta nghe một
Tô đông Pha :

Huống chi lữ, ta cùng bạn lữa.

Vui ngư tiêu lẫn lữa bên sông.

Hươu nai tôm cá bạn cùng,

*Thuyền chung một mái rượu chung
một bầu,*

(Dịch xích xích phú)

Huống ngô dũ tử.

Ngu ngư tiền tư giang chữ chi thương

Lữ ngư Hà nhi hữu mê lộc...

Ngược lại đề đáp tình người, tự nhiên
vì người mà hương sắc :

Đình thụ bất tri nhân khứ tận.

Xuân lai hoàn phát cựu thì ba.

(Cây vườn nào biết người đi vắng,

Xuân sang lại nở đóa hoa xưa).

(dịch Cồ thi)

Đồng cảm với tự nhiên, con người sinh
ra từ lòng đất, sau những ngày góp vui với
cuộc đời, người trở về với hạc nội mây
ngàn :

Sư đà hái thuốc phương xa.

Mây bay hạc lánh biết là về đâu.

(Kiều)

Một Trương-Lương bỏ ấn phong hầu
đi lẫn vào trong núi biếc, một Phạm-
Lãi thả chiếc thuyền con, phiếm du nơi

Ngũ-Hồ, một Đào-Tiềm như muốn tan ra mây khói mà hòa hợp với trời đất :

*Vân vô tâm nhi xuất trục.
Điền quyền phi nhi quy hoàn*

(Qui khứ lai từ)

(Luồng mây bạc thành linh nứt mặt.
Cánh chim bay mỗi ngút mong về).

Mơ ước của người là được trở về nhập vào đại ngã của vũ trụ :

... Hà xứ thanh sơn nhập mộng Tồn.

Cuộc sống lẫn vào tự nhiên, những công trình kiến thiết của con người, như lời Phạm-văn-Hạnh, « kiến trúc Tàu tỏa rộng hơn là vươn cao, những điện đài thâm u lẫn bóng vào trong cây cỏ ».

Nếu ở Âu châu có những chuông nhà thờ cao ngất thì ở chúng ta :

*Mái A-phòng chưa tan khói mơ vua.
Rêu Đế-thích nở nụ cười vô lượng,*
(Thơ Vũ-Hân)

Trên khắp nẻo đường đất nước của chúng ta nơi nào cũng bờ tre, ruộng lúa, mái rạ đơn sơ, khói chiều lên biêng biếc, cuộc sống pha vào trong thi ca và thi ca, ngược lại, phản ánh một cách rất đúng cuộc đời.

Bên cạnh những điệu Valse, Rumba, Rock and Roll rộn rập ồn ào, âm nhạc Đông phương u hoài ảo não như tiếng côn trùng vào một chiều mưa. Có phải như thế không, hỡi các bạn, khi ta nghe giọng ca vọng cổ, điệu Nam bình, Nam ai, và tiếng hò trên sông Hương ?

Và này nữa, nếu cuộc sống giản dị như mo nước chè cùng nhau uống bên

bực cửa, như hơi thuốc Lào ăm cúng giữa đêm khuya, thì tình người cũng vậy, nó đơn sơ thắm thiết như miếng trầu mà người ta đưa tặng nhau :

*Miếng trầu ăn nặng bằng chì,
Chẳng ăn cầm lấy cho nhau bằng lòng.*
(Ca dao)

Nếu ở Tây phương, Lamartine đã khóc lớn lên :

*Allez où va mon âme ! allez, ô mes
pensées ;
Mon cœur est plein, je veux pleurer.*
(Les premiers regrets)

Thì ở đây trong Trường ca hành ta thấy :

*Mười bốn về làm vợ.
Thiếp e then bẽ bàng...
Mười lăm mi mới nở.
Nguyễn ghi tạc đá vàng
Mười sáu chàng ra đi
Trơ vơ lối cô đường
Tháng tám ngoài vườn cỏ.
Nhờn như đôi bướm vàng.
Tự cảm đau lòng thiếp.
Nhìn tàn tạ hồng nhan.
Sớm chiều xuống ba quận
Mong ngóng đợi tin chàng*

(thơ Lý Bạch, Khái hưng dịch)

Xa cách nhau trong cuộc đời, người ta tìm gặp nhau trong giấc mộng :

... *Tìm chàng thuở Dương đài lối cũ.
Gặp chàng nơi Tương-phố bến xưa...*
(Chinh phụ ngâm)

NẾP SỐNG ĐÔNG PHƯƠNG

Chỉ khổ cho cái con chim oanh, mới
bánh mắt ra đã véo von trên cành khiến
cho giấc mơ chóng tàn :

*Đã khởi hoàng anh nhí.
Mạc giáo chi thương đề.
Đề thì kinh thiếp mộng.
Bắt đặc đáo Liêu-Tây.*

(Y châu Tử)

*(Nhờ ai đuổi họ con oanh
Đề cho con quái trên cành véo von
Làm cho em ngủ không ngon
Hồn mơ chẳng tới cửa đồn Liêu Tây).*
(Ngô tất Tố dịch)

Người ta yêu nhau, sao mà tha thiết
làm vậy ?

Nơi đây không có những cuộc tình
ồn ào, kịch liệt, nơi đây có cái e lệ kín đáo
của nàng xuân nữ tuổi chớm trăng tròn :

*Khách đà lên ngựa người còn ghé theo
Dưới cầu nước chảy trong veo.
Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha.*

Nơi đây, người ta có thể chết vì
một bài thơ (1). Bài thơ đó :

*Tích niên kim nhật thử môn trung.
Nhân diện, đào ba tương ánh hồng.
Nhân diện bất tri hà xứ khứ.
Đào ba y cựu tiểu đông phong*

(Thôi Hộ)

*Năm xưa trong cánh cửa này
Hoa đào ánh với mặt người đỏ tươi.
Người xưa chẳng biết đâu rồi
Hoa đào còn đó vẫn cười gió đông*
(phỏng theo Trần-Trọng-Kim)

Người giai nhân mong manh như
ánh trăng, yếu mềm như tơ liễu ấy đã
héo hon vì một tiếng hát trong sương
mờ :

Ngày xưa... có anh Trương-Chi...

Bên cạnh « những câu thơ kêu gào
rạo rức của Musset và George Sand,
có một bức thơ Đường thác lờn người
tiết phụ » :

*Hoàn quân minh châu song lệ thủy.
Hận bất tương phùng vị giá thì
Trà chàng này cặp mình châu.
Mà đôi dòng lệ rầu rầu như mưa.
Tiếc rằng chẳng gặp từ xưa.
Những ngày hoa gấm em chưa có
chồng.*

(Lời dịch của người viết)

Ái tình thanh thoát và bay bổng
lên :

*... và nàng Lộng-ngọc lấy Tiêu-lang.
Cối hạc một đêm bay lên trời.*
(Xuân-Diệu)

Ở đây có một người cung nữ đến
phút lâm chung, không chịu để nhà vua
thấy mặt, sợ sẽ in vào lòng người một
hình ảnh tiêu tụy đáng buồn :

*Tóc mây một món chiếc đao vàng,
Nghìn trùng e lệ phụng quán vương.
Trăm năm tình cũ lìa không hận.
Thà nép mây hoa thiếp phụ chàng.*
(Mẫu thời gian, Đoàn-phú-Tứ)

(1) Truyện Thôi Hộ (theo lời chú của cụ Trần
Trọng Kim trong Đường Thi)

Bên Tây phương, nếu có một chiến sĩ từ mặt trận trở về sau bao nhiêu xa cách, ta thấy họ ôm nhau hôn hít, khóc cười một cách hân hoan, không như trong chinh phụ ngâm :

*Thiếp chẳng đại như người Tô-phụ.
Chàng hẳn không như lũ Lạc dương
Khi về mang quả ấn vàng.*

*Trên khung cửi đám rẫy ruộng làm
cao*

*Xin vì chàng xếp bèo cõi giấc.
Xin vì chàng rửa lớp phong sương.
Vì chàng tay chuốc chén vàng.
Vì chàng điem phấn thoa hương nảo
nùng*

*Mở khăn lệ chàng trông từng tấm
Đọc thơ sầu chàng thăm từng câu...*

Xa cách thì nhớ nhung tha thiết mà ngày hội ngộ vẫn giữ được cái ít lời, cảm lặng của Á-đông và hạnh phúc nắm được trong tay. Sui người ta nhớ đến những ngày vui đã mất. Hạnh phúc đó, nó mới bé bỏng và tội nghiệp làm sao !

Ngay trong cái giao thiệp, người Đông phương cũng im lặng họ như hầu quên mất thế giới bên ngoài, tự lắng mình xuống để đi vào nhau, qua những cửa ngõ của tâm lòng. Gặp nhau mà chỉ nói chuyện với nhau bằng bút đàm hay đối diện đàm tâm hoặc :

Quân tử chi giao đạm nhược thủy.

Cho đến chuyện thù tạc, ly cà phê của Tây phương cũng ngọt ngào chân thực của cái vị đường, không như cái hương vị thanh thanh của chén trà tàu Vũ-di-Sơn trong xanh, rót từng chiếc ấm Thế đức gan gà.

Khi đã hiểu nhau họ dành cho nhau một chỗ ngồi xứng đáng trong tâm hồn, Bá-Nha đã chẳng khóc nỉ non qua đây tơ dấy ư ?

Tử kỳ ! Tử kỳ hề !

Nề ngã thiên kim nghĩa.

Thử khúc chung hề bất phục đàn.

Tam phiến giao cầm vị quân tử.

(Kim cồ kỳ quan)

(Tử kỳ ! tử kỳ ư !

Ta, người nghĩa ngàn vàng

Khúc này rồi thôi không đàn nữa

Ba thước giao cầm ta đập tan)

(Lời dịch của người viết)

Nếu ở Tây phương có Rimbaud và Verlaine say tình bạn, ồn ào, thì ở Đông phương, Lý - trác - Ngô và Kim - Thánh Thán hai người đầu tóc bạc tám mươi mà vẫn còn thương yêu nhau như trong một ngày :

Trời đất xuôi về đền Ngũ tướng

Gió mưa đêm nửa mả Ngô Vương

Lại chơi rượu chảnh ta bàn chuyện

Dấu chết chôn đi sự cũng thường

(Thơ dịch của Lý-trác-Ngô)

Ca dao ta có câu :

Hoa hồng thơm nực mau phai.

*Thoảng thoảng hoa lài thì được thơm
lâu*

(ca dao)

Có lẽ cũng vì thế. Đây là một đôi tri kỷ xa nhau trong Xích-bích phú :

Diều diều hề dư hoài,

Vọng mỹ nhân hề thiên nhất phương

*(Rằng ta dằng dặc nhớ thương
Nhớ thương người đẹp một phương
xa vời*

(Lời dịch của người viết)

Người ta có kể chuyện một ông quan nọ vào hạng công khanh khi trở về thăm thầy cũ nơi mái tranh xưa vẫn e dè khép nép như những ngày còn nhỏ (1) Và nữa, một vị kinh lược sứ (2) khi đến thăm nhà một kẻ cự gia, chỉ bận một chiếc áo the thâm, vẫn đôi dép cỏ đơn sơ một mình vào ngồi trên vóng chờ bạn còn đang bận buổi cày. Vị quan ấy, đã thường thức với bạn nghèo một cách chân thành một bữa cơm chỉ có toàn dưa muối đề cùng nhau đàm đạo chuyện ngày xưa. Vào buổi sử trình sang Pháp, Lê-bích-Ngô đưa tặng cụ Phan một bài thơ thác lời cảnh dương liễu mà cụ xem quý hơn bao nhiêu bảo vật ở đời.

*Trân trọng mạc giao hành khách thủ
Đoạn tương phân tặng biệt ly nhân*

Trọng nhau vì hiểu nhau thì lại càng yêu nhau vì cảnh ngộ :

*Cùng một lúa bên trời lặn đạn.
Gặp gỡ nhau lộ sẵn quên nhau*

(Tỷ bà hành)

Cho nên mãi đến thế kỷ này, hẳn chúng ta cũng còn nhỏ nước mắt cho cái tâm sự :

*Bất tri tam bách dư niên hậu
Thiên hạ thù nhân khắp Tố Như.*

(Nguyễn Du)

Sách xưa có nói : « Ta hồ ! văn chương chỉ sự, thốn tâm thiên cổ », nên trong

cuộc đời, đã có những kẻ đêm đêm chong đèn đọc sách đề « mà đem nước mắt khóc người đời xưa ».

Thiên nhiên, ái ân và tri kỷ là ba món ăn không thể thiếu được. Một Lý Bạch say rượu nhảy xuống lòng sông sâu đề ôm lấy mặt trăng, một Tùy Đường-Đế đã cho đào Vận-lương hà dài vạn dặm đề đến xem hoa nở ở đất Quỳnh-Châu, một U-vương dám đem ngàn vàng và cả cơ nghiệp mà đổi lấy một nụ cười của người đẹp. Và, cho đến khi quân giặc tràn vào kinh đô, một Trần-Hậu-chủ vẫn đang say sưa vì một tứ thơ.

Ở đây kiếp sống là giả tạm, nếu có một cái cao quý, lâu dài và bền bỉ hơn, cái đó là Tình Người. Tình người quả có một giá trị rất lớn trong cuộc sống Đông phương. Chẳng thế mà có nhiều kẻ, như Yêu-Ly, đã dám :

Đem cái chết đề tạ lòng tri kỷ.

Thành thử, song song với cuộc sống tình cảm phong phú, người Đông-phương rất chuộng khí tiết.

Một Hạng-Võ, đến bước đường cùng, đã biết chết một cách rất đẹp, sau khi chuốc rượu, cất giọng ca cảm khái mà làm vui lòng người yêu :

*Lực bạt sơn hễ khi cái thế
Thời bất lợi hễ truy bất thế...*

(Tây sử bá vương)

và Ngu-cơ, say múa trong trường gấm, rồi, với ba thước gươm, tự kết liễu đời

(1) Truyện ông Chu-văn-An

(2) Phan-thanh-Giản.

mình để cho tròn chung thủy. Vì tha thiết yêu cuộc sống nên người Đông phương không ngần ngại hy sinh cá nhân cho đại cuộc và ở đó, con người đã xây dựng được nhân vị của mình.

Ở Việt-nam chúng ta, cái khảng khái của đấng trượng phu, cái khí tiết của người quân tử đã gặp nhau trên lời nói và việc làm của một người đã chép vào lịch sử của nước ta những dòng đẹp nhất :

« Bệ hạ muốn xin hàng, trước hãy xin chém đầu thần đi đã ». (1)

và còn biết bao nhiêu người đã « thà làm quỉ nước Nam còn hơn làm vương đất Bắc ».

Từ khi có cuộc tiếp xúc với Tây phương, xã hội ta như dần dần lột xác. Nước ta và Đông nam Á bước vào một thời kỳ ly loạn. Hầu hết những cuộc gặp gỡ giữa Tây phương và các quốc gia phương Đông đều xảy ra một cách đáng tiếc : trong những cuộc đồ máu đó, bao giờ những thiệt hại cũng về phía chúng ta. Rồi thì, những lực lượng vật chất bắt đầu ngự trị lên mọi sinh hoạt.

Đề theo kịp sự ồn ào của tiếng bom gầm, tiếng máy rú người ta đã

sống vung vãi. Giấc mộng Hồ-diệp ngày xưa đã là quá xa xôi rồi và phải chăng lối sống đơn sơ, chút tình chung thủy, lòng khí tiết chỉ còn là những cái gì thuộc về dĩ vãng !

Tôi không nói như Kipling : « Đông là Đông mà Tây là Tây, Đông, Tây không gặp nhau được », vì ở cái thời đại này, có vấn đề nào của một quốc gia này mà lại không liên hệ đến những quốc gia khác đâu ?

Vậy Đông phương và Tây phương « phải » gặp nhau. Nhưng tôi muốn Tây phương và Đông phương bắt tay nhau với tình hữu nghị. Chúng ta một mặt hãy học tập cách oanh tạc hạt nhân nguyên tử để đem năng lượng dùng vào sự nâng cao mức sống cho mọi người, một mặt xin hãy giữ lấy nếp sống cổ hữu của chúng ta, của Đông phương muôn thuở. Được như vậy, chúng ta sẽ thấy những vị lãnh đạo chính phủ, một tay hạ bút ký sắc lệnh cho thành lập những nhà máy thủy điện, một tay cởi khoác áo ngoài của mình mà đắp cho người nghèo khổ như Lê-thánh-Tôn trước đây.

NGUYỄN-VĂN-HÀM

(1) Hưng-đạo đại-vương Trần-quốc-Tuân

★ NGƯỜI thủ lãnh chân chính không bao giờ tìm cách chế ngự người để thỏa lòng riêng. Người thủ lãnh chân chính không sử dụng người, mà giúp người phục vụ một chính nghĩa vượt trên họ ; lúc nào cũng lao tâm khổ tứ vì công việc chung, đó là yếu tố cốt thiết của một tâm hồn thủ lãnh.

NƯỚC PHÁP

và

GIẢI PHÁP DE GAULLE

TIỂU-DẪN

Từ mấy tháng trở lại đây, nhân dân thế giới đặc biệt chú ý đến chính tình nước Pháp.

Người ta quan tâm đến những biến chuyển chính trị ở Pháp không những vì nước Pháp là một trong tứ cường, có vai trò chiến lược trọng yếu trong hàng trận thế giới tự do ; dư luận quốc tế hướng về Ba-lê còn vì một lý do không kém phần quan trọng nữa là người ta muốn thấu nhận một kinh nghiệm quý giá về hiệu lực của chế độ Dân chủ Đại nghị ở một quốc gia vẫn được xem là « xứ sở của Dân chủ, Tự do ». Đối với các dân tộc hậu tiến ở Á, Phi, tình hình chính trị ở Pháp còn giúp cho họ một nhận định mới và thực tiễn về đường lối đấu tranh giải phóng của dân tộc thuộc địa và về chủ nghĩa thực dân sau Đại chiến lần thứ hai, qua vấn đề

Algérie, một vấn đề chính trị cực kỳ phức tạp.

Trong vòng một năm nay, ba sự kiện xảy ra có quan hệ mật thiết đến tình hình nước Pháp :

1) Việc Anh Mỹ cung cấp vũ khí cho Tunisie.

2) Hội nghị Tanger giữa hai quốc gia Tunisie, Maroc và lực lượng kháng chiến Algérie, kể đó việc thành lập chính phủ kháng chiến lưu vong Algérie.

3) Tướng De Gaulle lên nắm chính quyền ở Pháp theo đường lối hợp với hiến pháp.

Ba sự kiện này có ý nghĩa là những phương diện khác nhau của vấn đề nước Pháp :

— Pháp và Đồng-Minh Bắc Đại Tây Dương.

— Pháp và Algérie, nói chung, Pháp và Bắc Phi.

— Pháp và nền Đệ tứ Cộng hòa.

Một sự xem xét tổng hợp các phương diện trên sẽ giúp ta có một ý niệm về hiện trạng nước Pháp. Dựa vào đây, ta cố gắng dự đoán tương lai nền Đệ tứ Cộng hòa và giá trị của giải pháp De Gaulle.

I) Nước Pháp Đệ-tứ Cộng-hòa

Ngày 26 tháng 8 năm 1944, sau khi tiếp xúc với dân chúng kinh thành Ba-lê vừa được giải phóng, De Gaulle, người anh hùng cứu quốc của dân tộc Pháp, ghi vào nhật ký mấy dòng sau :

«... Đêm nay, sau bao nhiêu sự náo nhiệt, tất cả đều yên lặng quanh mình tôi. Đây là giờ phút chứng nhận những gì vừa thực hiện được... Bây giờ đây sự Thống Nhất đã thắng... Nước Pháp ngày nào tưởng chừng phải mỗi mòn trong thảm họa, trong thất vọng, trong phân chia, giờ đây đã có những khả năng thuận lợi để đi trọn con đường lịch sử, để chiến thắng vinh quang, để thu hồi lãnh thổ, địa vị và uy tín... »

Mười bốn năm sau, vào tháng 6 năm 1958, tướng De Gaulle mà thời cuộc đưa lên nắm chính quyền, qua sự tấn phong của quốc hội, hẳn phải suy nghĩ về sự thật phũ phàng ngày nay.

Không! Sau Đại chiến, nước Pháp không lúc nào hưởng được cảnh « thuận buồm, xuôi gió ». Sự đoàn kết thiêng liêng trước ngày giải phóng đã trở thành một câu chuyện mà thỉnh thoảng người

ta gọi lại để xác nhận một trang sử về vang đã lật qua vĩnh viễn. Giờ đây, thủ tướng De Gaulle phải lèo lái một nước Pháp suy yếu và chia rẽ, bên lề một sự đồ sộ mà hậu quả sẽ vô cùng tai hại cho nhân dân Pháp và cho thể giới tự do. Giải pháp De Gaulle mà từ mười ba năm nay phe hữu xem như giải pháp duy nhất khả dĩ cứu vãn nước Pháp, sẽ kiến hiệu chăng hay đã trở nên lỗi thời ?

Ta hãy nhận định khái quát về tình hình nước Pháp thời hậu chiến.

A.— Vang và bóng một thời

Có lẽ không có một sự thật nào oái oăm cho bằng sự khác biệt giữa Pháp và Tây Đức sau Đại chiến.

Pháp là một quốc gia, hơn thế, một cường quốc, chiến thắng vinh quang. Đức là một quốc gia bại trận. Nhưng tình hình của Tây-Đức so với tình hình của Pháp lại khả quan hơn nhiều.

Hiện nay về kinh tế, tài chánh, Tây Đức đạt đến một sự phồn thịnh làm ngạc nhiên cả thế giới. Đồng mark, tiền Đức, được xem là một trong những đồng tiền ổn định nhất về giá trị. Tư bản Tây-Đức dồi dào đến độ hiện nay quốc gia ấy đang đẩy mạnh chương trình đầu tư vào các nước hậu tiến. Trong khi đó thì nước Pháp quần quai trong một tình trạng nguy ngập. Ngân sách thiếu quân bình hàng ngày lại bị chi phí về chiến cuộc Algérie đục khoét nên những lỗ hổng to lớn. Mặc dù các biện pháp về tiền tệ Ramadier, Gaillard, cùng các chính sách « tiết kiệm », « khắc khổ », được liên tiếp thi hành, đồng

phật lãng vẫn phải sụt giá, ảnh hưởng đến sức mua và đời sống của dân chúng vốn đã bị hạ thấp.

Về mặt nội trị, từ mười mấy năm nay, ở Tây Đức chỉ có hai chính đảng thực sự chia gánh trách nhiệm chính quyền, Đảng Dân chủ Thiên Chúa giáo của thủ tướng Adenauer và Đảng Xã hội Dân chủ, đối lập.

Trong lúc đó nước Pháp bị cái nạn đảng phái tương tranh dày vò, chính quyền mất cả uy tín và hiệu lực vì các nội các liên tiếp đổ, — nội các De Gaulle hiện nay là nội các thứ hai mươi hai của nền Đế-tứ Cộng hòa. Người ta không ngạc nhiên khi thấy rằng với tình hình không chút nào ổn định của chính quyền như thế, những chính sách, chủ trương thích thời, lợi ích cho đất nước khó lòng được thực hiện.

Trên cương vị quốc tế, dù rằng Pháp vẫn còn danh nghĩa một cường quốc và các bạn Đồng-Minh vẫn luôn luôn đề cao danh nghĩa ấy, — nhất là ở những trường hợp cần đương đầu với thế giới Cộng-sản, xét về thực tế, tiếng nói của Pháp không được nặng đồng cân cho lắm. Có ý kiến cho rằng sở dĩ có sự lép vế như vậy là vì Pháp gây chiến tranh ở Algérie, đặt Đồng-minh Anh, Mỹ vào một tình thế khó khăn phải xử sự thật chín chắn để vừa không thương tổn đến liên minh Tây phương, vừa không mất cảm tình của khối Hồi-giáo. Đó là một nguyên nhân quan trọng nhưng chưa phải là nguyên nhân chính yếu. Ta có thể tìm thấy nguyên nhân này ngay ở trong thực lực suy yếu của Pháp vậy. Và sự lu mờ của Pháp trên

cương vị quốc tế không phải là một sự phát giác mới mẻ. Chính báo chí Pháp, từ báo của tả phái như tờ Populaire đến báo của hữu phái như tờ Figaro, đều đã chua xót nhận rằng trong một số trường hợp, Pháp đóng vai trò của « người bà con nghèo » trong đại gia đình Tây phương.

Trong lúc địa vị quốc tế của Pháp như vậy thì Tây Đức ngược lại, được chú trọng, dù nước Đức chiến bại, về danh nghĩa, còn phải tùy thuộc vào tam Cường Anh, Mỹ, Pháp trong vấn đề thống nhất lãnh thổ.

Dĩ nhiên sự phồn thịnh kinh tế, tài chánh, sự ổn định chính trị và địa vị quốc tế của Tây Đức, không đủ để chứng tỏ rằng Tây Đức hoàn toàn không có những khó khăn nội bộ và đối với bên ngoài.

So sánh như trên, chúng tôi chỉ có ý muốn nhấn mạnh về sự suy yếu của nước Pháp sau Đại chiến lần thứ hai.

Từ 1918 đến 1944, lịch sử đã tiến những bước vĩ đại. Nhưng nước Pháp vinh quang của năm 1944 chỉ là bóng mờ của nước Pháp chiến thắng 1918.

B) Hai con đường và con đường thứ ba,

Ngày đất nước được giải phóng, điều mà các chính khách Pháp chú tâm trước hết, không phải là những khó khăn trước mắt, trong công cuộc hàn gắn vết thương chiến tranh, phục hưng xứ sở, mà là mối tương quan mới giữa các lực lượng chính trị.

Những phần tử quốc gia, dân chủ, lo âu nhìn xuống biểu đồ về các đảng phái chính trị. Lý ung ra các chính đảng quốc gia, sau cuộc chiến tranh giải phóng, phải chiếm một ưu thế tuyệt đối trên trường chính trị. Đảng này, — đây là đặc điểm của Pháp, người ta buộc lòng phải ghi nhận một sự bành trướng ảnh hưởng Cộng-sản. Hiện nay, đảng này chiếm đến 148 ghế trong Quốc-hội, kể đó mới đến đảng Xã-hội với 100 ghế. Thực tế này khiến cho người ta nhận định rằng từ đây một tương quan mới giữa các lực lượng chính trị đã xuất hiện, ảnh hưởng lớn lao đến vận mệnh của nền Đệ tứ Cộng-hòa. Tương quan lực lượng này tồn tại thường trực trong quốc hội Pháp, chi phối các quyết định về chính sách đối nội, đối ngoại của quốc hội, với con số gần 150 lá phiếu luôn luôn thống nhất theo đường lối chính trị Cộng-sản, trong tổng số ngoài 500 lá phiếu của các chính đảng khác, từ tả sang hữu, thường xuyên có những vấn đề tranh chấp với nhau. Việc Hiệp-ước Cộng đồng Phòng thủ Âu-châu bị Pháp bác bỏ trước đây là một bằng chứng lịch sử về tình hình trên. Lúc đó, sự bất đồng ý kiến của các đảng phái quốc gia (Querelles de la C.E.D) đã bị Cộng-sản Pháp khai thác, lợi dụng để chôn vùi hiệp ước ấy.

Cho nên, mối tương quan mới về lực lượng chính trị, sau chiến tranh đã đặt nước Pháp chiến thắng nhưng suy yếu, nước Pháp Đệ tứ Cộng-hòa, trước hai con đường kiến thiết xứ sở.

Con đường thứ nhất là thực hiện Mặt trận Thống nhất quốc-gia hoặc Liên-

hiệp quốc-gia (Front d'Union nationale) bao gồm tất cả đảng phái quốc-gia từ tả sang hữu, trừ đảng Cộng-sản, dựa vào chương trình chung của Mặt trận mà phục hưng đất nước.

Con đường thứ hai là thành lập Mặt trận Bình Dân (Front Populaire) bao gồm đảng Cộng-sản, đảng Xã-hội và các phần tử có khuynh hướng tả thuộc các phe nhóm khác và tiến hành chương trình kiến thiết quốc-gia của Mặt trận hoạch thảo.

Cho đến nay, nước Pháp đã chọn con đường nào ?

1— Mặt trận thống nhất quốc gia.

Trước hết, ta cần khuyên một điều son cho các chính đảng và phe nhóm quốc-gia Pháp, từ mười mấy năm nay đã cương quyết khước từ thành lập Mặt trận Bình Dân mà họ nhận rõ rằng chỉ có lợi cho đường lối chính trị Cộng-sản.

Nhưng như vậy cũng chưa có nghĩa rằng nước Pháp đã chọn dứt khoát và đi đúng con đường thứ nhất.

Để trả lời câu hỏi trên, người ta buộc lòng phải nói một sự thật đắng cay : từ mười mấy năm nay, Pháp sa lầy trong một thái độ do dự, chần chờ và không minh bạch, dứt khoát, trên con đường đoàn kết quốc-gia để phục hưng xứ sở.

Giữa đảng Xã Hội của Guy Mollet và đảng Cấp-tiến Xã-Hội của Mendès France, Phong trào Cộng-hòa Bình-Dân của Pflimlin, nhóm Ôn-hòa của Pinay, cũng như giữa các đảng phái này với

nhau, sự bất đồng quan điểm trở thành một yếu tố thường trực. Đó là chưa nói rằng các phe nhóm cực hữu mà Soustelle có thể được xem là kẻ đại diện, thường xuyên công kích phe Xã-Hội, dù tất cả đều có khuynh hướng quốc gia.

Người ta chứng kiến một cảnh tượng quen mắt, diễn đi diễn lại nhiều lần : một nội các đồ, các đảng phái quốc-gia đứng trước sự đe dọa của việc Mặt trận Bình Dân có thể ra đời, Cộng-sản có thể tham chính, vội vàng tìm cách thỏa hiệp với nhau để thành lập một nội các mới ; rồi, sau khi nội các được tấn phong và bắt tay vào trách vụ, những sự bất đồng ý kiến tạm thời hòa hoãn trước đây dần dần trở lại gây trở ngại cho nội các mới. Và cứ thế...

Không phải ngày nay mà từ lâu rồi nước Pháp Đệ tứ Cộng-hòa đã đứng trước những vấn đề :

— Sửa đổi hiến pháp hầu có một chính phủ có uy quyền thực sự và tránh những cuộc khủng hoảng chính trị.

— Giải quyết vấn đề Algérie mau chóng và hợp lý.

— Phục hưng sản xuất, thương mại và ổn định tiền tệ.

— Cải thiện lương bổng cho thợ thuyền, công, tư chức.

— Thi hành một chính sách đối ngoại độc lập trong khuôn khổ dung hòa quyền lợi quốc gia và quyền lợi chung của thế giới tự do.

Nhưng cũng từ lâu rồi, những vấn đề ấy trở thành những vấn đề nan giải.

Ai cũng nhận sự sửa đổi hiến pháp là cần thiết, nhưng các đảng phái tả lo ngại rằng một sự tách rời hơn giữa quyền lập pháp (quốc hội) và quyền hành pháp (chính phủ) có thể dọn đường cho một chế độ độc tài nguy hại trực tiếp đến nền Đệ tứ Cộng hòa. Khi mà Đảng Xã Hội, Đảng Cấp Xã và các nhóm có khuynh hướng tả, ngại ngùng như thế thì không có một nội các nào có thể hi vọng rằng dự luật sửa đổi hiến pháp của mình được chấp nhận tại quốc hội với số phiếu thuận cần thiết.

Vấn đề Algérie gần như miếng khò qua của các chính phủ Pháp. Nuốt không trôi, mà bỏ thì không đành hoặc không được. Nhìn chung, các chính đảng quốc gia, kể cả đảng Xã Hội, đều chủ trương rằng Algérie thuộc Pháp. Nhưng lập trường thống nhất mà quan điểm giải quyết vấn đề khác nhau. Quan điểm của Mendès France và các chính hữu, khác quan điểm của Guy Mollet và đảng Xã hội, càng khác quan điểm của Pflimlin, Soustelle. Ai cũng thấy cần phải làm cho súng ngừng nổ, máu ngừng chảy, nhưng người ta lại mất rất nhiều thì giờ để tranh luận với nhau về các chính sách có những tên « Chính sách phế bỏ » (Abandon), « Chính sách sáp nhập » (Intégration) vân vân. Và cũng trong khi đó thì chiến sự Algérie vẫn kéo dài.

Hai nhu cầu xây dựng kinh tế, tài chánh và cải thiện dân sinh tự nó không mâu thuẫn, nhưng chính lập trường của các chính đảng làm cho hai nhu cầu ấy hạn chế lẫn nhau. Người ta thấy đảng Xã hội tích cực tranh đấu đòi tăng lương cho công chức vốn là cử tri đã bỏ phiếu

cho họ nhưng lại cũng tán thành chính sách tiết kiệm để thăng bằng ngân sách. Muốn thi hành chính sách tiết kiệm này người ta phải trù liệu nhiều biện pháp, trong đó có việc giảm bớt những khoản trợ cấp, phụ cấp, mà quan hệ nhất là các khoản trợ cấp về sản xuất. Nếu những trợ cấp này bị giảm, vật phẩm của Pháp phải tăng giá, thành khó lòng cạnh tranh với hàng hóa ngoại quốc ở thị trường quốc tế, vấn đề xuất cảng do đó bị kìm hãm, thương tổn đến nền kinh tế quốc gia. Người ta cũng thấy các chính đảng phe hữu lo lắng về hậu quả đối với ngân sách của công cuộc cải thiện dân sinh. Họ thừa hiểu rằng muốn có một số tiền lớn lao để làm công cuộc ấy, tất nhiên chính phủ phải trù liệu một số thu tương đương và trong những kế hoạch tăng thu, tăng thuế lợi tức đánh vào tầng lớp hữu sản, tư bản là một. Đại diện quyền lợi cho các tầng lớp này, họ khó lòng chấp nhận một sự thiệt thòi lớn lao cho cử tri, do đó, không tích cực tán thành các chính sách xã hội nào hơi mạnh mẽ. Đặc biệt vấn đề ổn định đồng phát láng dựa một phần vào công trái. Nhưng bao giờ và ở đâu cũng vậy, điều kiện thành công của quốc trái là lòng tín nhiệm của nhân dân đối với chính quyền. Ở đây, nhân dân Pháp đã mệt mỏi, chán nản lắm rồi vì các cuộc khủng hoảng nội các, cuộc chiến tranh ở Algérie và hiện tình kinh tế quốc gia.

Về mặt đối ngoại, ở trên chúng tôi đã đề cập đến vấn đề. Chỉ cần nhắc rằng chính sách đối ngoại của Pháp từ sau chiến tranh thế giới đến nay chưa làm sáng tỏ vai trò của một cường

quốc có trách nhiệm ở hàng đầu của thế giới tự do.

2— *Mặt trận bình dân* ? — Trong khi các chính đảng, phe phái quốc gia đưa nước Pháp đi trên con đường thứ nhất với bao nhiêu do dự và chia rẽ như thế thì Đảng Cộng-sản Pháp hoạt động như thế nào ? Người ta thấy rằng Cộng-sản Pháp luôn luôn tiến hành đường lối chính trị của Cộng-sản quốc tế, tích cực khai thác, lợi dụng những sự chia rẽ giữa các đảng phái quốc gia để phá hoại các chính sách, chủ trương của các chính phủ quốc gia. Nguyên cơ Cộng-sản ở Pháp biểu hiện trong việc những đảng viên Cộng-sản tiến hành « chính sách bắt tay » (politique de la main tendue) tại nghị trường và trong quần chúng. Tại Quốc-hội, các nghị sĩ Cộng-sản dồn số phiếu của họ ủng hộ những quyết định nào của bất cứ phe phái nào, xét ra có lợi cho chánh trị Cộng-sản, ngay cả lúc các phe phái ấy tuyên bố không cần hoặc không nhìn nhận những lá phiếu ủng hộ của Cộng-sản. Và họ đặc biệt chú ý về vấn đề đảng Xã-hội.

Trong quần chúng, những đảng viên Cộng-sản Pháp tìm mọi cơ hội lôi kéo những đảng viên xã-hội ở cơ sở, tranh đấu chung với họ trong từng vấn đề, từng giai đoạn.

Đường lối hoạt động như trên của Cộng-sản Pháp cho ta thấy rằng họ cố vận dụng mọi khả năng hợp pháp, để thực hiện trong từng vấn đề, từng giai đoạn, những hình thức Mặt trận Bình Dân ; sự hoạt động như vậy có thể làm suy yếu sức đoàn kết quốc gia hơn nữa

và gây sự hoang mang trong quần chúng đảng viên của đảng phái mà họ ve vãn.

Tuy nhiên đảng Cộng-sản Pháp có những khó khăn trong nội bộ của họ. Theo dõi Đại hội toàn quốc của Đảng Cộng-sản Pháp lần thứ 14, một đại hội họp sau thời kỳ Mạc-tư-Khoa tổ cáo chính sách độc tài của Staline, một ký giả Pháp nổi danh, dưới bút hiệu J.M.D. (Jean - Marie - Domewach) đã nhận xét rằng đảng Cộng-sản Pháp mất dần sinh khí, sa lầy trong sự bất động, nghĩa là cũng mắc phải thời bệnh của nước Pháp cũng như các chánh đảng khác.

3— *Con đường thứ ba.*— Trên đây, ta đã thấy rằng nước Pháp đứng trước hai con đường. Con đường thứ nhất đang đưa nước Pháp vào ngõ bí. Con đường thứ hai đã được các đảng phái quốc gia nhận định rõ rệt rằng sẽ nguy hại cho xứ sở bội phần.

Tình thế cực kỳ bi quan này gây một sức phản ứng càng ngày càng mạnh nơi lòng nhân dân Pháp. Người ta đòi hỏi một con đường mới, con đường thứ ba, để xây dựng nước Pháp.

Trên các nhật báo, tuần báo, tạp san, người Pháp đã phát biểu ý kiến về sự cần thiết cấp bách của việc hoạch định con đường mới. Tổng hợp những ý kiến và dư luận công chúng, ta có thể quan niệm con đường thứ ba đại khái như sau :

— Một chính sách chung dựa vào uy quyền và sự tín nhiệm, đứng trên và ngoài tất cả lợi ích chính trị đảng phái (politique des partis) và lợi ích tuyền cử (politique électorale).

— Những nhân vật mới độc lập và có uy tín.

— Những định chế mới (nouvelles institutions) thích thời và hữu hiệu.

Những nét sơ phác về con đường thứ ba như trên hẳn là đã khiến vài bạn đọc nhận ngay ra rằng con đường mới cũng chỉ là con đường đoàn kết dân tộc dựng nước mà Pháp quốc đã theo từ bấy lâu nay nhưng theo với bao do dự và lệch lạc. Bây giờ đây, người ta đòi hỏi những sự điều chỉnh cần thiết mà thôi.

Vâng. Nhận định như vậy quả là chính xác. Tuy nhiên, ta cũng cần nêu lên và nhấn mạnh một điểm đặc biệt mới lạ về tâm lý nhân dân Pháp.

4 — *Một đặc điểm tâm lý.*— Một dân tộc mang sâu đậm nơi mình truyền thống Dân chủ, Tự do của cuộc Cách mạng 1789, đã chán ngấy tình trạng « dân chủ vô trách nhiệm » và khao khát một chế độ dân chủ có quyền uy thực sự. Đó là dân tộc Pháp hiện nay.

Đặc điểm tâm lý này có một tầm quan trọng lớn lao, vượt hẳn phạm vi một vấn đề quốc gia. Nó chứng tỏ rằng chế độ Dân chủ Đại nghị ở bán thế kỷ thứ 20 này đã lỗi thời và cần được đổi thay một cách căn bản. Nó báo hiệu một sự sắp xếp dần dần của các chế độ dân chủ của thế giới tự do vào hệ thống của những chế độ dân chủ kiểu Tổng thống chế, đối đầu với các chế độ Dân chủ nhân dân của Cộng sản độc tài. Mặc khác, hiện tượng tâm lý ấy còn nói lên một sự khủng hoảng ý thức. Chán tình trạng « yếu ớt », người ta đòi hỏi « uy quyền », bất cứ « uy quyền »

nào. Trong hoàn cảnh này, chế độ độc tài cá nhân có thể phát sinh.

Vấn đề có những sắc thái khác nhau và đối nghịch như vậy, ta còn chờ tương lai, để nhận rõ chiều hướng tiến triển lợi hay hại cho ý thức hệ dân chủ.

Trong phạm vi nước Pháp, đây là một yếu tố ta cần lưu ý để nhận định giá trị của giải pháp De Gaulle sau này.

C) Một hi vọng sớm tàn : giải pháp Xã-hội.

Có người đã bảo ngày nội các Guy Mollet đề : « Thế là hết ! Nội các Xã-hội đã mang theo trong sự đổ sụp của mình hi vọng cuối cùng của nền Đệ tứ Cộng-hòa ».

Nhận định này tuy bi quan, có một phần ý nghĩa chính xác của nó. Phần này liên hệ đến vai trò động lực của Đảng Xã-hội trong hàng ngũ lực lượng dân chủ ở Pháp,

1 — *Vai trò lịch sử.* — Cuộc tổng tuyển cử tháng giêng năm 1956, đặt Đảng Xã-hội của Guy Mollet vào một vị trí đặc biệt. Với 100 lá phiếu của các nghị sĩ Xã-hội, đảng này nghiêng về bên nào, tả hoặc hữu, là nặng đồng cân bên ấy và sự liên kết bất cứ theo hướng nào, cũng sẽ mang lại số phiếu cần thiết để thắng lợi tại quốc hội. Nếu đảng Xã-hội đi với đảng Cộng-sản và một số Cấp-xã, Mặt trận Bình-dân sẽ thành hình và nắm chính quyền.

Nếu đảng Xã Hội đi với Phong trào Cộng hòa Bình Dân và một số phiếu nữa thuộc cánh hữu, số phiếu liên kết cũng sẽ đủ để một nội các do các tổ chức ấy đưa ra được tấn phong.

Trái lại, không có số phiếu ủng hộ của đảng Xã hội, không có chính đảng nào có hy vọng thành lập được chính phủ.

Vị trí đặc biệt này làm cho đảng Xã Hội nắm giữ vai trò quyết định trên trường chính trị Pháp.

Xét về ý thức hệ, đảng Xã Hội là chính đảng quốc gia tiến bộ nhất vì là chính đảng đấu tranh cho quyền lợi của các tầng lớp lao động trí óc, chân tay, nói cách khác, thợ thuyền và tiểu tư sản.

Cho nên khi tổng thư ký của đảng, Guy Mollet, ra lập nội các nhân dân Pháp, nhất là các tầng lớp tiểu tư sản và thợ thuyền đông đảo, đã mong ước rất nhiều. Người ta chờ đợi đảng Xã hội tiến hành những chính sách chủ trương đặc biệt mới mẻ và tiến bộ xuất phát từ chủ nghĩa xã hội chính thống, để cứu vãn nước Pháp. Người ta đã chán những chính phủ tư sản do hữu phái kế tiếp nhau thành lập và đặt hết hi vọng vào giải pháp xã hội.

Nhưng đảng Xã hội đã thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình như thế nào ?

Trả lời câu hỏi này, tức là đánh giá giải pháp Xã Hội ; đồng thời, ta cũng có thể dựa vào đây để hiểu thêm tình hình của nước Pháp Đệ tứ Cộng hòa.

2 — *Những thuận lợi ban đầu.* — Trước hết, ta nên đặt đảng Xã Hội trở lại hoàn cảnh lịch sử đầu năm 1956.

Lãnh tụ Guy Mollet ra nắm chính quyền trong tình hình nào ? Bấy giờ,

hàng ngũ đảng Cộng-sản Pháp đang dao động vì những quyết nghị của Đại hội đảng Cộng-sản Nga-sô lần thứ 20. Về phía dân chúng, người ta đã mệt mỏi bức bối vì tình trạng chính quyền thiếu uy tín và hiệu lực. Sự đắc cử của nhóm Poujade cho thấy tâm trạng ấy. Trên trường quốc tế, tình hình giữa Đông và Tây có chiều hòa dịu hơn trước.

Tình hình như vậy hiển nhiên là thuận lợi cho đảng Xã hội. Về mặt chủ nghĩa, đảng có thể nhơn sự hoang mang của một số đảng viên Cộng-sản, nhất là những phần tử tiểu tư sản và trí thức lôi kéo quần chúng của chính đảng đối lập, thành lập « cánh tả mới » rộng rãi và đông đảo mà từ lâu rồi những phần tử tôn giáo tiến bộ và thợ thuyền không Cộng-sản mơ ước.

Ở trách nhiệm chính quyền, đảng Xã hội có thể hiến cho quốc dân một chương trình xây dựng đất nước rộng rãi và lâu dài, gồm những chính sách cụ thể, tiến bộ, sát thực tế quốc gia, mang đậm đà ý thức hệ xã hội áp dụng trong điều kiện Liên hiệp quốc dân cứu quốc. Trên cương vị quốc tế, đảng có thể làm cho nước Pháp đóng vai trò một cường quốc đún; danh nghĩa trong những mối quan hệ giao tiếp giữa thế giới tự do và thế giới Cộng-sản, giữa những quốc gia tiên tiến và các quốc gia hậu tiến ở Á-phi, nhờ một chính sách đối ngoại độc lập và sáng suốt.

Tóm tắt, đảng Xã hội có thể đem lại cho nước Pháp, nhân dân Pháp, một cái gì mới mẻ mà hiệu quả, một sự cải cách quốc gia từ hình thức đến nội dung, ôn hòa và tốt đẹp, mà suốt mười

mấy năm các chính đảng hữu phái không thực hiện được.

Đề giải đáp nhu cầu lịch sử ấy, nội các Guy Mollet đã tỏ ra một sự bất lực quá rõ ràng.

3— Từ đối lập đến tham chính

Nhận xét về chính sách đối nội và ngoại của nội các Guy Mollet ta có nhiều cảm tưởng phức tạp.

Trước hết là cảm tưởng về sự thiếu hẳn một chính sách xây dựng tổng quát và lâu dài. Có lẽ từ sau Đại chiến đến nay, đảng Xã-hội quen đứng trong vị trí đảng đối lập với chính quyền hữu phái nên bỗng nhiên thấy bơ vơ trong vai trò xây dựng thay vào vai trò đả kích trước đây chẳng? Ngày 6 tháng 2 năm 1956, thủ tướng Xã hội Guy Mollet sang thăm Alger đã bị quần chúng địa phương phản đối kịch liệt. Ai cũng hiểu những bàn tay nào đã thúc đẩy, xúi giục đám dân Alger xử sự như vậy đối với vị thủ tướng chính phủ Pháp. Đề riêng một bên những âm mưu của thực dân cố bám vào Algérie, người ta tự hỏi tại sao lãnh tụ Guy Mollet và đảng Xã hội không thấy trước được hành động phản ứng 6 tháng 2?

Phải chăng họ quên... họ quên rằng họ đã từng kết án cuộc chiến tranh ở Algérie, khi họ còn ở vị trí đối lập chính quyền?

4— *Tả hay hữu?* — Chiến tranh ở Algérie, dưới mắt những phần tử tả phái tiến bộ không dính líu với Cộng-sản, là một ung thư hậu bối làm suy mòn uy tín của đảng Xã hội. Người ta

chờ đợi Đảng Xã hội tham chính đưa ra một chính sách mới về Algérie để chấm dứt chiến tranh. Thủ tướng Guy Mollet đã đưa nội các xã hội đi theo lối mòn mà những nội các hữu phái trước đây đã vạch. Qui chế chính trị mà nội các Guy Mollet ban hành đối với Algérie, trước ngày Đại hội đồng Liên-hiệp quốc hợp, phải chăng đã mang sâu đậm ý thức hệ xã hội và nằm trong chương trình xây dựng của đảng? Ta có quyền nghi ngờ vì qui chế mang danh là Loi-cadre ấy đã bị lực lượng kháng chiến Algérie bác bỏ, bởi lẽ nó không thỏa mãn nguyện vọng độc lập của dân tộc Algérie. Tổng trưởng trú sứ Lacoste một trong những lãnh tụ Xã hội, đã đi theo con đường của Soustelle, ra sức dùng sắt và lửa để dập tắt phong trào kháng chiến Algérie. Một sự thật oái oăm nhất là trong khi trong nội bộ đảng Xã hội, nhiều cán bộ, đảng viên hoài nghi hoặc bất mãn đường lối của Lacoste thì ông này lại được Phong trào Cộng-hòa Bình-Dân và các nhóm hữu tích cực ủng hộ.

5— *Sự lầm lịch sử về lập trường.*
Nhưng sai lầm nghiêm trọng nhất của chính phủ Xã hội là vụ « hành quân có tính chất cảnh bị » tại Suez. Hành động bạo lực này đã bị dư luận quốc tế đương thời chỉ trích nghiêm khắc. Ở đây, ta chỉ đặt sự kiện trong phạm vi xét xem đảng Xã hội tham chính có chuẩn bị một chương trình xây dựng đất nước tổng quát và lâu dài không.

Người ta thấy nội các Guy Mollet phản ứng đối với việc Ai-Cập quốc hữu hóa Công ty kênh Suez một cách

đầy cảm tình. Mọi việc xảy ra như là chính phủ Xã hội nhận thấy « cú » của Nasser làm mất thể diện của mình, sau khi ngoại trưởng Pineau ở Le Caire về đã hân hoan tuyên bố rằng Ai-cập hứa không can thiệp vào chiến tranh Algérie.

Nhiều người lại thấy nội các Guy Mollet phản ứng với nhiều cảm tính, theo một phương diện khác. Họ cho rằng các lãnh tụ Xã hội đã bị những luận điệu sắc mùi quốc gia hẹp hòi và cực đoan của các nhóm cực hữu vốn cố bám vào lợi quyền ở Algérie, làm sai lạc phương hướng.

Đáng lẽ phải giải quyết vấn đề kênh Suez trong phạm vi mối quan hệ giữa những quốc gia tiên tiến và những quốc gia mới thoát ách đô hộ của ngoại bang, nội các Guy Mollet lại nhắm đánh vào Le Caire một đòn với hi vọng rằng lực lượng kháng chiến Algérie sẽ do đó mà bị suy yếu đi.

Đáng lẽ phải đứng về phía tả mà công kích theo đường lối ngoại giao tổng thống Nasser đã quyết định một cách đơn phương vấn đề quốc hữu hóa một công ty hoạt động theo qui ước quốc tế, nội các Guy Mollet đã đứng về phía hữu mà dùng võ lực đánh đòn, làm cho lãnh tụ Nasser càng thêm uy tín trong thế giới Á-rập.

Nói cách khác đáng lẽ phải xử sự với tư cách người chiến sĩ xã hội yêu nước đồng thời chuộng Hòa bình, Công lý, lãnh tụ xã-hội Guy Mollet đã hành động như một phần tử quốc gia cực đoan và hẹp hòi (chauvin).

6— *Một cơ hội đáng tiếc.*— Đối với nhu cầu lôi kéo quần chúng đảng viên đảng Cộng-sản trở về hàng ngũ chủ nghĩa xã hội chính thống, nhưn tình trạng dao động của họ trước phong trào tố cáo chính sách độc tài Staline, đảng Xã-hội cũng không hành động có kết quả. Chính sách Algérie của đảng vô tình đã giúp cho đảng Cộng-sản bớt nguy ngập vì mối lo âu về chiến sự Algérie đánh bật tất cả thắc mắc, bất bình khác.

Nhưng phải chăng đảng Xã-hội thật sự không có một chương trình xây dựng tổng quát và lâu dài?

Có nhiều ý kiến không thừa nhận một tình trạng ấu trĩ về chánh trị như vậy trong nội bộ một chính đảng tiên phong của hàng trạn quốc gia, dân chủ. Và người ta có một cảm tưởng khác về đường lối chính sách của nội các Xã-hội.

7— *Chánh trị về quyền lợi.*— Cảm tưởng thứ hai tức là đảng Xã-hội đã đề cho lợi ích của đường lối đấu tranh đảm bảo đa số thuận lợi ở nghị trường và lợi ích của cuộc tổng tuyển cử tương lai chi phối quá nhiều đường lối chính trị của mình.

Nếu cảm tưởng trên phù hợp với sự thật thì người ta có thể thấy khá rõ ràng nguyên nhân thất bại của giải pháp Xã-hội : đảng Xã-hội và lãnh tụ Guy Mollet đã bị cơ cấu vận hành của một nghị trường dưới chế độ Dân-chủ Đại nghị (chính sách năm đa số phiếu, biện pháp thỏa hiệp quyền lợi giữa các đảng phái trong từng vấn đề chính sách

vân vân) kìm hãm mọi tiến bộ, bóp chết mọi sáng kiến, do đó không thể tiến hành một chương trình xây dựng hữu hiệu và rốt cuộc cũng xoay quanh trong vòng bất lực như bao nhiêu nội các trước.

8— *Một trang sử đã lật qua.*— Người ta không khỏi tiếc cho đảng Xã hội. Guy Mollet và các chính hữu của ông đã bỏ lỡ một cơ hội vô giá. Giờ đây trang sử đã lật qua, cuộc thí nghiệm đảng Xã-hội đã kết thúc. Nhân dân đã mong chờ đảng Xã-hội, đặt hi vọng cuối cùng vào giải pháp Xã-hội để cứu vãn nền Đệ tứ Cộng-hòa. Hi vọng cuối cùng vì đảng Xã-hội tiêu biểu cho khuynh hướng chính trị tiến bộ nhất.

Nhưng nhân dân Pháp đã nhận thấy rõ rệt những gì mà họ mong ước, đòi hỏi,— một trật tự mới, một chính quyền mạnh mẽ, đầy uy tín, đảng Xã-hội cũng bất lực không thỏa mãn được.

Và đó cũng là một yếu tố của tình hình nước Pháp Đệ-tứ Cộng hòa mà ta cần suy nghiệm để xem xét triển vọng của giải pháp De Gaulle.



D).Pháp và Đồng-Minh Bắc Đại Tây-Dương

Giữa nước Pháp Đệ-tứ Cộng-hòa và Đồng-Minh Bắc Đại Tây-dương, ta đã nhận rằng mối quan hệ, trong một số trường hợp, không được hoàn toàn hợp lý, theo ý nghĩa là vai trò cường quốc của Pháp không được sáng tỏ đúng mức.

Tình hình này có phần bất lợi cho cả Pháp và Đồng Minh Bắc Đại Tây Dương vì nó đề ra một số vấn đề :

- một xu hướng mới về đối ngoại.
- thể quân bình ở lục địa châu Âu.

1 — *Một xu hướng đáng ngại.* — Người ta không ngạc nhiên khi thấy trong dân chúng Pháp cũng như trong chính giới có những thái độ phản ứng đối với sự lép vế của quốc gia trên cương vị quốc tế. Nhưng trong khi số đông đã dứt khoát xem liên minh Anh - Pháp - Mỹ là lực lượng chủ yếu của thế giới tự do, một bộ phận dân chúng nghĩ khác. Họ nhớ tiếc vai trò vinh dự của đất nước ngày trước. Họ bức bối vì cho rằng thái độ trung thành của Pháp đối với Đồng Minh Tây Phương bị đánh giá sai, bị xem như thái độ của một kẻ yếu, chịu bị động vì không thể làm khác hơn. Ý thức được sự quan trọng của quốc gia, họ chủ trương rằng nước Pháp nên hướng về con đường trung lập. Một nước Pháp trung lập sẽ được thế giới trọng nề và tiếng nói của Pháp khi đó sẽ có một giá trị đặc biệt trong các cuộc tranh chấp quốc tế, nhất là trong sự giao tiếp giữa Đông và Tây.

Không phải một chuyện tình cờ khi dư luận báo chí Pháp nổi lên công kích kịch liệt hai nước đồng minh trong vụ Anh và Mỹ cung cấp vũ khí cho Tunisie. Cũng chẳng phải là một sự kiện không ý nghĩa khi dư luận Pháp chỉ trích sự trù tính thiết lập một chỉ huy chế Anh-Mỹ (Directoire Anglo saxon) gay gắt đến nỗi, tại Đại hội đồng Minh ước Bắc Đại Tây Dương gồm các vị quốc trưởng, thủ tướng các quốc gia hội viên, người ta đã cực lực đả kích những tin đồn

thất thiệt về một sự trù tính như vậy. Đã đành những dư luận phản ứng nói trên không phải hoàn toàn xuất phát từ một xu hướng Trung lập ; có thể chắc chắn rằng phần lớn những ý kiến là do những phản từ trung thành với liên minh Tây Phương đưa ra. Họ bất mãn đồng thời họ cũng không hề muốn tách rời Đồng Minh dân chủ. Nhưng trong tính chất bùng nổ, sôi nổi, gay gắt nữa, của sự phản ứng, người ta cũng cảm thấy một cái gì lạ, mới, không nằm trong hệ thống ý tưởng thông thường.

Vấn đề càng đáng được lưu tâm khi người ta thấy rằng xu hướng Trung lập được đảng Cộng-sản khuyến khích — nếu không phải cổ động. Đúng về lợi ích chính trị Cộng-sản quốc tế, nếu xu hướng đối ngoại trung lập phát triển ở Pháp, Liên minh Bắc Đại Tây Dương tất nhiên sẽ yếu đi.

2 — *Một thể quân bình đang lung lay.* — Vấn đề thứ hai là vấn đề thể quân bình ở lục địa châu Âu.

Nhìn vào bản đồ châu Âu, ta thấy ngay vai trò quan yếu của Pháp trong thể quân bình ở đây. Đông Âu gồm các nước Cộng-sản. Bắc Âu gồm những quốc gia có một chính sách đối ngoại đặc biệt mềm dẻo, không nhứt thiết luôn luôn đi rập ràng với chính sách quốc tế của các quốc gia dân chủ khác. Việc một số quốc gia Bắc Âu từ chối không nhận đề nghị của Mỹ đặt căn cứ phóng hỏa tiền trên lãnh thổ của họ đã chứng tỏ điều đó. Ở lục địa, quan trọng hơn hết là Tây Đức và Pháp. Nhưng Tây Đức cũng là cả một vấn đề. Sự hùng mạnh của Tây Đức, nếu về một mặt có lợi cho thế giới tự do, về mặt

khác, cũng gây những mối lo âu. Người ta vẫn ngại sự tác hại của những phần tử phát xít còn sống sót đang nuôi hận phục thù (les revanchards). Người ta còn ngại rằng dài ngày rồi mà vấn đề thống nhất lãnh thổ chưa tiến triển đến đâu hết, Tây Đức sinh chán nản Tây Phương, quay ra điều đình với Nga - xô và nhận điều kiện nước Đức thống nhất sẽ trung lập.

Cho nên, xét cho kỹ, dù rằng Tây Đức được xem là tiền đồn chống Cộng ở Tây Âu hiện nay, người ta phải thấy Pháp là quốc gia tiêu biểu cho đường lối chính trị của thế giới tự do tại lục địa. Nhưng tiếng nói của Pháp trên trường quốc tế hiện nay không có nhiều âm hưởng. Như vậy thế quân bình tại lục địa Âu Châu đang bị lay chuyển.

Ngày xưa, người ta hiểu thế quân bình tại đây theo ý nghĩa một sự kiềm chế lẫn nhau giữa Pháp và Đức, để không nước nào có được một ưu thế tuyệt đối.

Từ ngày thế giới bày ra trạng thái hai phe đối lập, Dân chủ và Cộng sản, người ta thiết lập sự quân bình dựa vào tương quan lực lượng Dân chủ và Cộng sản.

Sự suy yếu của Pháp ở lục địa châu Âu kéo theo sự lay chuyển thế quân bình là một vấn đề mà cả Pháp cả Đồng minh Bắc Đại Tây Dương phải lo âu vậy.

Đ) Pháp và Bắc phi.

Tình hình giữa Pháp và Algérie, nói chung, giữa Pháp và Bắc Phi, bấy lâu nay báo chí đã đề cập đến nhiều.

1 — Hai chiều biến chuyển. — Ở đây ta nên lưu ý đến mấy điểm lớn của tình

hình. Trước hết, người ta chứng kiến một sự biến chuyển theo hai chiều trái ngược của một bên, 'tương quan Pháp và Đồng Minh Bắc Đại Tây Dương, một bên, tương quan Algérie và Tunisie, Maroc. Có thể tóm tắt nhận xét hiện tượng ấy như sau : Bắc Phi càng ngày càng đoàn kết trong sự ủng hộ kháng chiến Algérie, ngược lại Pháp Đồng Minh vào một tình thế càng ngày càng khó xử.

Hai quốc gia Tunisie, Maroc đã đi từ thái độ có cảm tình với kháng chiến Algérie và ngấm ngấm giúp đỡ, qua giai đoạn tự nguyện làm trung gian điều giải giữa Pháp và Algérie, đến Hội nghị Tanger. Tại đây Tunisie, Maroc đã chính thức xác nhận lập trường ủng hộ kháng chiến Algérie và cũng tại đây chính phủ kháng chiến lưu vong của quốc gia Algérie đã thành hình. Những lời tuyên bố gần đây của Tunisie, Maroc không để ai còn có thể nghi ngờ hay hiểu lầm lập trường của hai quốc gia ấy đối với Algérie nữa : nền độc lập quốc gia của Tunisie, Maroc và nền độc lập quốc gia Algérie có liên quan mật thiết với nhau.

Trước tình hình đó, Anh Mỹ phải thấy vấn đề xử trí của Đồng Minh thật là phức tạp và tế nhị.

Một bên là lợi ích chính trị và chiến lược của Liên-minh Bắc Đại Tây Dương. Nếu vì bị bỏ rơi mà Pháp quay ra phản ứng một cách bất lợi như đưa chính sách đối ngoại vào con đường trung lập chẳng hạn, thì Liên minh sẽ bị suy yếu tận nền tảng. Huống nữa, Pháp đã nhiều lần tuyên bố rằng mình chiến đấu ở Algérie một phần là để bênh vực quyền lợi của Liên minh Bắc Đại Tây Dương. Pháp

muốn nói gì ? Phải chăng Pháp muốn nhắc khéo cho một nước bạn đồng minh còn một số thuộc địa ở Phi Châu rằng nếu phong trào giải phóng dân tộc ở Algérie thắng lợi thì các thuộc địa khác ở Phi Châu cũng không sớm thì muộn đòi quyền Dân tộc tự quyết ? Hay Pháp muốn nói rằng ảnh hưởng Cộng-sản quốc-tế bắt đầu thâm nhập vào phong trào giải phóng dân tộc ở Bắc Phi và bóp chết kháng chiến Algérie tức là chặn đứng, không cho Cộng-sản lợi dụng chiêu bài giải phóng dân tộc để tuyên truyền, phát triển chủ nghĩa ở một khu vực chiến lược quan yếu ?

Pháp cũng đã nhiều lần nói xa nói gần đến một vài âm mưu của nước ngoài nhằm hất cẳng Pháp để thay vào ảnh hưởng của nước ấy. Những điều nói trên có phù hợp với sự thật hay chẳng, chỉ sau này ta mới hiểu được. Tuy nhiên, đây là bao nhiêu yếu tố mà người ta phải chú ý.

Một bên nữa là lợi ích chính trị của chính sách đối với khối Á-rập. Đồng Minh trong Minh-ước Bắc Đại Tây Dương, vì quyền lợi tối cao của thế giới tự do, không thể để cho các quốc gia Á-rập rơi dần vào ảnh hưởng Cộng-sản. Nhớ rằng Mạc-tư-khoa cũng như các đảng Cộng-sản quốc tế luôn luôn ủng hộ lập trường của kháng chiến Algérie. Thái độ ve vãn này hiển nhiên là nguy hiểm vì ở các quốc gia Á-rập, dân chúng hiểu những tai hại của ách đô hộ thực dân nhiều hơn là nhận được thực chất của chế độ Cộng-sản độc tài. Tình thế đã như vậy, tất nhiên Đồng-Minh Tây-Phương phải tỏ rõ cho nhân dân Bắc-Phi, nói chung, các quốc gia

Á-rập, thấy rằng chính các nước dân chủ, tự do chân chính mới thật lòng tôn trọng nguyên tắc Dân tộc tự quyết. Đối với Algérie, họ phải có một thái độ làm cho nhân dân Algérie thấy rằng họ không tán thành cuộc chiến tranh chống phong trào giải phóng dân tộc mà Pháp đang đeo đuổi. Vấn đề ở đây có hai sắc thái : phát huy bản chất tự do của chế độ Dân chủ và ngăn ngừa sự phát triển ảnh hưởng Cộng-sản.

Đây, Đồng-Minh Bắc Đại Tây Dương nhất là Anh, Mỹ, phải quan tâm đến những lợi ích chính trị trái ngược như thế trong việc ấn định thái độ đối với chiến cuộc ở Algérie.

Cho đến nay, người ta chưa thấy các quốc gia bạn có một chính sách nào cụ thể và dứt khoát, chính vì tình hình trên.

2— *Tầm quan trọng mới của vấn đề Algérie.*— Một điểm nữa về tình hình là bây giờ đây ý kiến chung của chính giới quốc tế đều nhận rằng vấn đề Algérie là vấn đề chính trị và có tính cách quốc tế.

Là vấn đề chính trị nghĩa là người ta đã nhận rõ rằng giải pháp vũ lực không thể đưa đến kết quả nào cả, rằng Pháp phải có một giải pháp chính trị cho vấn đề Algérie.

Thừa nhận tính cách quốc tế của vấn đề tức là người ta muốn đặt cuộc tranh chấp Pháp-Algérie trong phạm vi chính trị quốc tế mà giải quyết.

Phải chăng vì vậy mà khối Á-Phi đang sửa soạn đưa vấn đề Algérie ra

trước Đại hội đồng Liên hiệp quốc một lần nữa? Và như thế thì tương lai của Algérie ra sao? Phải chăng cuộc kháng chiến anh dũng của dân tộc Algérie rồi cũng được giải quyết theo tinh thần hòa hoãn của hai phe hiện nay? Chúng tôi mong có dịp trở lại vấn đề này trong một bài nghiên cứu đặc biệt về Algérie.

Dù sao, những ý kiến trên không phải là ý kiến của những phần tử thực dân đang cố bám víu vào quyền lợi ở Algérie. Họ sẽ tìm mọi cách phản ứng. Ta đã thấy họ hành động ngày 6 tháng 2 đối với thủ tướng Guy Mollet rồi.

Đến đây, ta đã có một ý niệm khái quát về hiện tình nước Pháp Đệ tứ Cộng hòa. Ta cũng đã nhận định sơ lược một số vấn đề trọng đại của nước Pháp.

Tưởng có thể nói tóm tắt rằng nước Pháp đang đòi hỏi cấp bách:

- Những cơ cấu mới,
- Những con người mới,
- Những chính sách mới.

Hay nói cách khác, nước Pháp đang đòi hỏi một giải pháp mới, một giải pháp đặc biệt, ở ngoài những công thức chính trị của nền Đệ tứ Cộng hòa đứng trên các lợi ích nghị trường và đảng phái.

Nước Pháp đã kêu gọi đến tướng De Gaulle. Ông này đã hưởng ứng và ra nắm chính quyền.

Giải pháp De Gaulle sẽ cứu vãn nước Pháp được chăng?

TIỂU-DẪN

Tài liệu tham khảo:

- Mémoires de guerre của De Gaulle
- La Documentation française
- Các tạp san Esprit, Etudes.

— *Kỳ sau:*

Giải pháp De Gaulle

★ NGƯỜI làm thủ lãnh thì cá nhân phải thấm và biến vào trong chức vụ. Đề nén đề khuất mình đi như vậy, cần phải cương quyết và can đảm lắm. Song nếu làm nổi, người thủ lãnh sẽ có một uy tín và một khí lực mà không một cấp bậc nào có thể tạo ra cho được. Trở nên người của công chúng, người thủ lãnh vươn mình lên trên những lợi lộc nhỏ nhen, tiếng nói vang lên khác với tiếng nói của người khác, vì trở nên tiếng của ý thức đạo đức tìm đối lợi ích tối cao của đoàn thể.



NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN ĐƯỢC XÉT LẠI
TRONG LỊCH SỬ TRUNG-QUỐC

TẦN-THỦY-HOÀNG

CÓ CÔNG HAY CÓ TỘI ĐỐI VỚI LỊCH SỬ ?

TRẦN-HÀ

I

Vị hoàng đế đầu tiên của
Trung-Quốc. ...

TRƯỚC đó, (1) Trung-Quốc còn một vị vua đứng đầu Ngũ-Đế, cũng gọi là Hoàng-Đế, nhưng đó chỉ là tên của một vị tù trưởng bộ tộc Hạ trên lưu vực sông Hoàng-Hà. Hai chữ « Hoàng-Đế » tuy trùng âm, nhưng dị nghĩa.

Sự thật, phải đợi đến khi Tần-Thủy-Hoàng ra đời, Trung-Quốc mới có vị hoàng đế đầu tiên. Nói thế không phải chỉ vì lý do đơn giản là bắt đầu từ nhà Tần mới có xưng hiệu hoàng đế, mà còn vì một ý nghĩa lịch sử hết sức phong phú nữa. Đó là : bắt đầu từ đời Tần-Thủy-Hoàng, nước Tàu đã từ một quốc gia chia cắt, phân quyền, trở thành một đại đế quốc thống nhất tập quyền.

(1) Xem Bách Khoa số 36.

II

Gồm thâu lục quốc, thống nhất sơn hà.

Như chúng tôi đã trình bày (Bách Khoa số 36 : « Hoàng đế xuất hiện từ bao giờ »), trước Tần-Thủy-Hoàng, chỉ có xưng hiệu « Vương » chứ chưa có xưng hiệu « hoàng đế », và cũng chưa có một nền quân chủ tập quyền. Các vị « Vương » nhà Châu, tuy mang danh nghĩa « cộng chúa » của chư hầu, nhưng vẫn không có quyền lực thực tế. Dưới Châu-Vương, còn vô số chư hầu nữa ; mỗi lãnh thổ của chư hầu là một « nước », hoàn toàn độc lập về mọi mặt : tài chánh, quân sự, hành chánh v.v... Thậm chí, có lúc một số chư hầu như Tề-Hoàn-Công, Tấn-Văn-Công, Tần-Mục-Công, v.v..., còn cường mạnh hơn Châu-Vương, dám triệu cả Châu-Vương đến làm bình phong để « hiệp thiên tử » mà « lệnh chư hầu ». Qua đời Chiến-quốc, chư hầu kiêm tính lẫn nhau, rốt cuộc chỉ còn bảy nước lớn, gọi là « Chiến Quốc thất hùng ». Thất hùng đều xưng vương, coi như không còn có Châu-Thiên-Tử dưới mắt nữa.

Sự phân chia manh mún đó đã làm cản ngại lớn lao cho sự phát triển của nền kinh tế quốc gia. Mỗi « nước » của chư hầu, mỗi « thái ấp » của Khanh-Đại Phu là một đơn vị kinh tế tự túc tự cấp, do đó, sức sản xuất rất thấp. Giao thông cách trở, thuế khóa phức tạp, nặng nề, chiến tranh liên miên, ... đã làm cho chẳng những nông nghiệp bị suy sụp nghiêm trọng, mà thương nghiệp cũng gặp nhiều khó khăn to tát.

Vì thế, một quốc gia thống nhất ra đời, vô luận như thế nào, cũng tiến bộ hơn trước. Ai thực hiện được việc đó là góp một tác dụng lớn lao vào sự phát triển của lịch sử.



Một số đông sử gia cũ, đối với Tần-Thủy-Hoàng, thường không chú ý phê phán những chỗ đúng, chỗ hay, mà chỉ nhằm vào những thủ đoạn hung bạo của ông ta. Dĩ nhiên, trong những thi thố của Tần-Thủy-Hoàng, vẫn có những điều bạo ngược, làm tổn hại nặng nề đến lợi ích của nhân dân thời bấy giờ. Nhưng chúng ta không nên vì thế mà không nhìn đến phương diện tiến bộ trong chánh sách của ông ta, đã có tác dụng tích cực thúc đẩy lịch sử tiến tới.

Chúng tôi còn nhớ, trên mặt báo này, bạn Bình-Nguyên-Lộc đã có lần xác nhận « Tần-Thủy-Hoàng : một ông vua nhiều sáng kiến » (2). Theo chúng tôi, có lẽ nên thêm « và có nhân quang chánh trị xa rộng » nữa mới đầy đủ.

Cái nhìn thấy đúng đắn nhất của ông là đã nhận được trào lưu thống nhất thời bấy giờ. Chính điểm nhìn thấy đó là nhân tố căn bản đã đưa ông ta đi đến những thành công rực rỡ trong công cuộc gồm thâu lục quốc : năm 230 (trước k.n.) diệt được Hàn, năm 228 (trước k.n.) lấy được Triệu, năm 225 (trước k.n.) thôn tính Ngụy, năm 223 (trước k.n.) phá được Sở, năm 222 (trước k.n.) diệt Yên, và năm 221, diệt được Tề. Thế là chỉ trong vòng chín năm (từ 230 đến 221 trước k.n.)

(2) Bách Khoa số 10 ngày 1-6-1957.

Tần-Thủy-Hoàng đã hoàn thành được sự nghiệp đại thống nhất Trung-quốc.

Đương nhiên, thống nhất được Trung-quốc không phải chỉ nhờ tài thao lược của riêng Tần-Thủy-Hoàng, mà còn do nhiều yếu tố khác nữa, tỉ như :

— nhờ các nước Chiến - Quốc đã tiêu diệt được những thái ấp của Khanh-Đại-Phu mà gom lại thành những vương quốc tương đối rộng, do đó, sau này, nhà Tần chỉ cần đánh được sáu nước là thống nhất được giang san, chứ không phải chinh phục đến « vạn quốc ».

— trước Tần-Thủy-Hoàng, nhà Tần cũng đã thi hành một loạt cải cách liên tiếp như : phế tỉnh điền, khai mạch điền, xây dựng nhiều công trình thủy lợi, làm cho nền sản xuất nông nghiệp phát triển nhanh chóng, tăng cường mạnh mẽ quốc lực của Tần.

Nhưng, trọng yếu hơn hết là yếu tố nhân dân. Như chúng ta đã biết, những cuộc nội chiến ác liệt giữa các nước chư hầu trên năm trăm năm dưới đời Xuân-Thu, Chiến-Quốc đã làm cho trăm họ vô cùng lầm than, điêu đứng. Vì vậy, tất cả các tầng lớp dân chúng đều khao khát mau xuất hiện một quốc gia thống nhất và thái bình. Tần thắng được các nước chính là nhờ đã đáp ứng đúng yêu cầu chính đáng đó.

Điềm nhìn thấy xa rộng thứ nhì của vua Tần là cương quyết phế trừ chế độ phong vương kiến quốc, và thiết lập chế độ quận huyện, chia Trung quốc ra thành ba mươi sáu quận, mỗi quận có một Quận Thú, do hoàng đế bổ nhậm,

làm việc thẳng với hoàng đế ; ngoài ra, trong mỗi quận, còn một Thừa-Úy để cai quản ba quân và một Ngự-Sử để giám thị Quận Thú. Dưới quận, có huyện. Huyện lớn thì đặt huyện lệnh để cai trị, huyện nhỏ thì huyện trưởng ; huyện lệnh, huyện trưởng cũng đều do triều đình bổ nhậm. Dưới huyện, có hương đình. Tất cả những đất phong và vương tước trước kia đều đương nhiên bị hủy bỏ.

Chánh quyền trung ương thì có Tả, Hữu Thừa-Tướng để giúp hoàng đế, Ngự-Sử Đại-Phu để giúp Thừa-Tướng, Thái-Úy cai quản quân đội, Đình-Úy coi về Tư pháp, Trị túc Ngự-Sử lo việc Tài chánh và Bác sĩ làm cố vấn. Nhà vua tự xưng là « hoàng đế », ý muốn bảo là « đức kiêm Tam-Hoàng, công quá Ngũ-Đế », « mệnh vua » gọi là « chế », « lệnh » gọi là « chiếu », hoàng đế tự xưng là « trẫm », nghĩa là « độc tôn vô nhị ». Tần-Vương-Chánh tự xưng là « Thủy-Hoàng-đế » và quy định con cháu đời sau phải tiếp tục xưng « nhị thế, tam thế, tứ thế », v.v... cho đến vô cùng tận.

Thiết lập chế độ quận huyện, tuy dụng ý của Tần-Thủy-Hoàng là để duy trì vững chắc nền thống trị của mình, nhưng đứng về mặt khách quan mà xét, chánh sách đó đã cống hiến to tát vào sự củng cố nền thống nhất Trung-Quốc, cả cho những đời sau này nữa.



Điềm thứ ba đáng được đề cao trong chánh sách của Tần-Thủy-Hoàng là thống

nhất văn tự, thống nhất đo lường, thống nhất tiền tệ, thống nhất chế độ thuế khoá.

Văn tự nhà Tây Chu (gọi là đại triện hoặc lưu văn), nét bút rất phức tạp. Qua đời Xuân-Thu chiến quốc, mỗi nước đều tự canh cải văn tự, cho nên tuy về đại thể, kết cấu vẫn giống nhau, nhưng cách viết và nét bút của từng địa phương đã sai chạy đi rất nhiều. Sau khi gồm thâu lục quốc, vua Tần liền ra lệnh cho bọn Lý-Tư chế định lại văn tự cốt sao cho nét bút được đơn giản hơn trước. Về sau, Trình-Mạo lại dựa theo những cách viết giản dị trong dân gian mà chế định lại một thứ chữ sáng sủa, dễ viết hơn gọi là « lệ thư », rất gần với chữ chân phương hiện nay.

Trước Tần-Thủy-Hoàng, mỗi nước đều có chế độ đo lường, cân lượng riêng biệt. Vua Tần diệt được lục quốc, cũng hủy luôn cả những cách đo, cân phiên phức đó, mà định ra đơn vị cân, lượng, thước tắc thống nhất.

Tiền tệ cũng được chế định lại. Những mai rùa, ngọc quý từ đó trở đi sẽ không được dùng làm tiền nữa. Nhà nước đúc một số loại tiền thống nhất, lấy vàng và đồng làm bản vị : vàng là « thượng tiền », mỗi đơn vị là một « dật » (hai chục lượng) ; đồng là hạ tiền, mỗi đơn vị là nửa lượng.

Về thuế khóa, nhà Tần đã bãi bỏ tất cả quan thuế, có tánh cách địa phương của lục quốc, mà thực hành chế độ thu góp thống nhất.

Ngoài ra, đối với nông nghiệp, nhà Tần cũng có những khuyến khích đặc biệt, tỉ như : đặt ra chánh sách « dân-danh-diễn », cho phép dân chúng được tự do mua bán ruộng đất, tiến hành những công trình dẫn thủy nhập điền qui-mô, dẫn nước từ Đông-Bắc vào tưới các vùng bình nguyên tỉnh Cam-Túc và các nước : Tề, Sở, Ngô, Thục, v.v... cũ, làm cho trên 18 vạn mẫu ruộng khô, cháy trở thành phì nhiêu.



Làm cho một nước Trung-Hoa chia xẻ thành một quốc gia thống nhất về mọi mặt kinh tế, chánh trị, văn hóa, và chấm dứt được tình trạng loạn lạc rồi bởi trên 500 năm, Tần-Thủy-Hoàng thật đã có công lớn đối với sự tiến triển của lịch sử Trung-Quốc.

Nhưng, ngoài những thi thố có lợi trên, Tần-Thủy-Hoàng vẫn còn nhiều hành động phản tiến hóa mà lịch sử không bao giờ quên được.



III

Bạo tàn phải sớm diệt vong

TẦN-Thủy-Hoàng chỉ là một vị hoàng đế của thời đại chuyên chế, hơn nữa lại là vị hoàng đế đầu tiên xác lập nền quân chủ tập quyền, cho nên tất cả những thi thố của ông ta đều xuất phát từ tham vọng củng cố nền thống trị đó. Vì thế, muốn phê phán vị vua đầu tiên ấy, chúng ta cần phải xem xét kỹ những điều kiện lịch sử phức tạp

đương thời mới có thể vô tư được. Nếu không, rất dễ rơi vào thành kiến, thiên lệch.



Việc đốt sách, chôn học trò là một trong những hành động mà người đời sau công kích kịch liệt hơn hết. Cho nên, chúng tôi xin phép đi sâu một chút vào sự kiện đó.

Sách Sử ký của Tư-Mã-Thiên chép rằng :

« Thừa tướng Lý - Tư tần : « Hiện
« nay, bọn nho sinh không theo kim mà
« theo cồ, bài bác chính sách thời này
« đề mê hoặc lòng dân... Họ cho những
« điều sở học của họ là đúng mà hay
« công kích những việc xây dựng của
« bên trên... Như thế, nếu không cấm
« thì bên trên, thế vua phải suy, bên
« dưới, loạn đảng sẽ nhóm thành. Nên
« cấm đi thì tốt. Xin rằng những sách
« sử không hợp với pháp chế nhà Tần
« thì đốt đi. Không phải là quan bác
« sĩ, mà có tàng trữ Thi, Thư và sách
« của Bá-gia thì phải đem nạp cho Quận
« Thú và Thừa-Úy để đốt đi. Ai bàn
« bác Thi, Thư sẽ bắt đem bỏ chợ,
« hoặc xử tử. Ai dám « thị cồ phi kim »
« (khen xưa chê nay) thì giết cả họ.
« Quan lại biết mà không cáo thì cũng
« xử đồng tội. Đã được lệnh 30 ngày
« mà không đốt sách thì sẽ bắt đi đày
« Trường-Thành. Chỉ có sách thuốc, sách
« bói khoa và sách dạy trồng cây mới
« được giữ. Ai muốn học pháp lệnh phải
« đến quan mà học ».

Tần-Thủy-Hoàng liền dung nạp kiến nghị của Lý-Tư, lập tức hạ lệnh đốt sách. Hàng ngàn, hàng vạn người vì thi hành chậm trễ hoặc chống lại sắc dụ, đã bị bắt đi đày hoặc xử tử. Nhưng, làm xúc động dư luận cồ kim hơn hết là vụ án chôn sống một loạt 460 nho sinh đã phạm tội « khen xưa chê nay ».

Tuy nhiên, chính sách đốt sách chôn học trò của Tần-Thủy-Hoàng không phải chỉ có một mục đích đơn giản là đàn áp nhân dân. Dụng ý của vua nhà Tần còn để ngăn ngừa và chế phục sự trỗi dậy của những quý tộc lục quốc và phe đảng của họ, đang lăm le khôi phục lại chế độ cát cứ xưa. Như chúng ta đã biết, dưới đời Chiến Quốc, phong khí « dưỡng sĩ » rất thịnh. Những kẻ « sĩ » thường lợi dụng tình trạng hỗn loạn và chia xẻ để thao túng chánh tình. Sau khi Tần-Thủy-Hoàng gồm thu lục quốc, mọi việc đều được sắp đặt lại. Muốn làm quan, phải theo một chế độ nhất định ; phải học tập luật lệ mới. Những kẻ « sĩ » thấy chế độ cũ quả là có lợi cho họ, tốt với họ hơn, do đó, mới sinh ra thái độ « khen xưa chê nay. « Đối với những kẻ mưu toan kéo xã hội trở lại chế độ cũ đó, Tần-Thủy-Hoàng đã không ngần ngại dùng những hình phạt cực kỳ nghiêm khắc mà trừng trị.

Nhưng, dù thế nào hành động đốt sách chôn học trò vẫn cần phải bị lên án một cách nghiêm khắc.

Hai dụng ý trên, mới xem qua dường như mâu thuẫn, nhưng kỳ thực đều xuất

phát từ một tham vọng duy nhất là duy trì nền cai trị « vạn thế nhất hệ » của nhà Tần. Có thể nói tất cả những hành động của vua Tần đều xuất phát từ điểm đó cả. Tỉ như : ra lệnh tịch thu tất cả vũ khí trong dân gian đem về kinh đô Hàm-Dương, đúc thành 12 hình đồng, mỗi cái cân nặng đến 240 ngàn cân. Hành động này, một mặt tuy là đề phòng âm mưu nổi dậy của lục quốc, nhưng mặt khác cũng là đề tước hết phương tiện phản kháng của dân chúng.

Pháp lệnh và hình phạt của nhà Tần tàn khốc hơn triều đại nào cả, tỉ như : cưa hai, nấu dầu, voi giày, ngũ mã phân thân, cung hình, tru di tam tộc, v.v... Dưới sự cai trị của vua Tần, Trung quốc tự nhiên mà trở thành một địa ngục trần gian. Nhưng ông ta vẫn chưa thấy là đủ.

Đề có thể kịp thời trấn áp những cuộc nổi loạn, ông ta còn ra lệnh bắt dân làm trâu, sửa hết các công lộ, nối liền kinh đô Hàm-Dương với lục quốc. Chủ trương đó, về khách quan, cố nhiên là có lợi cho việc phát triển giao thông, khuyến khích thương nghiệp, nhưng đối với vua Tần, trước nhất là có lợi về mặt quân sự.

Chế độ tô thuế của nhà Tần cũng hết sức nặng. Dân chúng phải nạp đến trên năm chục phần trăm huê lợi của mình cho quốc khố.

Vua Tần lại hay thích chinh phạt và xây dựng những công trình đồ sộ, cho nên, thường động viên nhân lực một cách quá đáng, tỉ như : sai Mông-Quất đánh Hung-Nô (từ 215 đến 214 trước k.n.), đắp Vạn-Lý Trường-Thành (1), xây Hoàng-lăng ở Ly-Sơn, dựng cung A-

Phòng, v.v... Chỉ riêng việc dựng cung A-Phòng đã phải dùng đến 700 ngàn người.

Chế độ tàn bạo đó đã làm cho trăm họ vô cùng công phẫn.

Vua Tần tưởng rằng có thể dùng chánh sách đàn áp quân sự đè cùn cổ nền cai trị, nhưng ông đã lầm và đã thất bại.

Ông đã đốt hết sách, nhưng không hủy diệt được ý chí quật khởi của trăm họ. Trái lại, chính ngọn lửa bạo tàn đó đã đốt cháy rục lên lòng căm hờn bấy lâu âm ỉ trong tim gan hằng chục triệu con người đau khổ.

Dù chôn được bao nhiêu nho sinh, ông vẫn không sao vùi dập được sức phẫn đấu của cả một thế hệ sĩ phu đang khao khát tự do.

Ông đã cần thận tịch thu cả binh khí trong dân gian, nhưng mười lăm năm sau, Trần-Thắng, Ngô-Quảng vẫn « chặt cây làm binh khí, bẻ lau làm cờ », cầm cuốc, xuống, gậy gộc đứng lên, một tiếng hô, muôn ngàn người hưởng ứng.

Những công lộ mà ông tính tu sửa để tiện bề phái binh trấn áp mau lẹ các cuộc quật khởi, lại cũng sớm trở thành những phương tiện tập hợp mau lẹ lực lượng dân chúng, kéo về đánh đổ bạo Tần.

Ảo mộng « vạn thế nhất hệ » của Tần bạo chúa rốt cuộc phải tan theo mây khói !

TRẦN-HÀ

KỶ SAU : Lữ-Bất-Vi là cha ruột của Tàn-Thủy-Hoàng ?

(1) Vạn-Lý Trường-Thành chạy từ Sơn-Hải-Quan (Hà-Bắc) đến Gia-Cốc-Quan (Cam-Túc), dài trên 5.000 dặm.

PHỔ THÔNG KHOA HỌC

CÔ-LIÊU

I— Đặt vấn đề

Tinh thần khoa học là tính chất căn bản của nền văn minh hiện đại. Từ các ngành học thuật tinh thần đến khoa học thuần túy đều áp dụng phương pháp khảo sát và suy luận khoa học. Những phương tiện củ soát, thực nghiệm và lý luận đem lại ít ra trong phạm vi hiểu biết của trí óc loài người, một quan niệm về sự thật vũ trụ.

Trong hiện tình đời sống văn minh cơ khí, sự thật thể hiện bằng phương pháp khoa học cần được phổ thông cho mọi người biết. Sự phổ thông khoa học trả lời cho một nhu cầu tìm hiểu sự thật của con người và cũng là điều kiện phát triển tinh thần khoa học.

Trong lãnh vực hoạt động nào, người ta cũng cần thu thập những kiến thức khoa học mà chương trình giáo khoa không thể cung cấp được vì địa vị của giáo khoa là huấn luyện trong một phạm

vi nhất định chứ không phải báo cáo trong một phạm vi rộng rãi, và lại giáo khoa không thể theo dõi những phát minh mới mẻ.

Ngày xưa người ta giam hãm khoa học trong các phòng thí nghiệm, nhưng ngày nay khoa học được đem trình bày dưới mắt đại chúng trong cuộc sống hàng ngày. Một xe hơi, một máy khâu, một thanh đều làm chúng ta phải băn khoăn tìm hiểu những then chốt của chúng.

Trong công việc chuyên môn như công việc của nhà sử học, xã hội học, địa lý học, kinh tế học, đến cả công việc của nhà văn, muốn hiểu biết tường tận, hành nghề tinh thực, đều phải có một chút kiến thức tối thiểu về khoa học.

Triết gia hay người chỉ có mục đích khiêm tốn trau dồi văn hóa, muốn có cái nhìn bao quát, đều mong muốn biết qua tình hình khoa học. Tính cách

chuyên môn kỹ thuật mỗi ngày một phức tạp của mỗi ngành khoa học khiến cho họ không thể hiểu biết được một cách trực tiếp.

Đến như nhà bác học bị bó buộc trong khuôn khổ chật hẹp sự nghiên cứu của mình, cũng cần biết rõ kết quả những công việc khảo sát liên hệ tới lãnh vực mình đề tiến hành công việc.

Như vậy nếu ta quan niệm vấn đề phổ thông khoa học với tầm tác dụng rộng lớn, đầy đủ ý nghĩa thực dụng và lý tưởng, ta nhận thấy đó là một nhu cầu khẩn thiết của thời đại.

II— Những khó khăn về nguyên tắc

Nếu đại chúng và người khảo sát khoa học đồng ý với nhau về cách nhìn sự vật như trên, con đường sẽ mở rộng để người viết sách phổ thông lẫn người đọc thông cảm nhau về tính chất và trách nhiệm của loại sách ấy, và công việc phổ thông sẽ đạt được kết quả mong muốn.

Tiếc thay, đại chúng phần nhiều tiếp nhận tác phẩm phổ thông với thái độ người tìm sự tiêu khiển, hoặc khi đọc, nóng nảy muốn đến ngay đích không muốn qua một vài chặng suy luận tối thiểu, hoặc không cần biết cách giải thích khoa học có chân thật hay ngụ luận, chỉ chú ý đến cảm giác do sự đọc đem đến.

Về phía người khảo sát thì họ coi sự phổ thông khoa học là một cách bóp méo sự thật, phản lại đường lối, mục đích và lý tưởng họ theo đuổi. Vì thế họ rất dè dặt khi phải dùng

ngôn ngữ thông thường để cắt nghĩa việc làm của họ, họ cho rằng làm thế có hại cho uy tín mình.

Thái độ những nhà sư phạm về môn khoa học cũng tương tự. Nhà sư phạm cho rằng sự phổ thông thiếu tính chất đứng đắn vì quá dễ dãi. Phổ thông là trái ngược với tôn chỉ của khoa học. Khoa học cần thanh nghị và chứng minh chắc chắn. Phương pháp phổ thông vận dụng đến trí tưởng tượng và tình cảm, nghĩa là đưa vấn đề đến chỗ hỗn độn và kém giá trị học thuật.

Vì những trở ngại ấy, đại chúng và người khảo sát khoa học không thông cảm được với nhau. Đề cho phong trào phổ thông có đất đứng, hai bên cần sửa soạn một thái độ cảm nghĩ thích hợp với hoàn cảnh, nhất là người làm công việc phổ thông, nghĩa là người trung gian.

Sự ước mong đó sẽ không phải là không tưởng, nếu mọi người đủ thiện chí để hiểu rằng phổ thông khoa học là một nhu cầu khẩn thiết của thời đại nâng đỡ khoa học chứ không ngụ ý đầu cơ khoa học. Chúng ta hãy bỏ quan niệm thiên lệch rằng khoa học thuần túy là thế giới riêng của bác học, hình nhi thượng học là thế giới riêng của triết gia, không có chỗ cho đại chúng ghé mắt vào. Chúng ta cũng không tiếp nhận tác phẩm phổ thông với ý định mua vui giải trí suông, mà để thỏa mãn nhu cầu hiểu biết sự thật của con người. Quan niệm ấy đem lại hứng khởi và thiện chí cần có để đánh tan sự lười biếng suy nghĩ.

Giữa bầu không khí thuận tiện ấy, sự thật khoa học có thể đem ra trình bày

dưới một hình thức trung gian đứng ở giữa sự thật chân như và sắc thái bình thường của sự vật chưa phải là lý cao minh tối thượng nhưng đã có giá trị học thuật tương đối. Hồ ngăn cách giới chuyên môn với người muốn trau dồi văn hóa có thể lấp đi được.

III. Những khó khăn về phương pháp thực hiện

Công việc của người viết tác phẩm phổ thông không phải dễ dàng khi đem trình bày một vấn đề khúc mắc phức tạp dưới một hình thức giản dị và vắn tắt.

Muốn thỏa hiệp với những nguyên tắc nói trên, người viết phải hiểu biết đại chúng để thừa nhận nguyên tắc làm việc: *Bên cạnh sự thật tron tru có thể thêm vào những yếu tố kém phẩm vưng nhưng không hại cho sự thật.* Tuy nhiên người viết phải nhất quyết kính trọng lý tưởng khoa học và ý nghĩa chân thành của luận điệu khoa học, nghĩa là tránh những điều chỉ tạo ra một cảm tưởng rồi để người đọc lúng túng với cảm tưởng ấy.

Tất cả vấn đề phổ thông là tóm tắt và giản dị hóa với điều kiện nào để sự thật khoa học đứng đắn. Thí dụ như đưa ra một vài điểm sơ khởi gần sự phổ thông vẫn phản chiến sự thật chủ yếu rồi nhấn mạnh vào những chỗ cần phải đi sâu thêm cho biết thật đích xác. Cần nhất là dùng lý luận một cách thuận lợi để người đọc cho đây là sự thật cuối cùng, trong khi đúng lý ra, nó chỉ là một đoạn đường để đi đến sự thật, một cách nhìn thiếu sót. Người ở ngoài thế giới chuyên môn có thể tiếp nhận sự thật

thiếu sót ấy với một thái độ xa hân tinh thần khoa học mà không bận tâm đến con đường phải đi qua để tới hân đích. Chính con đường phải qua ấy lại là cạnh khía sâu sắc và linh động của khoa học.

Nhìn khó khăn về đại thể nói trên, ta có thể nói đến chút ít khó khăn về chi tiết.

Trình độ kiến thức phổ thông của đại chúng rất khác nhau. Phải chia độ giả ra từng loại cao thấp. Công việc phổ thông chỉ có kết quả nếu có đủ hai điều kiện:

— Người đọc sách ở trình độ phổ thông nào phải có những căn bản kiến thức tối thiểu của trình độ ấy. Thí dụ muốn hiểu nguyên tử năng phải biết trước thế nào là phân tán nguyên tử (fission), vai trò của U-ran 235 và U-ran 238.

Ở mỗi trình độ kiến thức, sự phổ thông lại có những khó khăn riêng mà người viết phải giải quyết. Thí dụ, ở trình độ cao, sự phổ thông có thể gần là khoa học hay kỹ thuật thuần túy như loại sách của nhà xuất bản Colin Pháp. Sách cho trẻ em đọc thì dùng những hình ảnh giản dị có chú thích, chữ lý luận dài dòng không được phổ cập. Loại sách cho trẻ em đọc của Mỹ đáng chú ý.

— Điều kiện thứ hai là phương pháp thích hợp. Trong địa hạt này trí tưởng tượng và óc sáng kiến của người viết có dịp thi thố tài năng. Người ta đã dùng những hình ảnh, những cách so sánh để hiểu dễ cắt nghĩa một định lý

trừu tượng. Thí dụ về V.T.Đ. có nhiều sách phổ thông của Pháp cắt nghĩa bằng những hình vẽ vui mắt một cách tài tình, thế nào là đặc tính cản điện cao tầng và dẫn điện thấp tầng của một ô giây cuộn (self), thế nào là đặc tính dẫn điện cao tầng và cản điện thấp tầng của một bộ đọng điện (condensateur)

Những sách phổ thông như thế có thể là sách nhập đề cho một môn học sâu rộng hơn. Sự phổ thông, quan niệm như vậy, thường gần với khoa học hơn người ta tưởng.

Về phương diện giáo khoa loại sách ấy có thể giúp ích nhiều cho nhà sư phạm. Sách giáo khoa thường trình bày một cách khô khan, trừu tượng, không hấp dẫn. Người ta có thể noi gương sách phổ thông khoa học dùng những phương tiện tác dụng đến trí tưởng tượng và linh giác của học sinh. Không có gì quá đáng cả, vì hiện thời ai cũng biết rằng nếu không đem so sánh với nước thì không có cách nào cắt nghĩa một vài luật điện học cơ yếu. Người ta làm văn xuôi từ lâu đời mà không biết!

Nếu mục đích của sự phổ thông là làm cho dễ hiểu, làm hiển hiện một chân lý dưới mắt đại chúng thì mục đích ấy chưa đủ để xác định vai trò của sự phổ thông. Sự phổ thông chỉ hay vì tác động đến cảm quan, đến linh giác người đọc để kêu gọi lòng ưa thích. Đường lối ấy để đi đến sự thật khoa học không phải là không đáng chú trọng bằng phương pháp giáo khoa. Sự thật khoa học phổ cập quần chúng sẽ tạo ra một bầu không khí thuận tiện cho sự phát

triển những khuynh hướng và năng khiếu khoa học tiềm tàng để thúc đẩy ý chí tìm tòi sự thật. Phổ thông khoa học sẽ trực tiếp phụng sự khoa học đúng với tôn chỉ đề nghị ở phần đầu bài này.

IV— Những ngành học vấn đối với sự phổ thông

Theo ý kiến người hiểu biết vấn đề thì khoa học thực nghiệm (science expérimentale) có nhiều môn dễ phổ thông hơn cả. Môn sinh vật học có lẽ dễ nhất, thứ đến một vài cạnh khía của thiên văn học. Người ta biết có nhiều người không phải bác học cũng dụng tâm nghiên cứu thiên văn, nhiều công việc tìm tòi của họ có giá trị học thuật hẳn hoi.

Về V.T.Đ. và kỹ thuật VTĐ đã có nhiều loại phổ thông giá trị. Cơ học (mécanique) âm thanh và quang học có rất nhiều triển vọng phổ thông hóa. Còn rất nhiều bí quyết về lý hóa khả dĩ trình bày cho đại chúng hiểu được mà ít người khai thác.

Còn như toán học tối tân (mathématique moderne) được người ta coi như khó tìm ra phương pháp thực hiện sự phổ thông, có lẽ tại tính cách toán học thuần lý, cần suy luận, không thể vận dụng cảm quan và linh giác mà hiểu thấu.

V— Hình thức phổ thông

Người ta đã huy động những phương tiện mà văn nghệ vẫn khai thác, những phương tiện trưng bày, để làm hình thức phổ thông khoa học như sách vở, báo chí, phim, triển lãm, viện bảo tàng.

Những hình thức tác động đến thị giác và thính giác quan hệ hơn cả vì đạt được một số lớn đại chúng ; đó là điện ảnh, vô tuyến truyền hình truyền thanh, và trong một phạm vi nào, triển lãm.

Có nhiều phim tài liệu và khảo cứu có giá trị văn hóa. Cuốn phim « A l'aube d'un monde » khai thác đề tài nguyên tử lực được nhiều người trong giới khoa học nói đến. Nhưng rất nhiều loại phim phóng tác khoa học đã làm cho người xem hoang mang hay bức bối, dưới đây sẽ nói đến.

Về việc phổ thông dưới hình thức văn chương có loại chuyện phóng tác khoa học được đại chúng đón chào nồng nhiệt trong những năm gần đây, nhất là thanh niên. Họ mê say như xưa kia mê say truyện phong thần vậy. Nga-xô khai thác triệt để hình thức phổ thông này. đã có người nói rằng văn chương Nga-xô là chuyện phóng tác khoa học.

Chúng ta không nên có thành kiến với hình thức này miễn là có ý thức trong sự khai thác. Người viết đừng quá gần khoa học thuần túy và đừng nên ghép thêm những khung cảnh giả tạo, không nên dùng những thể thức cứng rắn. Chúng ta phải thực tế và thận trọng, phải gạt ra những ý niệm sai lầm hay viển vông về khoa học, những cách khai thác đầu cơ vụ lợi, không kính trọng sự thật, chỉ kêu gọi thị hiếu người xem và bóp méo sự thật với bất cứ giá nào. Mặc dầu chúng ta công nhận nguyên tắc vận dụng trí tưởng tượng và tình cảm, tác dụng đến

cảm quan và linh giác, chúng ta cũng không thể vượt qua lần mức phải chăng.

Nếu chúng ta tán thành những loại phóng tác của Jules Verne thì chúng ta đã đảo những loại chuyện quái gở phi lý, như máy hút một vị tinh tú cho đựng tan trái đất, loài quái vật tiền sử tưởng tượng phá thành Nửu-Ước. v.v... Chúng ta cũng không tha thứ được những cách nhìn sự vật quá dễ dãi trái ngược hẳn quan niệm đúng đắn khoa học, như người ta đã hoang đường hóa khả năng của người máy, luật cybernétique. Mới đây lại có người loan tin rằng đã tìm ra phương trình vũ trụ, phương trình vật chất. Quan niệm phổ thông khoa học như thế là phản khoa học, là gieo rắc giữa dân chúng sự mờ mịt, sự rắc rối, và một thứ mơ màng hư ảo làm mất óc thực tế, mất ý chí suy luận theo tinh thần khoa học. Đối với khoa học chỉ có minh bạch, giản dị. Mờ mịt, hiểm hóa chỉ có trong tư tưởng không khoa học mà thôi.

Sự cố gắng của người phổ thông khoa học chân chính là đánh tan những tư tưởng thiên lệch về sự thật do số người thiếu lương tâm đã gây ra.

Văn chương vẫn thường khai thác những đề tài khoa học với loại văn khác. Xưa kia trong văn học Pháp đã có Fontenelle, Buffon, Claude Bernard, Fabre, mới đây có Henri Poincaré, Jean Perrin. Chúng ta rất ham đọc trong báo chí những câu chuyện về khoa học kể với giọng dí dỏm. Chúng ta cũng ưa đọc những bài trình bày sơ lược dễ hiểu về bộ óc nguyên tử, máy Ra đa, hỏa tiễn. Tuy rằng còn ở xa khoa học lắm, nhưng cây bút thêu

dệt của nhà văn để làm cho dễ hiểu không đến nỗi phạm những lỗi nặng, loại văn ấy cũng tròn nhiệm vụ báo cáo cho đại chúng biết những khám phá và phát minh mới mẻ của khoa học.

Loại sách khảo cứu soạn theo từng trình độ hiểu biết có tính cách đứng đắn, ngả về giáo khoa hơn là văn nghệ, nhằm vào số độc giả lớn tuổi đã chuyên về một nghề mà muốn mở rộng kiến thức, như của « Collection Colin » hay loại « Que sais-je ? » bên Pháp, tuy có ít độc giả nhưng có giá trị học thuật hiển nhiên.



Ngày nay công chúng — nhất là thanh niên — rất chú trọng đến những vấn đề khoa học, đó là một trạng thái tinh thần thuận tiện cho sự cảm thông giữa người đọc sách phổ thông và giới khảo sát. Linh khiếu người ta đã hiểu tầm quan trọng của sự phổ thông khoa học đối với tương lai văn minh cơ khí. Hội văn hóa quốc tế Unesco tự đảm nhiệm công việc nghiên cứu các vấn đề liên hệ đến sự phổ thông khoa học, năm 1953, đã họp một hội nghị quốc tế tại Madrid để trao đổi ý kiến.

Ngay như ở các nước tiền tiến, ý thức khoa học của đại chúng phát triển mạnh mẽ, vấn đề phổ thông cũng còn đặt ra, huống hồ ở Việt-Nam, cơ cấu tinh thần của ta quen với lối suy luận trực giác, ta cần sửa soạn để bước sang lối suy luận khoa học. Tinh thần khoa học cần được thức tỉnh để theo kịp các dân tộc khác. Vấn đề phổ thông khoa học đối với dân tộc ta khẩn thiết hơn bất cứ một quốc gia nào khác.

Sự cố gắng đào tạo chuyên môn là mối bận tâm của chính phủ và cả mọi người, thiết tưởng bỏ qua vấn đề phổ thông khoa học cũng là một khuyết điểm lớn cần phải bổ khuyết ngay.

Chúng tôi tham bác ý kiến của người ngoài am hiểu vấn đề, viết bài này theo một cách nhìn nhỏ hẹp không ngoài mục đích nhắc nhở những người hiểu biết hơn đề ý đến vấn đề mà nghiên cứu tường tận thì mới có thể làm sáng tỏ ra, theo sự mong muốn của xã hội Việt-Nam ngày nay.

CÔ-LIÊU

★ NGƯỜI thủ lãnh không quyết định một cách độc đoán mà bao giờ cũng tìm cách thấu triệt âm hưởng trong đầu óc kẻ mình chỉ huy. Thủ lãnh là kẻ hướng dẫn người và giúp đỡ người ; thủ lãnh khiến cho người có ý chí gặp mình thì vui mừng vì gặp được kẻ giúp cho họ củng cố ý chí.



Chui Giay
Hinh 
Vong 

MIỀN

ĐỒNG THÁP MƯỜI

NGUYỄN-THIỆU-LÂU

Ở toàn cõi Nam-Việt mà ngay cả đến
đất Bắc-Việt, ai cũng nghe tiếng miền
Đồng Tháp-Mười.

Miền này là một miền địa lý riêng biệt, có nhiều tính chất thiên nhiên và vì đó có

những tính chất nhân văn và lịch sử.

Miền Đồng Tháp Mười như thế nào ?



Ta trước hết hãy đứng về phương diện địa lý thiên nhiên mà tả cảnh miền này.

Nơi đây, trong công cuộc dẹp kháng chiến quân Việt-Nam ở Đồng Tháp-Mười, người Pháp có cho in lại bản đồ quân sự miền Tây đồng bằng sông Cửu-long, tỷ lệ bản đồ này là một trăm phần nghìn.

Nhìn trên bản đồ rõ ràng này, ta nhận thấy là miền Đồng Tháp-Mười là một miền bùn lầy, ở sát biên thùỵ Cao-Miên ở về phía góc Đông-bắc.

Đo trên bản đồ thời đồng bùn lầy rộng độ năm mươi lăm cây số vuông. Nhưng theo trên bản đồ thời một phần ba thuộc về ranh giới Cao-miên và chỉ cách tỉnh lỵ Miên là Soài-riêng độ mười cây số mà thôi. Nói đại khái thời miền đồng lầy này, trong địa phận nước ta, rộng độ một trăm năm mươi mẫu bắc, mặt đất rất thấp, nhiều nơi chỉ là một thước trên mực nước biển, nhưng lại là đất bùn cho nên ai đi vào đây thời sẽ thụt, dần dần đến chết ngập đầu, không có thể thở được.



Một câu hỏi đặt ra : tại sao có miền đồng lầy này ?

Ta phải nhìn kỹ bản đồ và nhớ lại mấy định luật về sự sông bồi phù sa ở đồng bằng tam giác châu như thế nào.

Nguyên là có con sông *Vàm-cỏ-tây*, chảy hướng Tây bắc — Đông nam : con sông *Cửu-long* chảy song song với sông này ; hai sông cách nhau độ sáu mươi cây số. Sông *Cửu-long* đây tức là nhánh Bắc, chảy xuống qua Mỹ-tho và ta gọi là con sông Tiền.

Mỗi một con sông bồi hai bờ cao ở ngoài lòng sông. Thành ra miền ở giữa, tức là miền Đồng-Tháp-Mười, đất thấp, chẳng khác gì những miền đồng chiêm ở các hạt Hà-nam, Ninh-bình.

Về mùa mưa, nước đọng lại vì không có đường sông cho nước thoát nhanh. Về mùa hanh, bùn trơ ra. Chỉ có một con sông, con là sông *Cái cút* chảy vào một con sông tương đối là lớn, ấy là sông *Long khốt*. Còn thời có rất nhiều rạch, ngóc nga ngóc ngách, nước đỏ ngầu, chảy rất chậm, quẩn quà quẩn quẹo trong đồng bùn.

Mặt đất chỗ cao chỉ hơn vài thước. Có nhiều gò con, nổi lênh bênh. Một gò tên là gò *Bắc chiêm* : gò chỉ cao có ba thước. Trên các gò đất cát pha này, dân quê làm mấy túp lều cỏ và trồng tria được ít rau khoai.

Nguyên là chất đất xấu lắm.

Đất là đất bùn và chất là chất phèn. Thật là miền đồng chua nước mặn, nhưng ở trong lục địa, xa biển đến ngót một trăm năm mươi cây số. Sở dĩ đất phèn là vì hai bờ sông của sông *Vàm Cỏ* và sông *Cửu-long* ngăn nước ngọt chảy vào để rửa đất mặn. Ngay ở trên các gò, đào giếng có nước, nhưng là nước chua chua mặn mặn, khó uống lắm. Về mùa mưa, trong hàng ba bốn tháng trời, nước ứ lại, đỏ ngầu. Về mùa hanh, bùn chắc lại. Chất phèn trong mùa mưa ngấm xuống nhưng trong mùa hanh lại bị hút lên. Vì là đất bùn có chất phèn nên có một thứ cây gọi là *cây tràm*, tức là một thứ cây

bần. Gỗ cây này dùng làm than. Cây tràm mọc thành rừng sinh sản nhanh lắm. Ngoài ra, có nhiều thứ cối chen chúc nhau mà mọc. Ở trong đám cối này, muỗi bay o, o, muỗi to như con ruồi. Ở dưới bùn, nào là đĩa, nào là rần, đủ các thứ rần.

Từ các vũng bùn, nghĩa là toàn miền, quanh năm hơi bùn bốc lên. Nhưng không phải là hơi bùn ở cống, ở rãnh mà là một thứ thán khí. Nguyên là các thứ cây, và nhất là cây cối, đã từ hàng chục thế kỷ, bị thối, tan rã, làm thành một thứ than, ta gọi là than đất. Hơi than đất độc lắm.



Vì các lý do địa lý thiên nhiên như thế nên miền Đồng Tháp-Mười, mà sử

ta gọi là Thảo mộc châu, miền này đã ở vào một tình trạng kinh tế rất khó khăn.

Dân chúng lơ thơ, ở tản mát trên các gò hay ở ngoài rìa, ở trong những xóm nhỏ hãy còn giữ tên miền. Có một đô thị nhỏ ở út về phía Nam mà trên bản đồ ghi là *Lò gạch* chỉ độ bốn năm chục nóc nhà. Lò gạch ở bên bờ sông và ở ngã tư đường.

Đồng Tháp-Mười là một miền địa lý có tính cách thiên nhiên riêng biệt, như ta đã biết. Về hành chính thời là quận *Mộc hóa*.

Chúng ta sẽ nói về địa lý lịch sử miền này.

NGUYỄN-THIỆU-LÂU

Ảnh hưởng đạo đức của bậc quân tử

Bậc quân tử cử động ra có thể làm đạo cho thiên hạ; thi hành ra có thể làm phép cho thiên hạ; phát ngôn ra có thể làm qui tắc cho thiên hạ. Khiến kẻ ở xa thì ngưỡng vọng mà muốn tới gần; kẻ ở gần thì thích chí mà chẳng muốn đi xa.

Kinh thi có chép: « Chỗ kia không ai ghét, chỗ này không ai chán, ngày đêm được đều như vậy thì mọi đời sẽ được ca tụng mãi mãi ». Nếu bậc quân tử không giữ được như vậy thì làm sao sớm được tiếng khen trong thiên hạ.

TRUNG-DUNG



THỦ lãnh có được uy quyền là để làm lợi cho kẻ khác, chứ không phải là để làm lợi cho mình, cho dòng họ mình.

VỀ TẬP THƠ TAJ MAHAL CỦA ÔNG ĐOÀN-THÊM

TÔI là một trong những người đã thúc đẩy bạn Đoàn - Thêm xuất bản tập thơ Taj Mahal, tuy bạn chỉ viết chơi như đã viết nhiều thơ khác không in.

Phải thú thực là lúc đầu nhận được bản thảo, tôi đã lơ đãng lật dở từng trang, nhằm coi mấy bức ảnh. Sau đó mới đọc đến thơ. Và đã thấy việc làm của anh bạn có một cái gì dễ thương đặc biệt.

Thật vậy, giữa lúc mà việc lên cung trăng không còn là một giấc mơ, giữa lúc mà các cửa hàng sách đã vắng hẳn bóng giáng yêu kiều của các thi phẩm, thì tập thơ của Đoàn - Thêm ở đâu lạc lõng tới. Nhưng cái lạc lõng đó mới duyên dáng làm sao. Y như mâm trầu cau phủ tấm lụa đào giữa một đám cưới toàn người răng trắng. Song, nếu bỏ trầu cau đi, thì việc kết hợp của đôi trai gái kia đâu còn tính cách một cuộc hôn lễ.

Kề ra đề tài mà tác giả đã chọn, mới nghe cũng thấy cầu kỳ. Việc chi mà phải sang tới Ấn-Độ, coi đền đài lăng tẩm Taj Mahal, mới thấy hồn thơ rào rạt trước mối tình bất diệt của Hoàng-Đế Mông-Cồ ? Nhưng đâu phải tác giả chỉ muốn tả người, tả cảnh Ấn-Độ ? Thực ra anh đã mượn chuyện một nơi mà tìm

hiều tâm trạng con người muôn thuở. Lầu đài, đình tạ kia, đá tro hoa, vàng dát ngọc nọ, là một hánh diện của riêng nền kiến trúc Ấn-Độ thực ; nhưng giai nhân ngàn thu uất hận, anh hùng lắm liệt mà khuất phục trước định mệnh khát khe, đó là những con người thời nào, nước nào cũng có, và hết sức quen thuộc với ta, đến nỗi ta nghĩ rằng trong họ có chút gì của ta và ta mừng rỡ tưởng rằng trong một kiếp xa xăm nào đó, có lẽ ta đã từng là họ.

Không phải chỉ ở Ai-Cập mà tính kiêu căng thêm muốn sự bất tử mới xây dựng nên Kim - Tự - Tháp ; kể từ ngày người ta còn sống ở Bộ-lạc mà đã nghĩ đến những kiến trúc tương xứng với nụ cười giai nhân cho tới nay, nhân loại đã từng trông thấy biết bao nhiêu cung A-Phòng ? Và tiếng khóc người quốc sắc nào mà chẳng ghen ngào như tiếng khóc Thị-Băng của con người muốn đập gương cồ tìm bóng xưa, xếp áo tàn dành hơi cũ ?

Taj Mahal đã xúc động Đoàn-Thêm như vậy. Kiến trúc nguy nga của phương trời lạ đã khơi ở nơi tác giả một thi hứng bắt nguồn từ những quẩn quại nghiệp duyên của con người vạn kỷ.

Ý thơ đã vậy, lời thơ lại còn trang trọng biết bao. Anh đã toàn dùng những từ thơ cổ mà diễn trình những tư tưởng mới, nhẹ nhàng và thanh thoát. Đọc xong tập thơ của anh mà có cảm tưởng như thấy một Ông Đồ với nếp khăn lượt, áo the thâm, chinh phục được một đám thính giả hoài nghi về khả năng vô cùng phong phú của thơ cổ.

Vì thế mà tập thơ của Đoàn-Thêm đối với tôi đã có một duyên dáng khả ái. Tôi đã thú thích như gặp một cái gì đẹp mà thấy mê ngay. Nghĩ rằng còn có thể có nhiều người thích như tôi, tôi đã thúc đẩy Đoàn-Thêm xuất bản Taj Mahal. Giá trị văn chương như thế nào là tùy lượng bạn đọc. Riêng tôi chỉ mong việc mình thúc đẩy bạn không phải là một lỗi lầm.

VÂN-TRƯỜNG

THÙY-DƯƠNG-TRANG

Tập truyện ngắn của Văn-Quang, Do Lạc-Việt xuất bản, 150 trang giá 28\$00.

Thùy Dương Trang gồm 8 truyện ngắn : *Thùy-Dương-Trang*, *Máu trở về tim*, *Dưới ánh đèn đêm*, *Đứa con nuôi*, *Nguyện*, *Tiếng hát trên đồi sim*, *Mưa bên sông* và *Ngọc-Lan*.

Người yêu văn thường đọc Văn-Quang trên báo chí. Qua các sáng tác của tác giả Thùy-Dương-Trang người ta thấy các nhân vật chính rào rạt một sức sống mãnh liệt, đôi ba khi bị giành giật trong đau khổ. (Thùy Dương Trang) hay chưa sót với những ý tình tha thứ vô bờ (Máu trở về tim). Người ta thấy một Phong đã bị vùi dập không tìm nổi hướng đi cho đời mình (Thùy Dương Trang) một Khanh đau khổ giữa cái không thể phân biệt được chỗ nào là giới hạn, và kết cấu của cuộc đời và kịch (Máu trở về tim) những nét buồn độc đáo của Mai người thiếu phụ Đông Phương. (Dưới ánh đèn đêm).

Tất cả những cuộc sống phũ phàng,

những tình cảm con người bị dồn nén, dẫn vật trong 8 câu chuyện tâm tình trong Thùy Dương Trang, là cái đau của thời đại những bệnh hoạn của cả một thế hệ lớn lên trong đau thương và nước mắt, ở đó những mầm non đã thấm nhiều mưa gió của cuộc giông bão thời đại.

Ở Văn-Quang người đọc phảng phất thấy có nhiều bút pháp của lối viết phóng sự. Nhưng chính cái đó đã tạo nên những bối cảnh linh động. Nhưng đôi ba chỗ tác động quá nhiều, làm mất tính chất truyện của tác phẩm. Ngòi bút Văn-Quang đi mạnh quá, như một hơi thở rồn rập của sức động tuổi trẻ nên đôi ba khi mạch lạc chuyển không đều.

Qua suốt cả Thùy-Dương-Trang người ta thấy Văn-Quang quả đã viết chân thành theo tâm tình và cuộc sống của mình, một điều rất cần cho người văn nghệ.

THÁI-VĂN



Trùng Dương Cách Cảm

... « Mẹ đau con chẳng biết, mẹ mất con chẳng hay, biển rộng trời cao
muôn dặm lòng trông tin mẹ mãi ».

TÂY-HỒ PHAN-CHÂU-TRINH

(Dâng mẹ hiền nghìn trùng xa cách)

Cho con về,
Đều hiu mưa gió thổi,
Nẻo quê xinh, cát trắng ướt chân dừa;
Xa lắm rồi
Chặng đường nhỏ về quê xưa.
Chim mỏi cánh không mang giùm nhắn gửi.



Cho con về,
Nụ cười trai vẫn nguyên màu tươi sáng,
Buồn mênh mang lai láng mỗi bước đường,
Nói làm sao đây,
Một về vẫn tròn vẹn tình thương.
Có nên cười.
Hay khóc.



Mẹ ơi!
Con về đây,
Hai bàn tay không ôm trùm trái đất,
Manh áo tả tơi,
Lòng tru tư gió bụi ngập tràn đầy.



Khép giùm con cánh cửa,
Mơ xa xôi về thời lạnh phên xiêu;
Con chấp tay...
Nhớ ra đi.
một buổi tắt nắng chiều,
Chân bé quá và lòng uơn ướt lệ.



Không ạ!
Muôn trùng không êm êm như lòng mẹ,
Con trở về càng bé bỏng hơn xưa
Mười năm ra đi,
Ngày trở lại nào thấy gì
Tâm tư mang nặng dấu giày nghiêng ngả.



Không! Không!
Sông dài đơn chiếc quá
Khách sang ngang như còn bận bao điều;
Cho con về.
Mùa đông này sương gió xuống đều hiu,
Tình!
Bạn!
Và tuyết trắng
Từng cánh nhẹ rơi rơi đầy góc phố.



Cho con về. Bên nụ cười hiền hậu,
Mẹ ơi! Nụ cười yêu tóc trắng gió lay bay,
Con xin về,
Cho bố những ngày
Nhớ tấm tức nụ cười cứng thẳng bé dại...

NGUYỄN-VĂN-CHÂU

Ba-Lê, Một chiều vào Thu

LỜI CẢM TẠ

Từ ngày 5 tháng 7 đến ngày 25 tháng 7, chúng tôi có phái bạn Nguyễn-Hữu-Ngư về miền Trung để tiếp xúc với các đại lý, các bạn độc giả dài hạn, đăng biết rõ ý kiến về tờ báo, hầu sửa đổi cho hợp với nguyện vọng chánh đáng của những người bạn của Bách-Khoa.

Tuy ít thì giờ, nhưng nhờ sự giúp đỡ của nhà cầm quyền địa phương, lòng sốt sắng của các đại lý, lòng nhiệt thành của các độc giả, mà bạn Nguyễn-Hữu-Ngư đã thu được nhiều kết quả như ý.

Chúng tôi xin có lời cảm tạ, và sẽ luôn luôn cố gắng để xứng đáng với tấm thịnh tình của các bạn gần xa.

Riêng với hai ông Phó Tỉnh-trưởng và Ti trưởng ti Thôngtin Quảng-trị đã hết sức giúp đỡ bạn Nguyễn-Hữu-Ngư trong dịp ra thăm Bến-hải cùng bác sĩ Huỳnh-Tấn-Đổi ở Đà-nẵng đã hết lòng săn sóc người phái viên của Bách-Khoa, chúng tôi xin quý vị nhận nơi đây lời cảm ơn chân thành của chúng tôi.

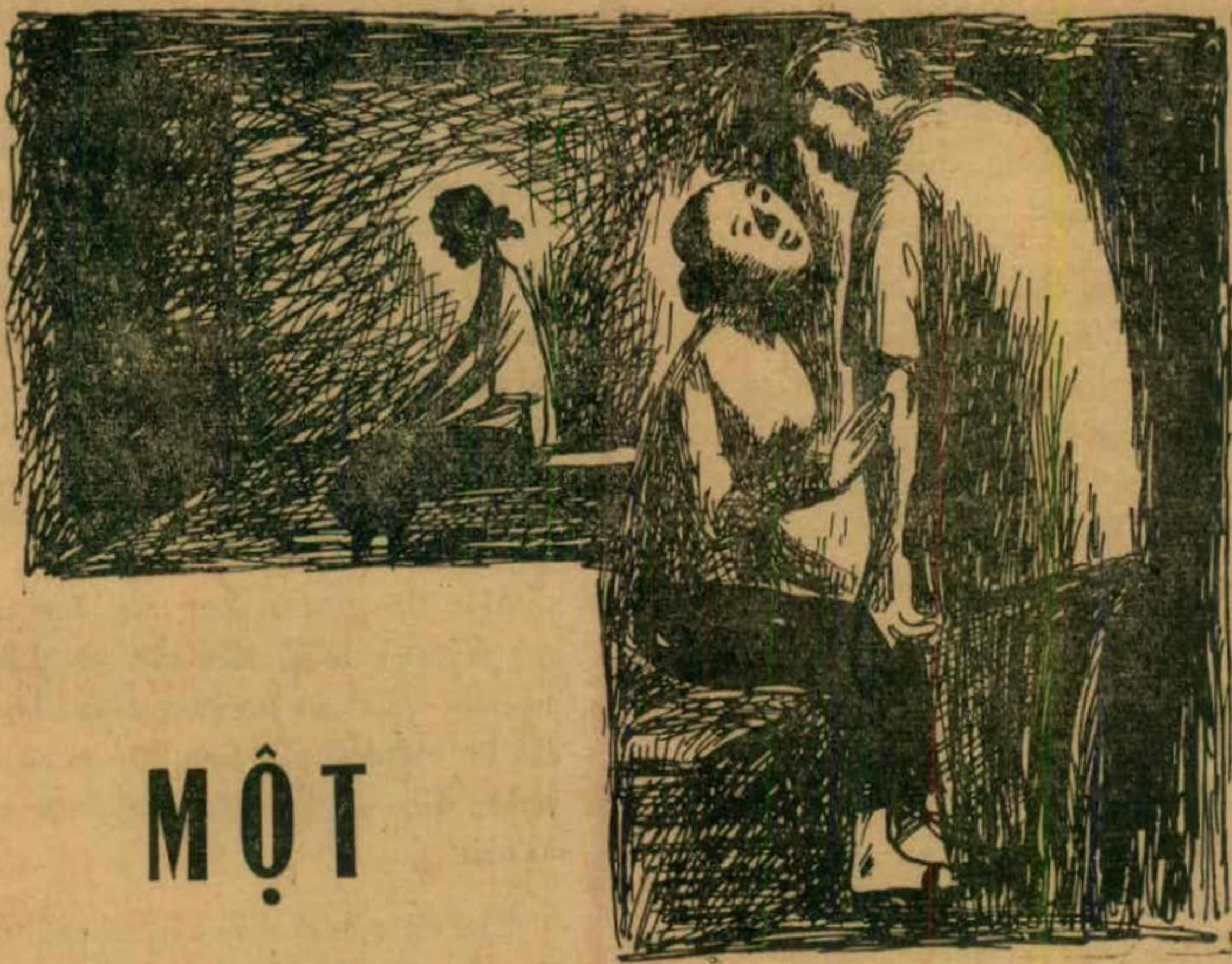
Tòa soạn

BÁCH-KHOA

HỘP THƠ

Ông bà Trương-Đức-Cổ (Qui-nhơn). — Ông Võ-Loát, ông Nguyễn-Phan-Long (Quảng-ngãi). — Bạn Nguyễn-Phúc, bạn Đỗ-Tấn (Huế). — Ông đại đội trưởng đội Cảnh sát an ninh vùng phi quân sự Bến-hải. — Xin đa tạ thịnh tình của quý vị, quý bạn đối với Bách-Khoa, và sự ân cần giúp đỡ đối với riêng tôi trong dịp về miền Trung vừa qua.

N. H. NGƯ



MỘT

NGƯỜI MẸ

MẠC-LY-CHÂU

ĐÔI mắt mẹ bỗng nhiên ráo hoảnh.
Mẹ khóc chán rồi mà lại ! Có đời
ai giận con giận cái mà khóc suốt hai
ngày, hai đêm không ?

Bây giờ mẹ im rồi. Có lẽ cơn giận của
mẹ đã dịu. Có lẽ mẹ đã nhận thấy khóc
lắm cũng không ích gì. Thật thế, hai ngày
rày cái thằng thồ ôn kia nó có nói gì đến
mẹ đâu.

Mẹ khóc. Mặc !

Mẹ giã. Mặc !

Mẹ đe tự tử. Mặc !

Cáu tiết mẹ đào ông bới cha nó lên.
Nó lại càng... « mặc » hơn nữa. Cái bộ mặt
lơ láo của nó đôi lúc lại hơi có vẻ cười
cười như nhạo mẹ. Nó đang nhạo « ông
nó là bố mẹ, cha nó là chồng mẹ tha hồ
đào bới đấy ». Ờ... ờ... ai lại chửi thế
bao giờ. Nhưng làm thế nào cho nó tức,
nó nói lại mẹ, dù chỉ một câu. Phải, chỉ
một câu thôi cũng đủ để mẹ lấy cớ mà
phân vua với hàng xóm láng giềng rằng :
« Nó bênh vợ, chửi lại mẹ nó đấy ». Đàng
này, nó cứ im như thóc ! Con vợ nó trước
kia hay nói cạnh nói khoé mẹ, giờ cũng

im như thằng chồng. Đứa con trai lên bốn của nó mọi khi hay gọi : « Bà qué ơi ! Bà qué ơi ! » giờ chỉ dương đôi mắt trắng dã — hết mắt thằng bố — mà nhìn mẹ. Chúng nó không chịu mẹ, thì mẹ chịu chúng nó vậy.

Bữa cơm chiều nay, mẹ thản nhiên ngồi vào ăn. Và cũng như mọi bữa, mẹ ngồi một bên đầu nồi. Nhưng chẳng đứa nào thèm đưa bát cho mẹ xới. Bố con nhà nó đều cố ý đưa sang bên kia cho « con đi » xới hộ. Mà lạ, chúng nó cũng chẳng mời mẹ nữa chứ ! Hầy, chúng nó vẫn tầy chay mẹ đấy ! Mẹ tức lắm, cái tức trong ngực mẹ cứ nổi thành hòn đưa lên chẹn đứng lấy cổ làm mẹ bị nghẹn xoành xoạch.

Ăn xong, cái thằng thồ ôn kia mặc áo ra đi. Nó cười vuốt má con dĩ : « Em ở nhà, anh đi đàng này một lát nhé ! » Chà, anh với em ! Nó không biết còn có mẹ nó ngồi lù lù ra đây à ?

Nhưng mà mẹ cũng chỉ rửa thềm trong bụng vậy thôi, chứ mẹ có nói ra miệng đâu. Chả là... gào thét hai ngày rày tiếng mẹ đã khản đặc. Ấy hồi chồng mẹ chết, mẹ cũng bị khản đặc như vậy vì khóc nhiều. Thấm thoát đã hai mươi bốn năm qua... Đạo đó, thằng con trai mẹ cũng chỉ độ lên ba lên bốn bằng tầm con nó bây giờ. Chồng chết, còn có một mụn con, mẹ quý như vàng như ngọc, thật là nưng như nưng trứng, húng như húng hoa. Thế mà giờ nó đối xử mẹ ?

Thế mà giờ nó đối xử với mẹ chả ra gì. Cũng có lẽ tại mẹ nuông nó quá, nên nó mới hư đốn vậy. Năm mười bảy tuổi nó đã cuỗm một mẻ hết một số tiền lớn của mẹ, rồi bỏ trốn ra tỉnh. Mẹ tìm biết chỗ ở

của nó, liền nhắn người ra bảo nó về và hứa sẽ không nói gì đến chỗ tiền nó ăn cắp. Nhưng nó không về.

Đến đầu năm 47, sau khi chiến tranh bùng lên ở thủ đô ít lâu, thì bỗng nó lù lù dẫn xác về với bộ quân phục rách rưới. Nó về mấy hôm rồi lại đi ngay. Nhưng lạ thay, từ đấy mẹ bỗng được dân làng gọi một cách kính cần là bà « mẹ chiến sĩ ». Những cuộc diễn kịch, mít tinh nào mẹ cũng được mời ngồi hàng ghế danh dự, ngang với « cụ » Chủ tịch.

Mấy tháng sau, bỗng một đêm tối trời, mẹ thấy nó lù lù dẫn xác về. Lần này, nó mặc quần áo thường, dáng điệu có vẻ lùn lùn vì luôn mấy hôm liền nó nằm trong buồng kín và dặn mẹ không được nói cho ai biết.

Thế rồi một tối, nó bắt mẹ phải thu xếp đi theo nó. Chà còn ruộng nương nhà cửa nữa chứ ! Mẹ tiếc của dùng dằng chưa muốn đi, thì nó giở một gói to vấn đề trong túi ngăm ở nách ra cho mẹ xem : dưới ánh đèn sáng tỏ, không có lẽ mẹ hoa mắt, rất giầy cái đỉnh (1), có tới vài trăm tờ. Mẹ run lên vì sung sướng và dĩ nhiên đi theo nó liền. Nó giao cho mẹ giữ tiền rồi dẫn mẹ đi qua bao nhiêu đường ngang ngõ tắt, tới lúc trời sáng thì vừa đến một khu nhà... có rào giây kẽm chung quanh, giữa có cây cột cao lêu nghêu, trên mắc một lá cờ « tam tài » đã phai sắc. Nó để mẹ đứng đằng xa, rồi đến nói gì với người lính canh không rõ. Một lát, nó giơ tay vẫy mẹ. Hai mẹ con theo một thằng tây đen vào trong tòa nhà đó (sau kể chuyện lại cho người khác nghe, người ta

(1) Giầy một trăm Đông-dương.

bảo mộ đó là đồn biên giới). Mộ vừa đi vừa run, vì đó đây toàn những tây đen là tây đen, mãi đến lúc vào trong nhà mới thấy một thằng tây trắng. Thằng này hỏi gì con mộ chả hiểu, rồi cho một tờ giấy.

Ngày hôm sau, mẹ con mộ được người ta cho cam không chở về Hà-nội. Hai mẹ con xin được ở trong một căn nhà bỏ không cuối phố Huế với hai gia đình cùng về chuyển xe ấy. Được độ tám chín hôm, thằng con mộ bỗng bỏ đi mất sau khi đã đòi lại số tiền mộ giữ. Mộ thành ra bơ vơ... Mộ oán trách nó đã đem mộ đi, rồi lại bỏ mặc mộ giữa nơi đất khách quê người này.

May sao, mấy hôm sau có người mách mộ một việc : làm vú già cho một nhà giàu cùng phố.

Một năm qua đi, mộ vẫn chưa được tin tức gì về thằng con bất hiếu kia. Sự thực, mộ cũng chẳng cần đến nó nữa, vì chính nó, nó cũng có cần mộ đâu ! Nhưng bỗng một hôm, mộ nghe thấy ông chủ nhà, trong khi xem báo, có đọc đến tên nó. Mộ giật mình gạn hỏi, thì ông chủ cho hay ; báo hôm nay đăng tin một ồ Cộng Sản

sa lưới tháng trước, giờ bị đem ra tòa. Ông đọc đoạn báo ấy cho mộ nghe. Mộ nhận đích là con mộ, vì trong đó người ta có kể cả quê quán nó. Người ta còn nhắc cả đến ngày tháng nó về thành đề «hoạt động». Kết quả nó bị ba năm tù.

Nghĩ đi không bằng nghĩ lại dầu sao đi nữa thì nó cũng là con mộ ; nên làm ngơ không đành, mộ phải lấy món tiền công dành dụm một năm trời ra để tiếp tế dần cho nó.

Đến khi mãn hạn tù, nó đến tìm mộ và mời mộ về ở với... gia đình nó. Mãi bây giờ mộ mới biết nó đã lấy vợ và đã có con từ khi chưa vào tù. Con vợ nó, theo như người ta nói, thì là một con nhà thổ đã từng lấy tây đen tây trắng. Khi thằng con mộ bị tù, con

kia lại vào nhà chứa cho đến ngày thằng này được tha. Mộ ghét lắm, nhưng dầu sao đi nữa thì nó cũng đã có con với con mộ rồi. Vả lại, nó cũng ngoan, đối với mộ một điều thừa hai điều gửi nên mộ cũng chả cần đề ý đến nghề



nghiệp trước của nó làm gì. Mụ thành thật thương con thương cháu, nên còn bao nhiêu tiền mụ bỏ ra hết. Nhưng ngờ đâu, chúng nó lại chó má thế ! Đến lúc mụ hết tiền thì chúng nó cũng hết cả tình nghĩa ; từ thằng chồng cho đến con vợ, chẳng đứa nào coi mụ ra gì cả !

Thằng con mụ xoay vốn mở được một quán cơm bình dân nho nhỏ. Vợ nó đứng bán hàng, còn mụ làm bếp. Đầu tắt mắt tối suốt ngày mà vẫn còn bị năng dầu mắng mỏ. Cái cuộc sống nhục nhã mà phải cam chịu ấy của mụ kéo dài hết ngày này sang ngày khác.

Nhưng ít lâu nay, mụ bỗng dở chừng. Mụ đâm buồn « dăm » cái lại... con dâu. Vì thế những cuộc xô xát mới bắt đầu xảy ra. Đã nhiều phen mụ định lấy bao lưng thắt cò mong cho thoát khỏi cái đời bạc bẽo này, nhưng lần nào cũng bị ngáng trở.

Chả hiểu có phải vì sợ mụ chết hay không thằng con mụ đã ra lệnh cho vợ không được nói gì những khi mụ gây sự. Chính sách « tầy chay » đó lại càng làm cho mụ uất thêm. Uất vì nỗi mụ không bày tỏ được cho hàng xóm láng giềng biết cái đau cắng của vợ chồng nó. Vì có kè lè, họ lại gạt đi : «Ồ bà chỉ lắm chuyện, chứ cậu mợ ấy có nói gì đâu ! »

Bữa cơm hôm nay cũng thế, vợ chồng con cái nhà nó đã dăm coi như trong nhà này không có mụ. Thằng chồng vừa

ra đến cửa ; con vợ liền thu hết bát đĩa lại xếp vào rổ. Cái bát mụ đang ăn nó cũng giật phắt. Thực ra mụ mới ăn được có mấy miếng. Tức đến cực điểm, mụ nghiêng răng rít lên. Không ngờ cái uất đưa lên vút tặc ngay lấy cuống họng mụ. Mất mụ tím bầm, mắt mụ trợn trừng... Mụ ngã vật ngay xuống.

Con vợ chạy ra gọi. Thằng chồng mới đi được mấy bước, vội quay lại. Hai vợ chồng vục mụ lên giường. Quái sao mụ vẫn tỉnh, vẫn nhận thấy mọi vật, nhưng muốn cất tay lên cũng không cất nổi, muốn há mồm ra nói thì hàm lại như hàm sắt, khô cứng. Mụ đành chịu, nằm im. Có lẽ mụ chỉ còn sống ở con mắt. Mụ cố mở to mắt để nhìn, nhìn cho kỹ tất cả mọi vật. Hình như mụ linh cảm thấy nếu bây giờ không cố nhìn, chỉ một tí nữa thôi, mụ sẽ chẳng nhìn thấy gì nữa. Đẳng kia thằng cháu mụ cũng đang nhìn mụ chòng chọc. Phía chân giường, con dâu và con trai mụ đang bàn bạc cái gì... Có lẽ chúng bàn đi mua thuốc cho mụ chẳng ? Hay biết mụ sắp chết, chúng bàn đi mua hậu ?Ồ, mụ đã biết mình mụ lắm rồi... Mụ muốn nói : « Thôi các con đừng mua thuốc nữa, đẳng nào mẹ cũng chết. Mà mẹ chết các con cũng đừng mua hậu làm gì cho tốn, các con cũng đang túng mà. Hãy bó mẹ bằng cái là chiếu rách mẹ vẫn nằm kia, thế là đủ rồi ». Thằng con mụ đến bên giường, ngồi xuống cạnh mụ. Mồm nó lắp bắp cái gì... mà sao mụ không nghe thấy. Chao ôi ! Tai mụ điếc đặc rồi !

Nhưng còn con mắt, mẹ vẫn có thể nhìn mồm nó để đoán ra mà... Ở phải, có lẽ nó đang bảo mẹ: « Mẹ ơi, chúng con thương mẹ quá! Nếu mẹ có mệnh hệ nào thì... » Mẹ chưa kịp đoán hết thì mắt mẹ đã mờ dần... Cái bộ mặt thâm sâu của thằng con mẹ vụt hiện ra rất rõ rệt, rồi lại vụt nhòa đi, như chìm lặn trong làn sương dày đặc. Một niềm thương cảm vô biên tràn ngập cõi lòng mẹ. Mẹ rướn người lên. Bỗng nhiên, kỳ lạ thay, cái khối gì ở cổ mẹ như cứng lại và chương to gấp mấy lần. Toàn thân mẹ run lay bầy. Đôi mắt đại dần đi... Nhưng kia, đôi môi vẫn như đang

còn mấp máy... Một tiếng « co... on... ơi... ơi... » khe thoảng như hơi gió đưa lên.



— Thế cũng xong, còng đỡ bạn ».

Thằng chổng chép miệng làm bầm. Con vợ liếc nhìn chổng về mặt làm bộ sịu xuống, nhưng trong ánh mắt tinh ranh của nó như ngầm có ý bảo: « Nhưng... lấy ai... phụ bếp cho! »

MAC-LY-CHAU

★ THỦ lĩnh là biểu tượng lợi ích chung, song như vậy không có nghĩa là thủ lĩnh phải là biểu tượng của ý chí chung. Ý chí chung, do bởi sự đổi thay của cảm tình quần chúng mà thường trở thành một thứ công luận bất nhất, vô thường, nhiều khi trái ngược với lợi ích tối cao của đoàn thể. Sử dụng uy quyền là một công việc cao quý, một dịch vụ trác tuyệt. Đó không phải là công việc làm để thỏa lòng riêng của từng cá nhân, mà là công việc của cả một đoàn thể làm để thực hiện những điều mà sứ mệnh chung đòi hỏi.

Bởi vậy, khi thủ lĩnh có cưỡng lại những ý kiến sai lệch hoặc ép buộc đoàn thể phải hy sinh nặng nề, người ta không thể bảo thủ lĩnh là một kẻ độc tài. Thủ lĩnh chỉ làm phận sự của một công bộc can đảm và trung thành.

Đoàn thể cần tuân theo. Đoàn thể càng dễ tuân theo khi nhận ra thủ lĩnh, mặc dầu cứng rắn, không hề có mấy may ý định làm điều mình muốn, mà chỉ thực hiện điều đoàn thể muốn, điều muốn của một đoàn thể có tổ chức hẳn hoi, chứ không phải của một đám đông ô hợp, xung đột nhau vì ích kỷ.



BÀI THƠ

ĐÔI MẮT

Không gửi một ai

Xao động tựa niềm trai mười tám
Được giai nhân một sớm cầm tay...
Thuyền du ghé bến tình nao sóng
Ai vượt trùng dương mà chẳng say ?

Ngang tàng chí lớn trùm thiên hạ,
Đâu lẽ chìm sâu tận đáy hồ ?
Trở gối vơi canh hoài mộng lạ,
Lệ nhòa song cửa dằng mưa ngó.

« Ngỏ đồng nhất điệp... » thu về đó,
Trắng, sao mùa thu dăng đầu ngõ ;
Hoa mở lòng xuân xin ánh ngân,
Nhìn lên... người thơ lòng băng khuáng.

Người thơ viết bài thơ « Đôi mắt »,
Viết để không hề gửi một ai...
Mưa nguồn chớp bể đêm dăng đặc,
Rồi Hạ, rồi Thu, ấp ủ hoài.

Đầu Hè mậu-tuất

VŨ-HÂN

(Mai sau)



CON BU'ÔNG VÔNG

LAN-ĐÌNH

N G À Y cuối cùng ở *Sàigòn*, Liêm định buổi sáng sẽ đi xem một phim nào thật đặc sắc, buổi trưa ngủ thật đầy giấc, buổi chiều — độ hai giờ hơn — đem hành lý ra gửi ở bến xe rồi quay vào phố gặp Diễm ; đến sáu giờ rưỡi trở lại lên đường cũng còn kịp. Như thế, chàng sẽ được gần Diễm ít nhất là hơn ba giờ. Mười hai tiếng đồng hồ với ngần ấy công việc thì thừa thãi quá. Nhưng Liêm đã tiêu pha ngày hôm nay khác hẳn ý định. Buổi sáng chàng đi tiêm thuốc phòng bệnh thời khí. Thuốc hành dữ dội làm chàng lên cơn sốt li bì mất cả ngủ trưa. Còn buổi chiều thì không hiểu làm sao Diễm không đến gặp chàng.

Lúc trở lại bến xe, Liêm còn đi bộ lững thững hết quãng đường náo nhiệt

nhất của *Sàigòn*. Chàng lại thấy lòng mình buồn cái buồn vui vui gờn gợn. Cái buồn này đã trở nên rất quen thuộc với Liêm, vào những lần chàng — vừa đi chơi với Diễm — trở về một mình trên quãng đường đêm mà bản khoản chưa biết có còn được gặp Diễm lần sau không để nói một tiếng yêu chưa nói được. Liêm nhắc thăm câu thơ diễn tả trọn vẹn cái buồn ấy của mình « Lòng vui như sắp yêu ai, nửa đường đêm vắng chia tay trở về ». Liêm cho rằng, chiều nay chàng không gặp Diễm là một sự an bài của định mệnh : Liêm đã nhất quyết tỏ tình với Diễm, mà Diễm không đến thì chẳng còn dịp nào chàng nhất quyết được nữa. Liêm yêu Diễm, và biết rằng có thể Diễm cũng yêu chàng. Nhưng giữa

hai người có nhiều sự cách biệt quá. Liêm sống thật xa gia đình thân lập thân, không có một sự vướng víu nào. Trong khi Diễm chỉ là một cô học trò. Cuộc đời nàng còn giới hạn bằng đoạn đường từ nhà ra trường, và bé bỏng trong sự săn đón của cha mẹ. Sự cách biệt giữa Liêm và Diễm, như một gã trai giang hồ đi lại ngoài hàng dậu sắt, với một nàng khuê các đứng trong cửa sổ trên lầu nhìn ra. Liêm đã biết trước, chàng và Diễm không thể nào yêu nhau trọn vẹn được. Diễm sẽ phải đi vào con đường tương lai của gia đình nàng vạch sẵn. Liêm thì chả bao giờ có thể là một người quen của gia đình Diễm. Một sự tình cờ rất tầm thường đã xui khiến hai người gặp nhau ở ngoài đời. Tình yêu nhen nhúm dần dà theo đôi ba lần đi chơi ngắn ngủi sau giờ nghỉ việc và tan học. Liêm và Diễm cứ nâng niu cái mối tình mỏng mảnh như một vật quý giá nhưng dễ vỡ, và pháp phòng như một giấc chiêm bao sắp sửa đứt mình. Nên chưa bao giờ Liêm nói rằng yêu Diễm. Không phải Liêm nhút nhát. Nhưng chàng kính trọng cái thơ ngây trong sáng của Diễm và không muốn làm một việc không thể nào, hay chưa thể nào, trọn vẹn. Đến lúc Liêm đã nhất quyết phải nói điều muốn nói ra, thì chàng lại không được gặp Diễm. Nên Liêm mới nghĩ đến sự an bài của định mệnh.

Người tài xế taxi dừng xe lại, chống khuỷu tay lên thành ghế, bàn tay đỡ má, và nhìn Liêm hóm hỉnh. Mãi Liêm mới sực nhớ trả tiền và bước vội xuống đường. Chiều tối xầm lại. Phía Tây đang kéo cơn mưa đứt chân. Liêm lơ đãng ngừng nhìn trời rồi lên ngồi vào chỗ mình trên chiếc xe ca. Chưa có ai ngoài chàng. Liêm

lần túi tìm tấm ảnh của Diễm ra xem lại. Tấm ảnh bán thân, bóc ở quyền học bạ ra, nhỏ bé như một cuộc đời nữ sinh hoa mộng. Những chữ đề tặng «Gửi anh, bóng dáng của một người em» sao mà ngọt ngào ! Đôi lông mày cau cau — vì đèn chói — làm đôi mắt phảng phất sự hờn rồi đáng yêu. Cái cười không định cười chớm hé hàm răng trên nhỏ nhắn và đều đặn mím vào diễm môi dưới như đang suy tư mơ màng. Liêm tần ngần nhớ lại những đường nét yêu kiều của Diễm. Cái nét đi khôn ngoan bằng từng bước bàn chân rón rén đặt nghiêng nghiêng xuống và những ngón chân cong cong lên uyển chuyển nhịp nhàng. Đôi vai run nhẹ theo những bước đi. Hai tay ôm cặp trước ngực. Hay một bàn tay giữ vạt áo và một bàn tay che nón. Đầu nghiêng khi mắt nhìn lên bờ ngõ. Tiếng « thế... » nũng nịu và ngọt ngào — bắt đầu cho những câu chuyện — làm cái cằm xinh xắn — có một tia gân biêng biếc và nhỏ tắp vạt chéo lên má — quai ra đến là dễ yêu...

Một tuần trước, Liêm đã báo tin cho Diễm biết chàng sẽ lên đường đi xa. Diễm xin gặp Liêm vào buổi chiều chàng lên đường. Nên Liêm mới nảy ra một định kiến gần như giao hẹn với mình, nếu chiều nay — vì một cơ gì đó — chàng chưa thể tỏ tình với Diễm được, thì chàng sẽ giữ mãi tình trạng này — tình trạng yêu mà không nói của Liêm và Diễm bây giờ — cho đến mãi mãi về sau. Liêm sẽ dành lòng dùng quãng thời gian sắp tới ở cao nguyên để lấy lại sự thăng bằng cho tâm hồn mình. Có thể, lên đây rồi, Liêm sẽ viết thư về thăm Diễm, kể chuyện cuộc hành

trình này bằng những lời lẽ của người anh nói với người em. Sự đành lòng ấy chắc hẳn sẽ làm Liêm buồn lắm. Thế nào chàng cũng lại tâm sự với Khương.



Liêm mở cái túi xách tay nhỏ, tìm lá thư của Khương, liếc nhanh vào đoạn kết :

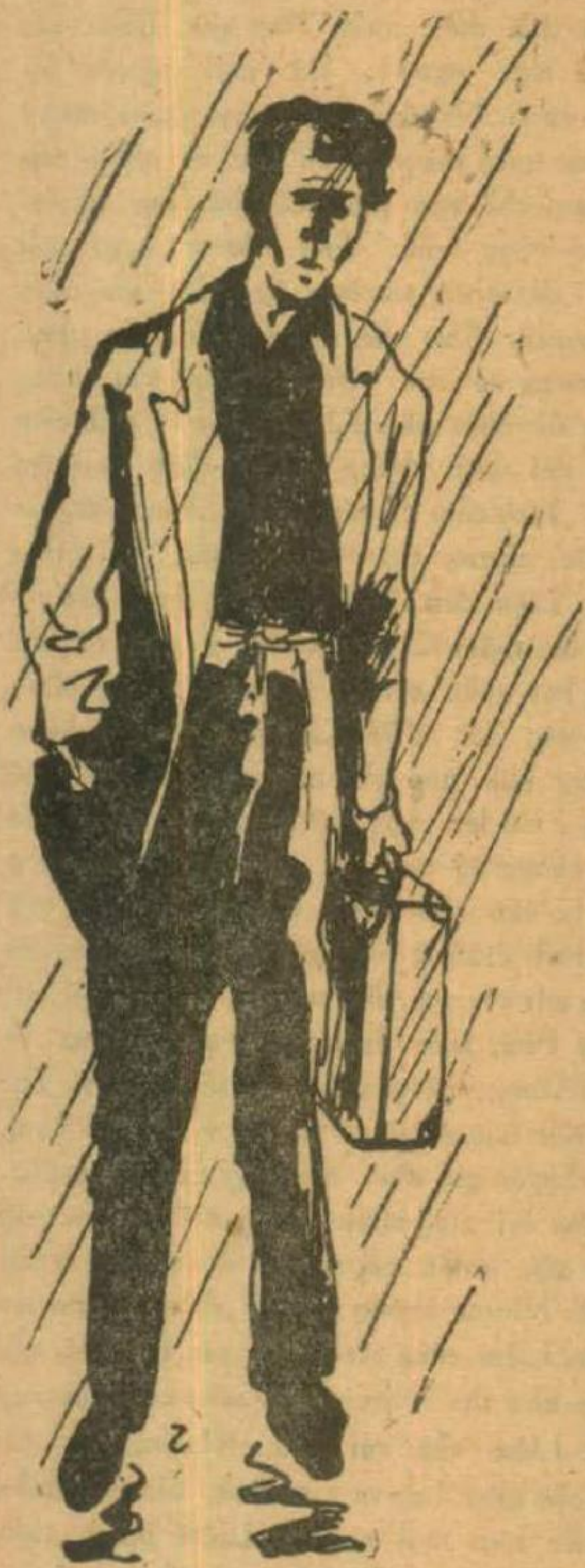
« Được nghỉ lên trên này với vợ chồng mình. Trên này, đối với những người khác thì là nơi chó leo thang, gà ăn đá dấy. Nhưng đối với cậu mình tin rằng sẽ có nhiều hứng thú. Vì nghề nghiệp, cậu cần phải biết nơi này. Nói thế chứ ở đây cũng có cái đẹp của nó, như hai dãy cầu Dakbla và thác Yali chẳng hạn. Có thể, vợ chồng mình sẽ thu xếp đề cùng cậu đi Huế ít lâu.

Bao giờ xe cũng đến bến muộn nhất là 5 giờ chiều. Cậu đi thẳng vào Ty là gặp mình.

Nhớ lên đây mà đòi gió nhé... »

Bất giác, Liêm nhếch cười. Chàng vừa nhớ đến những kỷ niệm vụn vặt giữa mình và Khương. Gia đình Khương rất đông anh em. Người nào cũng ít nói. Đạo Khương còn ở Sài Gòn, những lần Liêm đến chơi, nếu Khương đi vắng, thì những người ở nhà chỉ mỉm cười với Liêm rồi để mặc chàng muốn làm gì thì làm. Liêm có thể ra vào căn nhà ấy tự nhiên như một người trong gia đình. Những người trong nhà — kể cả Liêm — đối với nhau chỉ là những cái bóng thấp

thoáng và âm thầm. Liêm muốn ngủ chỗ nào thì thu dọn lấy, muốn ăn cơm thì dọn u già thối thêm xuất. Bao giờ Liêm đi, chào mọi người, thì mọi người lại mỉm cười... Những cái mỉm cười rất tự nhiên, quen thuộc, hàm xúc và thân mật nhưng chỉ vừa phải có thể. Tuy nhiên, Liêm cũng minh định được ngay cái thái độ khác thường ấy của gia đình Khương. Cho đến bây giờ, gia đình Khương cư xử với Khương vẫn không thay đổi chút nào. Không phải là tình cảm của đôi bên không gần gũi đậm đà thêm lên. Tình cảm cố tăng, có thể là tăng rất nhiều, nhưng thái độ thì vẫn thế. Hôm qua, Liêm đến nhà Khương, định báo tin sắp lên thăm Khương, xem ở nhà có gửi quà hay nhắn tin gì không. Chàng chưa kịp nói, thì thầy Khương đã nói bằng giọng nhắc nhở gần như căn dặn : « Thế nào ? Có lên chơi thì thu xếp ngay đi kẻo vợ chồng nó mong. » Chỉ có thế rồi ông cụ bỏ vào nhà trong. Giọng nói của ông cụ bình thường nhưng thân mật như người cha nói với con. Những lần cụ nói gì với anh Phú, anh Hạnh, Khương, Biên và chú Dung, cũng chỉ là cái giọng này. Thì ra việc Liêm sắp đi thăm Khương cũng là chuyện gia đình Khương cần biết đến. Liêm lại càng nhận thấy gia đình Khương đã mặc nhiên coi chàng là người trong nhà. Nhưng không ai nói điều ấy ra bao giờ. Liêm cũng rất thích cái lối sống nội tâm như thế. Nhưng dù sao, có Khương thì Liêm vẫn vui hơn. Khương là cái ngoặc giữa bạn và gia đình, nên đã hiểu Liêm hơn mọi người. Liêm nhận thấy nhiều khi Khương lại tỏ ra săn sóc chàng như săn sóc một đứa em. Dù rằng chưa bao giờ nghĩ đến chuyện coi nhau là anh



em. Khương hơn Liêm đến bốn, năm tuổi, từng trải hơn Liêm ở chỗ trưởng thành rồi mới lăn lộn với kháng chiến, và những chuyến tải hàng rất xuôi lọt qua biên giới Hoa-Việt. Nghĩa là Khương đã sống trước và nhiều hơn Liêm. Nên hai người cứ mặc nhiên cắt đặt thứ bậc cho nhau trong cách xưng hô. Liêm gọi Khương bằng anh, anh bạn. Khương dùng tiếng « cậu » để gọi Liêm, và xưng « mình ». Hai người đối với nhau thân thiết như tình ruột thịt. Đạo Khương chưa lập gia đình, những lần hẹn Liêm đi chơi, đôi bạn đón nhau như đôi tình nhân đón nhau. Đạo ấy, Khương cũng đã yêu Hằng rồi. Lần nào Hằng được phép gia đình cho đi chơi với Khương — dù xa hay gần — là thế nào — phần nhiều — cũng có Liêm cùng đi: Liêm đi chơi với hai người, không trở thành trợ trớn hay vương vịu, sự kiện ấy đã chứng thực sự chân thành giữa ba người. Khương và Hằng mới thành hôn trong vòng hai năm nay, vào một dịp cuối năm. Mong một tết năm ấy, Liêm đến thăm nhà mới của họ, vào lúc họ đang sửa soạn đi mừng tuổi một lượt từ bên nội sang bên ngoại, đến chiều mới về được. Hai vợ chồng sắp sẵn cho Liêm đủ những đồ ăn thức uống, có cả đèn cầy và bếp điện để thổi cơm và pha cà phê. Nhưng Liêm lại làm biếng, đi ăn phở bữa trưa hôm ấy. Chiều, vợ chồng Khương về, cười rú ra. Những lần cuối năm sau này, khi nhắc Liêm về ăn tết, Hằng lại vừa cười vừa nói : « Anh Liêm nhớ về đây nhé. Không phải ăn tết với phở nữa đâu mà sợ » Liêm nghĩ đến Hằng, người nữ sinh áo lam, bây giờ đã có

chồng có con rồi mà vẫn trẻ đại như hồi nào còn cặp sách. Tết vừa rồi, vợ chồng Khương ở Cao-nguyên về Sài-gòn với gia đình; lúc Khương kể chuyện đường rừng với Liêm: Những cô gái Thượng góa chồng, thường không biết tính thời gian phải để tang chồng lâu mau thế nào; chỉ chờ bao giờ cỏ lên xanh mộ chồng là tái giá — Hằng cười khúc khích: « Thế... ngộ nhỉ gặp mùa mưa, cỏ chóng tốt, thì chỉ trong vòng nửa tháng, các cô ấy đã tái giá được rồi à? » Khương và Liêm lại được một trận cười sặc sụa. Hằng cũng rất tin cần Liêm, những lần vợ chồng nàng giận nhau — sự giận nhau rất vô lý của những người quá yêu nhau — nàng lại kể lể và phân trần với Liêm không thiếu sót một chi tiết nào. Liêm lại làm cái việc xử hòa cho Khương và Hằng. Chiều mai Liêm đến nơi, chắc Khương và Hằng phải mừng lắm.

Liêm nghĩ đến chuyến đi sẽ mất trọn một ngày và một đêm, hơn tám trăm cây số đường rừng và giốc núi. Chàng thấy hãnh diện không đâu.

Mưa day dứt cả buổi chiều. Hành khách đã lác đác lên xe. Người Liêm vẫn còn sốt gầy gầy, độ chừng gần ba mươi tám độ. Con sốt sáng ngày còn rút lại chỉ nhẹ nhẹ như mơn-man da thịt làm Liêm ngáy ngất và bàng hoàng gần như mê.

Xe khởi hành vào lúc bảy giờ chiều. Ngoài cửa kính mưa đơm pháo bông xuống thành phố trời nổi lên đên đên trong ánh đèn xanh đỏ lao xao.

Liêm ngồi giữa. Một bên là người tài xế. Một bên là hai anh em, cô

bé độ chừng mười sáu tuổi, và người thanh niên dần dỗi. Tự nhiên Liêm cứ quyết đoán rằng hai người ấy phải là hai anh em. chứ không phải là vợ chồng hay tình nhân. Liêm cho mình có lý. Cái thơ đại của cô bé chênh lệch với cái già dặn của người thanh niên quá. Cô bé có cái cặp da, cặp tóc, mặc áo dài màu gụ, quần đen, và đi xăng đan trắng. Liêm chưa có dịp được nhìn kỹ nàng, nhưng cũng biết chắc rằng, nếu nàng không đẹp thì cũng không xấu, và nhất định phải ngoan ngoãn đáng yêu. Người thanh niên ngồi mé ngoài, có vẻ là một tay buôn xuôi bán ngược. Anh ta độ chừng trên dưới ba mươi tuổi để tóc ngắn, quàng cổ bằng chiếc khăn mặt bông, mặc áo sơ-mi trắng cũ với quần ka-ki, và đi giầy vải. Người thanh niên ấy ngồi im lặng như đang tính toán sự lãi lời, cánh tay trái đặt xuôi trên thành ghế. Cô bé ngả đầu vào vai anh ta, ngừng mặt lên, nói chuyện thì thầm. Anh ta chỉ gật gù, lâu lắm mới hơi mỉm cười. Liêm nghiệm ra, cử chỉ ôm ấp của người thanh niên đối với cô bé, tuy có vẻ gần gũi thật, nhưng còn tỏ ra chừng mực chỉ là sự che chở của người anh cả. Và sự nương tựa của cô bé đối với người thanh niên, tuy có vẻ âu yếm lắm nhưng chỉ là cái nũng nịu của người em bé. Liêm càng tin chắc họ phải là hai anh em. Chàng lại nảy ra một ý nghĩ khôi hài, nếu hai người không là hai anh em, thì đời nào cô bé lại... được ngồi bên cạnh chàng! Liêm còn đoán lặn thềm rằng họ mồ côi. Người anh xốc vác buôn xuôi bán ngược để nuôi em gái theo học ở thủ đô. Chiều nay, nhân



tiện đi cắt hàng, anh đón em về nghỉ hè ở một trại định cư nào đó trên cao nguyên. Liêm cũng biết đoán như thế là vô lý. Nhưng chàng vẫn tin là mình đã đoán đúng.

Xe rẽ vào một ngã đường quẹo. Ngoài này không có đèn đường. Trời tối mênh mông. Gió từ hai bên bãi hoang lùa vào xe rờ rợn. Cô bé đã ngồi lại ngay ngắn. Một vài sợi tóc của nàng bay quệt vào má Liêm buồn buồn. Qua một chiếc cầu sắt ngắn và hẹp, đường đi bắt đầu vắng vẻ. Xe đòi tốc lực chạy vù vù. Tóc của cô bé bay quệt vào má Liêm không buồn buồn nữa, mà lại hóa ra ran rát. Ở người con gái thoảng ra thứ hương vị gì man mác của tóc, da thịt và quần áo. Thứ hương vị tinh khiết và tự nhiên — không phải là mùi thơm của xà phòng hay nước hoa — của phần nhiều những người đàn bà. Liêm nghĩ đến quãng thời gian ở hậu phương, trong những chuyến đi dọc đường về đêm; chàng thường gặp cái mùi thơm tự nhiên này ở những người con gái nửa tỉnh nửa quê, những người con gái tản cư, đơn giản nhưng sạch sẽ. Cô bé vừa quay sang nói gì với anh. Liêm nghe không rõ, chỉ thấy giọng nàng ồm ồm. Cái giọng nói có tính cách địa phương của những người ở miền quê

Nam-Định vùng đồng chua nước mặn, — đáng lẽ thì quê mùa, khó nghe lắm — đã pha âm điệu của nhiều nơi và thị thành nên lại có vẻ nũng nịu và êm ái.

Mưa tạnh từ bao giờ không biết. Xe vừa đến địa đầu một châu thành. Giữa một vùng mái ngói đen xám lơ lơ, vươn lên ngọn tháp Tin Lành bốn mái, kết đèn màu trên những đường góc, lộng lẫy như cái mũ miện đỉnh nhiều châu ngọc của các vua chúa thời xưa. Liêm liên tưởng đến một đêm ở bãi biển. Biển lặng. Một chiếc tàu đậu xa tít ngoài khơi, chỉ còn trông thấy những ngọn đèn chơi vơi giữa sương mù, hắt hieu như những ngọn nến cháy leo lét trên bãi tha ma ban đêm. Dãy đèn đường cách khoảng nhau thật đều, viền theo chân quả núi sát bờ biển, đẹp thơ mộng như cái mào rực rỡ viền quanh mái tóc lòa xòa của người con gái cò Ai-Cập.

Một vài ánh đèn dầu của nhà ai le lói qua những kẽ hở của bờ tre dọc đường. Liêm nghĩ đến những ánh mắt thao thức của lo âu và đợi chờ. Đường đi đã vào sâu trong rừng. Một chiếc xe vận tải cũ chết máy, không biết từ bao giờ, nằm im lìm trông về xuôi. Người tài xế già và anh phụ việc trẻ — già và trẻ như hai cha con — đang ngủ gà ngủ gật bên

đồng lửa nhỏ cháy thoi thóp ở mé rừng. Cảnh của họ cũng buồn nản và gượng gạo như những người gác cửa đêm đêm ngồi bó gối co ro dưới mái hiên ánh đèn vàng vọt ở một công thự ven đại lộ đô thành.

Liêm nhìn lại phía sau. Mọi người đang ngủ ngồi ngật nghẹo. Cô bé bên cạnh chàng cũng đã ngủ rất say. Nàng ngồi nghiêng về phía Liêm, thu hai chân lên ghế khép hai bàn tay chắp lại, dựa đầu vào vai Liêm. Như thế tự bao giờ không biết Liêm cúi nhìn vào mặt cô bé. Nàng ngủ thờ dại và ngoan ngoãn như cô Tiên Bạch-Tuyết ngủ giấc trăm năm trong túp lều của bảy thằng lùn ở giữa rừng có chim ca và hoa nở bốn mùa. Liêm không muốn làm chàng Hoàng Tử đi sẵn qua đây vào đánh thức người Tiên dậy. Chàng chỉ muốn làm người anh che chở người em. Liêm mỉm cười băng quơ, ngừng nhìn về đằng trước. Một con gù rất nhỏ như con thiêu thân vừa lạng mình vào ánh đèn pha thoáng nhanh như một ánh sao dời ngôi.

Đường giốc ngược mãi lên. Một chấm đèn của chiếc pha nào đó ở quãng đường quẹo trên giốc, cao vời vời như một ngọn hải đăng. Xe xuống giốc băng băng. Người Liêm băng đi trong niềm mê rờn rợn như cái cảm giác của một cậu bé đang nằm trên vồng đu nhanh. Người tài xế lại với lấy cái khăn mặt ước xúng nước vĩa lên mặt cho tỉnh ngủ. Cái chòi lá của một trạm kiểm soát chơ vơ và lăm lẹ dưới trời khuya bên ngã ba đường rừng heo hút. Người lính co ro trong bộ quần áo giả, khoác súng đi lại âm thầm bên thành cầu sắt. Liêm chợt nhận thấy cuộc

hành trình sao mà dài đặc, gian lao. Hai bên đường là những lòng vực sâu hun hút và những cánh rừng tối thăm thẳm. Tự nhiên Liêm thấy sờ sờ như ngày nào chàng còn bé ngồi nghe chuyện ma giữa những người lớn. Cái sờ sờ rất thú vị. Chàng nhắm mắt lại, dựa đầu vào thành ghế, tâm hồn chìm thiếp trong những hình ảnh bộn bề.

Bốn giờ sáng. Sương đặc như khói. Trời lạnh hiu hiu. Người tài xế vừa cho xe vào bến, đã vội vàng ôm chần gối đi tìm chỗ ngủ bù. Người ta đang lục tục lên xuống. Liêm làm biếng nên cứ ngồi khoanh tay trên xe. Hai anh em cô bé ấy vừa giắt nhau vào một quán hàng. Người anh lại trở ra mặc cả giá xe ba bánh chở hàng vào phố. Cô em đứng lặng lẽ dưới mái lá, một tay xách cặp, một tay quăn lại trong vạt áo dài. Chợt nàng nhìn về phía Liêm. Bất giác, Liêm mỉm cười. Hình như cô bé cũng vừa mỉm cười. Liêm nghĩ lẫn thần, nếu sau này một vài tháng hay một vài năm, chàng và cô bé ấy gặp lại nhau, còn nhớ nhau và cùng chào hỏi thì thật là chuyện dò nên quen.

Đêm qua, trong khi Liêm ngủ quên đi, chắc trời mưa to lắm. Khu bến chật chội ngập ngựa bùn lầy. Những tiếng chân lê xền xệt, lép lép. Để giầy ai cũng bết bùn. Những người phu bến đang hì hục dỡ hàng trên mui xe xuống. Một người đàn bà già đến ngoài năm mươi tuổi, gầy đét, búi tóc ngược, mặc áo cánh đen quần sắn cạp cao lên đến đầu gối, đứng chống nẹ trước mui xe. Bà ta đang cất đặt công việc cho các anh phu bến, y như một bà mẹ chồng

cay nghiệt. Cái miệng chai chỉ và giọng nói léo nhéo làm hàm răng vô đồ quạch cứ nghiền nghiền thật là danh ác. Các anh phu bến bị mắng mỏ luôn luôn, bằng những lời lẽ chua chát, cay độc ; thế mà vẫn nhịn nhục, nhịn nhục đến độ thản nhiên. Liêm đoán, có lẽ người đàn bà đó thuộc vào hạng anh chị ở cái bến xe miền rừng này. Buổi sáng trên bến xe thật là đủ hết những điều ong tiếng ve. Các bà, các chị hàng rau, hàng cá đua nhau mà thôi thúc nhà xe phải giở hàng ngay cho mình để bán kịp phiên chợ buổi sáng, kéo rau úa, cá ươn. Tiếng gọi chu chéo, réo róc. Những lời bóng gió, xỏ xiên, dằn vặt. Những câu rủa độc địa, sâu cay. Rồi thì chửi nhau thật là chua ngoa, tục tằn. Inh ỏi cả lên.

Cuộc hành trình của Liêm, đến đây mới được nửa đường. Phần đông người ta, tới đích rồi, đã tản mác đi đâu hết. Cả hai anh em cô bé ấy cũng đi khỏi tự lúc nào. Chuyến đi tiếp sẽ sang xe và đòi tài xế. Tự nhiên Liêm băn khoăn không hiểu dọc đường sắp tới sẽ vui buồn ra sao.

Mặt trời đã nhô lên một nửa sau nóc rừng phía xa. Bảy giờ sáng xe mới khởi hành. Liêm lặng lẽ xuống xe, vào quán cà phê xin nước xúc miệng và rửa mặt. Buổi sáng hay buổi chiều, ở một trạm dừng tha phương như thế này, Liêm có cái thú ngồi nhắm nháp một tách cà phê đen thật nóng腾腾 mà nghĩ ngợi xa, gần cho tâm hồn băng khuâng vui buồn lẫn lộn. Có đôi ba người đàn bà lái buôn, dáng dấp thật là gieo neo, mặc áo bông chần con cò và đội khăn cát côn. Liêm nhớ đến những vụ rét ở quê hương. Có đến bốn năm năm rồi, chàng chưa tìm lại được cái ấm ngày

ngày người trong làn áo rét. Cô hàng cà phê cặp tóc, mặc áo len cò chui màu tím than ngoài áo cánh trắng tay thụng ; có cái nết đi thoăn thoắt nghiêng nghiêng bàn chân, hàm răng trên hơi vô mím xuống môi dưới như lúc nào cũng chỉ định cười. Nàng bưng tách cà phê đến chỗ Liêm, chưa kịp đặt xuống bàn, trong khi Liêm với tay lấy bình đường ; hai bàn tay của hai người làm trở ngại nhau, tránh nhau lúng túng như hai kẻ đi ngược chiều trên con đường hẹp mà cùng tránh qua tránh lại nhiều lần về một phía. Cuối cùng, hai bàn tay chạm vào nhau. Liêm thản nhiên ngược nhìn cô hàng. Nàng hơi nhích mép hít hà một tiếng dài để khỏi bật cười, làm hai má thoáng hiện hai núm đồng tiền. Cô hàng rất có duyên trong khi môi trên thoáng khấp vào môi dưới để làm cái mím miệng của những người vô răng. Liêm cúi xuống nguẩy cà phê. Cô hàng quay đi. Liêm ngừng lên nhìn theo, thấy hai má nàng phính ra trước cặp tóc. Chắc là bây giờ nàng mới được cười thoải mái. Giá mà, vừa rồi, nếu Liêm không nghiêm nghị quá, thì nàng có cười xong rồi không. Chợt cô hàng quay lại. Liêm cúi xuống rồi lại ngừng lên. Nàng đang gục đầu vào hai tay khoanh trên quầy hàng, cười rung cả hai vai. Liêm ngạc nhiên, tự hỏi, hay là mình có vẻ gì ngộ nghĩnh chẳng ; chứ sự xảy ra tầm thường vừa rồi sao lại làm cô hàng thích chí quá quắt như vậy ? Một lúc lâu, nàng lại ngừng lên, thấy Liêm đang nhìn mình, nàng lại vội vàng quay đi với cái mím môi duyên dáng của người vô răng. Liêm cười thầm, như thế là sáng nay, trong quán

hàng nhỏ bé này, trên khu bến khuất nẻo này, chàng đã lưu lại một chút kỷ niệm hay hay.

Xe thét còi gọi khách. Liêm đặt cái tách lên tờ giấy bạc để trên bàn, rồi lặng lẽ ra xe. Bầy giờ đúng. Xe khởi hành chạy một vòng vào phố. Cái tỉnh lỵ nhỏ bé của miền đất đỏ chỉ có những dãy nhà gạch làm giống kiểu nhau — hai mái, một tầng thấp lè tè — như một chốn phố phường văn minh cái văn minh cách đây hàng mấy thế kỷ. Xe buột ra con đường vô gác mắt hút vào rừng. Liêm nhìn chăm chú vào một cỗ xe ngựa chạy bằng bánh xe hơi, ngất ngưỡng và lêu nghêu như cái kiệu. Chàng cho rằng cỗ xe ấy cũng là một hình ảnh đặc biệt của địa phương này. Một khu xóm lá định cư chụm lại trên khoảnh đất trống giữa ba cánh rừng. Liêm nghĩ đến một đoạn phim ngoại quốc, có những mái đầu trẻ thơ tóc vàng óng chuốt, xúm xít vào một trò chơi. Mấy luống đất nâu xám, vừa vun xong, nằm cù mì trên sườn thung lũng, trông ngon như những thỏi kẹo xúc cù là. Trời nắng to. Xe đi lắc lư, lăm lúi trên đường long lở. Liêm có cảm tưởng mình đang lảng vào bang khuâng của rừng, của núi, của mây. Những cánh rừng không tên ánh lên màu xanh nhức mắt. Vô số những chùm hoa lít nhít phơn phớt hồng. Tự nhiên Liêm nhớ đến những mùa Xuân ở quê hương nở đầy hoa mạn. Một quang đường nhựa giốc lên giốc xuống nhịp nhàng như tờ chạy triển miên trên guồng dẹt. Mây lên san hô ngồn ngang đầy trời. Xa xa, núi mươn mướt sau nóc rừng ; như người

con gái Cao Bằng thơ ngây, mặc quần áo chàm, nằm sấp trên thảm cỏ xanh rờn mà ngủ trưa thật là dễ dãi và hồn nhiên. Có một chiếc xe đang c dề xuống giốc như con cánh cam bò trên sợi chỉ đông đưa. Quang đường đỏ tươi vắt ngang lên sườn đồi giống hệt quả đu đủ vừa gọt một lát dao. Xe đi bang khuâng giữa hai bờ thung lũng bao la cỏ mọc lưa thưa. Liêm thấy tâm hồn mát rượi và có cảm tưởng mình đang đi giữa hai lá phôi bát ngát và tươi lành. Chàng hơi dụt mình, liếc vội sang hai bên, vì sợ rằng mình vừa đang trí nói ra một câu gì vô nghĩa...



Hai người vừa ở làng Kơ-pong ra, khoác tay nhau, đi thủng thỉnh trên lối mòn cát trắng lên đường cái. Buổi chiều còn vương lại những vũng nắng ở khắp mé rừng, như những vết cọ nhám nhỏ và thô bạo trên một bức tranh sơn còn vẽ dở dang. Khương quay sang Liêm, cười âu yếm :

— Say rồi phải không ?

Liêm cũng nhếch cười, rồi khẽ gật đầu :

— Hình như thế. Choáng váng quá. Bây giờ mới biết mùi rượu ghê !

Đằng sau hai người, cái nóc rừng nhô lên khỏi đám nhà sàn, trông xa như cái hom úp xuống. Đám hội trong làng chưa tan. Những tiếng cồng thưa nhạt còn văng vẳng, âm ba rền rĩ như những tiếng dội trong hang núi. Bao nhiêu hình ảnh đặc biệt của một cuộc vui miền Thượng lại xôn xao lên trong tâm trí Liêm. Chàng nghĩ đến gã thanh niên như một pho tượng đồng hun, tóc

dài chấm vai vuốt ngược ra sau gáy, ngậm dọc tàu, mặc áo đen viền đỏ và đóng khố, ngồi rải thây với cây đàn « thiengning » như cái diều cày, gãi mười đầu ngón tay lên những dây la trùng làm vang ra từng chuỗi âm thanh lau lách. Và những cô gái đi chân không, mặc váy ; nắm hờ tay nhau làm thành một vòng tròn, tiến dần vào và lùi dần ra bằng từng bước bàn chân mim mím lán lán trên đất. Liêm nhìn sang Khương, định nói gì nhưng lại thôi. Chàng chợt để ý đến sự khác thường ở Khương. Cái mũ lưới chai có chiều mũi xanh và trắng hất ngược trên mái tóc rối bù. Cái áo sơ-mi tay ngắn, màu mận, ướt đẫm mồ hôi hai bên vai. Gấu quần gấp lên để hở tất và giày bột bụi. Liêm nghiêng đầu, nhìn vào mặt Khương :

— Khương à !

— Hử ?

— Trông anh... vất vả như một gã phong trần !

Khương lẳng lẳng ngậm lại Liêm, nhìn rất lâu vào cái áo trắng với tay gấp cài cúc :

— Ủ ! Còn cậu thì lúc nào cũng chứng chặc như cái bản tính trầm mặc của cậu.

Hai người cùng nhếch cười. Khương xoắn cái quai da, vắt cái máy ảnh về sau lưng, nói giọng tiếc rẻ :

— Hoài của ! Con bé ấy xinh quá, mà không chụp cho Liêm được một kiểu.

Liêm không nói gì. Khương tiếp :

— Những nàng Thuợng, phần nhiều rất xấu. Nhưng cô nào đã đẹp thì đẹp phải biết ! Như con bé vừa rồi chẳng hạn. Như thế là đủ điều kiện làm vợ hiền được rồi. Xinh. Siêng năng. Ngoan. Hiền. Và nhất là không hay ốm đau vặt... Còn đòi gì nữa ?

Liên hóm hỉnh :

— Sao lại so sánh vợ vắn thế ? Thử hỏi người con gái ấy có tình khôn được bằng các em nữ sinh ở đô thành không ?

Khương chặc lưỡi :

— Cái đó không đáng kể ! Và lại, được cái này, mất cái kia, là thường chứ ?

Đôi bạn đã lên tới mặt đường cái. Nắng tắt từ bao giờ. Buổi chiều lìm lìm như một sự xê dịch mơ hồ. Dãy núi đá quây tròn chung quanh, nhẵn nhéo như cái vành khăn nhiễu. Sương khói giăng mắc la đà trên những nóc rừng giốc mái. Trời thấp và nặng xuống. Gió lồng lộng. Khương lay nhẹ Liêm :

— Lúc đi, mình đã dặn Hằng dừng thời cơm hai đứa. Bây giờ chúng mình cứ việc đi chơi. Làm một vòng quanh tỉnh nhé ?

Liêm thốt một tiếng nhẹ nhàng gần như thỏ thẻ :

— Vâng.

Hai người đi tiếp lên con đường giốc thoải thoải. Đàng xa, những cây phượng sai hoa đang rung rinh tựa một bầy gà tây. Một nhịp cười ròn tan như thủy tinh vỡ, ở bờ sông Dakbla dưới thấp vọng lên.

Liêm nhìn nhanh xuống và giữ Khương đứng lại. Mấy cô gái Thượng, cỡi trần, ngực căng lồ-lộ, đang lội dưới sông, té nước lên người nhau, cười rũ rượi. Liêm đứng ngây ra. Khương nói như nói một mình :

— Bây giờ đã khá đấy, chứ trước kia, các nàng còn tắm trường kia !

Liêm không quay lại, nhưng hỏi bằng giọng xa xôi :

— Có bao giờ, anh ngắm một bức tranh người con gái lóa thề, mà lòng vẫn bình tĩnh, không thấy sự thèm muốn của xác thịt ?

Khương gật đầu thật nhanh :

— Có chứ ? Vào những lúc, mình chỉ nhận biết cái đẹp của nghệ thuật, hay cái công trình sáng tạo vẹn tuyền, bất hủ của ... người !

Liêm nhìn Khương âu yếm :

— Sao mà chúng mình đáng yêu thế ?

Hai người lại khoác tay nhau, đi tiếp. Ban đêm, tỉnh lý Kontum ở trong kia bé gọn lại, ánh đèn măng xông sáng trắng, như cảnh một rạp hát chèo ở nhà quê. Đôi bạn rẽ vào con đường cát sỏi lượn giữa hai dãy nhà lá tranh tối tranh sáng. Đột nhiên, Khương hỏi :

— Cậu định bao giờ thì in sách ?

Liêm lơ đãng :

— Còn đang chạy tiền. Nhất thì trong mấy tháng hè này. Không có đề đến dịp tựu trường cũng được.

Khương lặng yên như còn chăm chú nghe. Liêm tiếp :

BÁCH KHOA XXXVIII

— Vào những dịp ấy, người ta hay sấm sủa.

Khương huých cái máy ảnh vào ống chân Liêm, đề tỏ thái độ quyết định :

— Mình sẽ góp với cậu vài nghìn.

Liêm vẫn lơ đãng :

— Có gì trở ngại không ?

Khương hỏi lại hơi to :

— Không ! Trở ngại gì ?

Tự nhiên, Liêm cảm thấy hai chân mình đang găng gượng. Chàng nhìn trở lại. Con đường cắt cao hẳn lên tự bao giờ, và đang chúc xuống.

— Về nhé ?

— Về.

Hai người vừa đến một ngã tư, đã thấy Hằng đang bế Mila, đứng ở cửa. Ánh đèn măng xông sáng trắng trong nhà phản chiếu lên một bên má hai mẹ con hồng tươi. Liêm thích khụy tay vào cạnh sườn Khương :

— Chị hay mặc kimono sặc sỡ, thảo nào mà ít nhiều kẻ ở đây cứ tưởng nhầm chị là người Tàu.

Khương giữ Liêm đứng lại :

— Nhưng, cậu nhận xét xem thế nào. Hằng còn có những điểm khác, Tàu hơn.

Liêm chợt đề ý đến mái tóc uốn của Hằng, có một món xén bằng bàn chờm xuống nửa chừng vầng trán. Đôi mắt thật dài. Khuôn mặt tròn. Chàng gật gù :

— Món tóc ở trán. Đôi mắt dài. Khuôn mặt tròn...

Khương dịu Liêm cùng đi :

— Ừ, đấy ?

Hằng cũng vừa trông thấy chồng và Liêm. Nàng cầm một tay con chỉ về phía hai người, nói gì trong nụ cười. Liêm bước nhanh lên trước, để tránh Khương, bế Mila :

— Chị ! Cho Liêm bế cháu tí nào.

Hằng nghiêng mặt vào con, một bàn tay giơ lên, xòe ra :

— Con ra chú nhé ?

Mila toét miệng cười, xà ra theo Liêm. Liêm ghì Mila vào ngực áp má mình vào má Mila. Chàng chợt biết Mila vừa tắm xong, vì làn da mát rượi và thơm ngát mùi nước hoa. Mila dụi trán phấn vào má Liêm, hai bàn tay tí xiu bơi bơi sau vai Liêm. Liêm bật cười :

— Con gái nuôi của chú làm gì thế này ?

Hằng khoanh tay trước ngực, nhìn hai chú cháu, vừa cười vừa nói :

— Rôm dốt cô ấy đấy.

Khương đã đến nơi. Mila nhào ra theo bố. Liêm vội vàng quay Mila sang phía khác :

— À, chú gọi bò cho Mila nhé ?

Mila chấp hai bàn tay mũm mĩm trước ngực, đôi mắt đen láy tròn xoe lên :

— Bờo !

Ba người lớn cùng bật cười. Hằng nói sau cái chép miệng hồn nhiên :

— Lên ở trên này, thành ra cháu gái của chú chỉ biết gọi bò thôi !

Khương phác một cử chỉ :

— Ở đây là xứ bò mà lý ! Có người đã ví Kontum với một thành phố cổ Ai - Cập, bò đi lẫn lộn với người, khắp nơi.

Liêm vừa gãi nhẹ nhẹ lên trán Mila, vừa nói :

— Nhưng bây giờ có vẻ trật tự rồi đấy chứ ? Riêng

tôi, tôi lại cho rằng Kontum có vẻ một khu phố ở hậu phương, hồi còn đánh nhau. Thứ nhất là ban đêm, đứng ở ngoài xa nhìn vào Kontum trong ánh đèn măng-xông, y như đứng ở làng Kẹo nhìn về Chợ Đại.

Khương nhìn vợ âu yếm :

— Có lý.



Hằng mới chợt nhớ ra điều gì, nói như reo :

— A, Nàng Thơ của anh Liêm ở vùng xuôi vừa gửi thư lên đây !

Liêm đang nói nựng Mila, quay lại :

— Thế à chị ? Ai đấy ?

Hằng bước nhanh vào nhà, có lẽ để lấy thư. Khương đưa máy ảnh cho Liêm :

— Đưa mình bế cháu cho. Cất cái này đi, rồi đọc thư xem em nói gì, buồn hay vui.

Liêm mỉm cười. Chàng vừa định vào nhà, thì đã gặp Hằng trở ra, đưa một phong thư thật dày. Thư của Diễm. Khương, một tay bế Mila một tay kéo Hằng đi :

— Giờ phút... nghiêm trọng ! Chúng mình nên đi chỗ khác thì hơn.

Hai vợ chồng có vẻ đặc ý, cười khúc khích với nhau. Liêm lẳng lặng ngồi xuống chiếc giường thấp dành riêng cho chàng hàng nửa tháng nay, nhìn lơ đãng khắp nhà. Liêm cứ ngồi như thế mãi.

Chàng muốn, trước khi đọc thư Diễm, hãy ổn định lòng mình ít lâu nay đã có một tâm lý hơi khác trong những ngày ở cao nguyên với vợ chồng Khương. Liêm chợt có ý nghĩ là mình đã ở đây lâu hàng mấy năm. Cái gì cũng đã trở nên quen thuộc, quen thuộc đến tầm thường đối với chàng. Liêm có thể nhắm mắt, mà cũng biết được vị trí những đồ vật trang hoàng trong căn nhà nhỏ này. Khung ảnh đức Mẹ Maria treo cao nhất trên bức tường nhìn ra cửa. Ngay bên dưới là cuốn lịch quảng cáo của một hãng sữa bò, có chú bé rất bụ và kháu, trần truồng, hai

tay vơ cái muỗng lên miệng đang nhồm cười. Bên dưới nữa, về tay trái, là bức tranh ba màu nâu, trắng và vàng nhũ, như một tấm sơn mài ; có hai người con gái thùy mị, một quỳ, một đứng, cùng chấp tay, hướng vào ngôi chùa bốn mái cong veo. Liêm nhớ, có một vài người cũng theo Công Giáo như Khương, đã phàn nàn Khương treo bức tranh này. Nhưng Khương vẫn thản nhiên. Liêm phục bạn ở chỗ, theo Công Giáo nhưng không hề có thành kiến hẹp hòi với các tôn giáo khác. Đạo trước, có đôi ba lần, Liêm nói chuyện Đức Thích Ca với Khương. Khương đã tỏ ra rất chăm chú đến cơ sở và triết lý nhà Phật. Thái độ vô tư của Khương, làm Liêm nghĩ đến một lần chàng xem báo Công Giáo, ở mục giải đáp thắc mắc : Một con chiên hỏi : « Khi một kẻ nói tôn giáo nào cũng dạy người ta làm lành, thì phải biện thuyết thế nào để thu phục kẻ ấy theo đạo ? Một linh mục trả lời : « Từ thời thượng cổ, nhân loại đã biết danh Thượng-Đế, nghĩa là biết danh Chúa Trời ; rồi chỉ vì chế độ đa thần đã đưa nhân loại đến chỗ lăm lặc mà xa rời Chúa, đi thờ Bụt. Như thế, ngoài Công Giáo ra, thì các tôn giáo khác đều là những tà đạo ».

Liêm đã phải xúng xốt, rồi bấn khoăn đến bứt rứt về cái luận điệu vô trách nhiệm ấy.

Liêm cúi xuống, định bóc thư, nhưng thư đã bóc tự lúc nào. Chàng mỉm cười thú vị. Thư của Diễm rất dài. Những giòng chữ lên xuống không đều, ý tưởng loanh quanh, thất thường, đã chứng tỏ rằng Diễm viết trong khi bối

rối lắm. Có nhiều câu làm Liêm phải nghĩ ngợi :

Anh đối với em thế nào rồi ấy. Phải không anh ? Một cái gì làm em phải ghen ngào, muốn khóc. Em không biết phải viết thế nào để anh hiểu rằng Diễm thương anh rất nhiều và thương cả cho Diễm nữa.

Em không dám nghĩ đến chuyện phải xa anh. Anh ạ ! Chiều hôm ấy, chỉ vì một bài báo nói về Françoise-Sagan ở mãi tận bên Pháp, mà em bị ba và « man » xét nét. Nhưng ở Việt-Nam làm gì có chuyện ấy hả anh ? Bây giờ thì chả được gần anh để bắt anh đệm đàn. Em sẽ hát cho anh nghe. Anh có thích bài « MA DOU-DOU » không ? Gần một tháng trời, anh được nghỉ, em cũng được nghỉ ; mà anh lại đi xa như thế thì cũng bằng không ?

Lần này em phải viết thư cho anh bằng giấy vờ, đề « man » tưởng nhầm là em đang... làm bài ! Đấy, anh biết cho em, nguyên cớ làm sao mà chiều hôm ấy em đã không đến với anh được. Tại sao anh em mình lại không được gặp nhau nhỉ ? Đồ lỗi cho ai bây giờ ? Được cha mẹ săn sóc quá, nhiều khi cũng thấy khổ !

Thôi cho em đi ngủ anh nhé ! Khuya rồi, kéo các cụ lại ngủ.

Bao giờ anh về, cho em biết, em chờ.

Bé Diễm của anh.

Liêm khẽ thở dài, liếc lên quyền lịch. Ngày mai thứ tư. Sẽ có chuyến máy bay về Sài Gòn. Chàng rút ngăn kéo, tìm giấy viết thư, định sáng sớm mai đem đi gửi thì chỉ chiều ngày kia là Diễm nhận được rồi. Nhưng Liêm đã

tìm mãi mà cũng không thấy quyền giấy viết thư của Khương đâu. Chàng vào buồng vợ chồng Khương, thấy một quyền vờ trên bàn phấn của Hằng. Liêm đang định xé lấy mấy trang. Chàng mỉm cười thú vị, vì nghĩ rằng sẽ bắt đầu lá thư cho Diễm rằng : « Anh cũng viết thư cho Diễm bằng giấy vờ, vì... » Nhưng Liêm đã nhú mắt lại, nhìn đắm đắm vào những giòng chữ của cả Khương và Hằng, như một đoạn nhật ký. Hàng tháng, hai người, hoặc Khương hoặc Hằng, tiện ai người ấy biên những món tiền chi tiêu, tiền gửi về nhà, tiền trả nợ, và còn nợ bao nhiêu. Liêm tính nhẩm, phải tháng sáu sang năm Khương mới trang trải xong số tiền có lẽ vay từ đạo chưa đi làm, trả dần đến bây giờ vẫn chưa hết, và bách phân rất nặng. Liêm đặt vội quyền vờ xuống chỗ cũ và bước nhanh ra nhà ngoài. Chàng sức nhớ ban chiều Khương vừa hứa sẽ giúp chàng vài nghìn ; bây giờ, chàng cứ đinh ninh là món tiền ấy không đáng kể vào đâu với số lương trên dưới một vạn của bạn. Liêm lại khẽ thở dài. Chàng ra hiên, nhìn về hai đầu phố, định tìm vợ chồng Khương. Nhưng hai người đang ở đâu, không biết. Mảnh trời sau dãy nhà lá bên kia đường, màu đen trong như vỏ chai ; đêm nay đầy sao rung rung như niềm vui thồn thức. Lòng Liêm cũng đang vui thồn thức, như nỗi niềm của một cậu bé đang buồn tủi, nhưng được khóc trong lòng mẹ. Liêm nghĩ đến Khương, Hằng và Diễm là những người còn nhiều ràng buộc của đời mình mà vẫn nghĩ đến Liêm...

LAN-ĐÌNH



DỊCH ĐƯỜNG THI

Tự Quân chi xuất hĩ.

*Tự quân chi xuất hĩ,
Bất phục li tàn kì.
Tư quân như mãn nguyệt,
Dạ dạ giảm thanh huy.*

TRƯƠNG-CỬU-LINH.

Từ ngày anh bước ra đi...

*Từ ngày anh bước ra đi,
Dở dang khung cửi, thôi thì bỏ luôn.
Nhớ anh như bóng trăng tròn,
Đêm đêm ánh sáng hao mòn đêm đêm.*

YÃ-HẠC NGUYỄN-VĂN-TRUNG dịch.



Trương-Cửu-Linh, tự Tử-Thọ, người đất Khúc-giang, nổi tiếng văn học trùn cả một thời, đầu tấn sĩ dưới triều Huyền-Tông (trị vì từ 713 đến 756), làm quan đến chức tả-thập-di, tỉnh cang trực, sau bị bọn Lý-Lâm-Phủ và Ngưu-Tiên-Khách gièm pha, bèn từ giã chính sự, về ở ẩn. Có để lại một tác phẩm là « Khúc-giang tập ».

Sách mới

Chúng tôi nhận được :

— **Tổ Chức Công Việc Theo Khoa Học** của **Nguyễn-Hiến-Lê**
Sách dày 212 trang giá 55đ. do tác giả gửi tặng.

— **Thâm Cung**, kịch thơ lịch sử của **Anh Tuyến**, sách dày 98 trang, do tác giả gửi tặng.

Quốc-hội và thủ-tục lập-pháp của **Bùi-Tuân** trong **Tinh-Việt Văn Đoàn**, sách dày 50 trang giá 15đ. do nhà xuất bản **Tinh-Việt** gửi tặng.

« **Định Mệnh Con Người** » (in lần thứ hai) nguyên văn của **Lecomte du Noüy** trong cuốn « *l'homme et sa destinée* » (**Human Destiny**) Bản dịch của **Trần-Kim-Tuyến**. Sách dày 377 trang, giá 75đ. do nhà xuất bản **Tinh-Việt** gửi tặng.

Tiến hóa tinh thần của một nhà khoa học : LECOMTE DU NOÜY.
Nguyên văn của bà **Mary Lecomte du Noüy**. Bản dịch của **Phạm-Đình-Tân**. Sách dày 64 trang giá 20\$ do nhà xuất bản **Tinh-Việt** gửi tặng.

Trân trọng cảm ơn các tác giả cùng nhà xuất bản và xin ân cần giới thiệu với các bạn đọc thân mến.

BÁCH-KHOA

HỘP THƯ

— **ÔNG HOÀI-THANH — ÔNG KIM-THU** : Xin các bạn cho biết tên thật và địa chỉ để tòa soạn gửi bưu phiếu tiền nhuận bút.

— **KIỀU-YIÊU** : Đã nhận được thêm **Liêu-trai** và **Thơ** của ông **Trương-uẩn-Ngọc**, sẽ xin đăng trong các số tới.

— **ÔNG DƯƠNG-BÍCH N.** Đã nhận được « **Hoa Hồng bất diệt** » và mấy bài-thơ của ông. Mời ông lại tòa soạn đặt tại 55 Bà **Huyệt-Thanh-Quan**, lầu 2, phòng 21 **Saigon**, có người muốn gặp ông.

— **M. C. HẢI QUỲNH** : Đã nhận được « **Kiên-Trinh** » Đương xem.

— **BÁCH-THANH — TRƯỜNG-THY** : Đã nhận được thơ của các bạn.

— **ÔNG PHÙNG-BÁ-KHANH** : Đã nhận được thêm : « **Nguyên tắc tạo thành hàn tự** » — Sẽ đăng trong những số tới. Đã có thư hỏi ông thêm về chi tiết bài đó.

Một truyện Liêu-trai chưa từng dịch

PHẢN ĐIỆP

KIỀU-YIÊU dịch



Dương-Việt-Đán, một sĩ nhân phủ Quỳnh-châu (tỉnh Quảng-đông) một hôm ở quận khác trở về, giong thuyền trên biển, tình cờ gặp bão. Thuyền sắp lật úp, bỗng có một chiếc thuyền không trôi tới. Vội vàng nhảy sang, ngoái cò nhìn lại, mới hay các bạn đồng thuyền đã chìm mất cả. Gió càng dữ, bèn nhắm mắt, mặc thời dẫu thì thôi.

Chẳng mấy chốc, gió lặng. Mở bừng mắt ra, bỗng thấy có hòn đảo, nhà cửa

xan xát. Chèo lại gần bờ, tiến thẳng đến cổng làng. Trong xóm vắng ngắt, khi đi khi nghỉ khá lâu, mà tịnh không một tiếng gà gáy chó sủa. Thấy một cái ngõ quay về hướng Bắc, lần giữa tùng trúc đậm mát. Bấy giờ đã bắt đầu mùa đông, chẳng biết bên trong tường có những hoa gì, mà đậm lộc chỉ chít đầy cây.

Lòng lấy làm mến, dùng dằng giây phút rồi bước vào. Vẳng nghe tiếng đàn

cầm, ngập ngừng chân bước. Có người từ nữ tử trong đi ra, tuổi độ mười bốn mười lăm, óng ả mi miều, chợt thấy Dương, quay phắt trở vào.

Một lát, nghe đàn cầm bắt tiếng. Một thiếu niên đi ra, bỡ ngỡ hỏi khách từ đâu lại. Dương thưa đủ mọi điều. Lại hỏi thuộc về bang nào, tộc nào, Dương đều trả lời không sót. Thiếu niên mừng rỡ nói: « Vậy là bà con với nhà tôi ». Bèn kính cần mời vào.

Trong sân, nhà cửa cao ráo xinh xắn. Lại nghe tiếng đàn cầm. Lúc đã bước vào nhà, nom thấy một thiếu phụ, dáng đoan nghiêm, đương ngồi lên dây đàn, tuổi độ mười tám mười chín, phong thái rực rỡ. Thấy khách bước vào, đẩy đàn sang một bên định tránh mặt. Thiếu niên ngăn lại mà rằng: « Lánh đi đầu. Cậu đây chính là quyến thuộc của mình kia mà. »

Luôn tiện thăm hỏi căn do. Thiếu phụ đáp: « Đây là cháu gọi tôi bằng cô. » Rồi hỏi thăm bà nội còn khoẻ mạnh hay không, cha mẹ được mấy mươi tuổi. Dương đáp: « Ba má, ai cũng trên bốn mươi, và khang kiện cả. Chỉ riêng phần bà nội, sáu mươi tuổi, bệnh đã lâu ngày, nhất cử nhất động đều phải cần người giúp sức. Cháu quả tình không được rõ cô thuộc về chi nào, mong cô nói rành rẽ cháu biết, để về thuật lại cho tiện. » Thiếu phụ nói: « Đường xá xa xôi, biết vô âm tín đã lâu rồi. Chừng về, chỉ nói với ba cháu rằng cô Mười nhân thăm, tự khắc ba cháu sẽ hiểu. Dương hỏi: « Còn giương thuộc về tộc nào? » Thiếu niên đáp: « Một tộc ở vùng cù lao giữa biển xa, họ Ân. Đây gọi là Thần-Tiên Đảo, cách Quỳnh-

châu ba ngàn dặm (1) (0,576 km x 3000 = 1728 km). Tôi lưu ngụ tại đây cũng chữa bao lâu. »

Thập Nương chạy vào, kêu tỳ nữ bưng rượu dọn cơm ra đãi khách; có những thứ rau tươi thơm ngon, không biết gọi tên gì. Ăn xong, được mời đi ngoạn cảnh, thấy trong vườn đào lý đương có nụ, tỏ ý lấy làm lạ. Ân bèn nói: « Nơi đây mùa hè không nắng gắt, mùa đông không lạnh giá, hoa quanh năm chẳng bao giờ ngớt. » Dương mừng rỡ mà rằng: « Đây thật là cõi tiên. Chừng về cháu sẽ nói với ba cháu nên dời nhà ra đây ở gần. » Ân nghe chỉ mỉm cười.

Trở về phòng nến đốt sáng rực, thấy đàn cầm đặt nằm ngang trên bàn. Xin cho nghe một lần ngón đàn ưu nhã. Ân bèn gãi dây vận trức. Thập-Nương ở trong cũng vừa bước ra. Ân bảo: « Lại đây, lại đây. Mình hãy gảy đàn cho cậu ấy nghe thử. » Thập-Nương liền ngồi xuống hỏi: « Cháu muốn nghe bản nào? » Dương đáp: « Cháu thuở nay chưa từng đọc nhạc phổ đàn cầm. Thật tình không có một ước muốn nào xác định ». Thập-Nương nói: « Thôi tùy ý cháu, ra đề nào cũng chế thành điệu ngay được cả ». Dương cười mà rằng: « Gió biển đầy thuyền, đề ấy cũng có thể làm nên khúc điệu hay sao? » Thập-Nương đáp: « Được chớ. » Tức thì tay nắn dây đàn, tay gảy tương chừng như có sẵn bản cũ. Khí điệu hùng hăng mãnh liệt. Tai lắng nghe mà thân tựa hồ đương ở trên thuyền bị gió dữ xô đùa nghiêng ngả.

(1) Xin xem Phụ chú.

Dương ngời khen khôn kè xiết, hỏi : « Học đàn như thế được không ? » Thập Nương trao đàn, bảo nắn dây tơ thừ xem, mà rằng : « Dạy được lắm. Cháu muốn học bản gì ». Thừa : « Bản *Cường Phong* vừa đàn đó, chẳng hay phải mấy ngày mới học được. Xin cho cháu chép khúc điệu trước đã, để đọc đi đọc lại cho thuộc. Thập-Nương nói : « Bài ấy không có lời. Cô chỉ lấy ý mà phờ ra đó thôi ». Rồi đi lấy một cái đàn khác, làm điệu bộ ôm đàn thừ ngón, bảo Dương bắt chước theo. Dương tập hơn một canh, âm tiết bắt đầu tạm hòa hợp. Bấy giờ hai vợ chồng Thập-Nương mới lui về.

Dương chú mục túy tâm, chong nển canh dài tập đàn lấy một mình, hốt nhiên lĩnh hội, bất giác đung dẩy khoa chân múa tay. Ngừng đầu chợt thấy tí nữ đứng dưới đèn, hoảng hốt kêu « Em này giờ vẫn còn ở đó chưa đi sao ? » Á cười mà rằng : « Cô Mười dặn coi chừng đến lúc nào anh yên giấc, thì lo khép cửa bùng đèn đi. »

Nhìn kỹ ả, khéo thu ba trong ngần, nghi dung kiều mị vô song, Dương động lòng, mở lời ước thừ, ả chỉ cúi đầu cười nụ. Dương càng mê mẩn, thoát bước tới bá cổ. Á nói : « Xin đừng làm vậy. Đêm đã hết canh tư, chủ nhân sắp dậy bây giờ. Hai bên ví có lòng nhau, thì tối mai cũng chẳng muộn đó mà. »

Trong lúc là lời quàng vai, thốt nghe Á kêu Phấn-Điệp. Á làm mặt hờn dỗi mà rằng : « Nguy rồi ! », tắt tả chạy đi. Dương ren rén đi rình nghe, chỉ nhận ra tiếng Á nói : « Tôi đã

bảo con tỳ này trần duyên chưa dứt, mình cứ nhất quyết mượn nó, thì bây giờ xem thừ ra sao. Phải cho nó ba trăm roi mới được. » Thập-Nương nói : « Đã này ra lòng dạ ấy, thì không thể nào để tâm lo việc phục dịch nữa. Chi bằng đưa nó đi, để tính việc gây dựng cho cháu nó ». Dương rất lấy làm xấu hổ, trở về phòng tắt nến mà ngủ.

Sáng ra, có một tiểu đồng đến lo nước tắm gội, chớ không còn thấy Phấn-Điệp nữa, lòng riêng những phập phồng sợ bị đuổi đi. Một lát Á với Thập-Nương cùng đi ra, tưởng chừng như trong dạ chẳng có điều chi thắc mắc, rồi ngỏ ý muốn khảo xét coi sự học đàn đã tiến thế nào.

Dương gầy qua một bận. Thập-Nương bảo : « Tuy chưa nhập thần chớ mười phần cũng đã được tám chín. Chừng nào thực tập, mới có thể đạt tới chỗ tuyệt diệu ». Dương lại xin truyền thêm bài khác, Á bèn đem khúc « *Thiên nữ bị đày* » ra dạy. Ngón đàn tế nhị cho đến nỗi luyện tập những ba ngày mới bắt đầu nên tiếng nghe được. Á nói : « Đại cương thế là đã học hết, về sau chỉ cần thực tập mà thôi. Hễ lâu thông hai khúc này rồi, thì trong nghệ thuật đàn cầm tất không còn một điệu nào gay go nữa ».

Dương dăm nhớ nhà quá, bèn thưa cùng Thập-Nương : « Cháu ở đây, nhờ ơn cô chăm chút, lòng vui vô cùng. Ngặt một nỗi nhớ nhà. Mà đây cách nhà cháu những ba ngàn dặm, biết ngày nào mới trở về được ? Thập-Nương nói : « Cái ấy có gì khó. Thuyền xưa vẫn còn kia,

chỉ giúp cho xuôi gió thuận buồm là xong việc. Nhưng cháu chưa gia thất, cô đã sắp đặt cho Phần-Điệp sẽ về với cháu. » Rồi đem đàn cầm ra tặng, lại lấy thuốc trao cho Dương mà rằng : « Đề về trị bệnh cho bà nội. Chẳng những chữa được cố tật mà lại còn có thể kéo dài thọ mệnh. »

Rồi tiến chân ra tận bờ biển. Đến lúc xuống thuyền, Dương đưa mắt kiểm chéo. Thập-Nương nói : « Cần gì cái đó. » Bèn cỡi cùn (2) làm buồm, ra tay buộc và giương lên hộ. Dương e sợ lạc lối. Thập-Nương nói : « Đừng lo. Cứ mặc cho buồm lôi sóng cuốn là êm việc. » Dong buồm xong, đẩy thuyền xuống nước, Dương bùi ngùi, vừa muốn bái biệt, thì gió nồm đầu vụt lên, thoát đã xa bờ.

Dòm trong thuyền thấy lương khô sẵn cả, nhưng chỉ đủ ăn một ngày, thăm giận cô bủn xỉn. Bụng đói mà chẳng dám ăn nhiều, nơm nớp sợ hết đi bất ngờ. Bèn lấy một cái bánh khảo ra ăn, thấy ngoài cũng như trong đều thơm bùi. Còn dư sáu bảy cái, coi như của quý đem cất đi. Tức thì cũng chẳng thấy đói nữa.

Một lát thấy mặt trời chiều hôm muốn lặn, bắt đầu hồi lúc còn ở trên đảo, quên hỏi xin dầu mỡ, đèn nến. Trong chớp mắt xa trông thấy có nhà cửa. Nhìn kỹ, thì té ra Quỳnh-châu. Mừng khôn kể xiết, thoát đã đến gần bờ. Tháo tấm lụa làm buồm xuống gói bánh đi về.

Bước vào cửa, cả nhà vừa kinh ngạc vừa vui mừng, bởi là nhà đã mười sáu năm trời, bấy giờ mới biết chàng đã gặp tiên. Xem bà nội thấy bệnh già càng ngày đã càng suy nhược lấy thuốc ra cho bà

uống, lập tức trăm kha chữa dứt hẳn. Ai nấy đều cho là quái lạ, hỏi thăm tíu tít. Bèn thuật lại những điều trông thấy.

Bà nội rung rung nước mắt mà rằng : « Người ấy là cô mầy. Hồi đó tao có đưa con gái còn trẻ tên Thập-Nương, sanh ra phong tư tú lệ như tiên. Hứa gả về họ Án. Chú rề vừa lên mười, đi lên núi chơi, mãi không về. Cô Mười mầy đợi đến trên hai mươi tuổi. Rồi thỉnh linh không bệnh gì cả mà tự nhiên chết đi. Đám tang đã hơn ba mươi năm rồi. »

Nghe Đán kể chuyện, ai nấy đều nghi chưa chết, Đem cái cùn ra xem, thì vẫn là thứ cùn thêu thùa trước nàng thường vận. Dở bánh chia nhau ăn, một cái, đủ no trọn ngày, mà tinh thần lại phấn phát gấp bội.

Bà lão phu nhân bảo đào mộ lên nghiệm xem, thì quan tài vẫn còn đó mà trống rỗng.

Đán trước đây có đi coi con gái nhà họ Ngô, nhưng chưa cưới. Bao nhiêu năm Đán không về, bèn gả đi chỗ khác. Ai nấy đều tin lời Thập-Nương, sẵn sàng chờ Phần-Điệp đến. Rồi mà tám hơi vắng bật trên một năm trời, mới bắt đầu bàn tính dạm vợ nơi khác.

Huyện Lâm-Ấp (tỉnh Sơn-dông), ông tú tài họ Tiền có người con gái, tên Hà-Sanh, gần xa nức tiếng kiều diễm, tuổi mười sáu, tuy chưa gả đâu, mà đã chịu tang chồng hụt những ba lần. Bèn cậy mai đi hỏi, chọn ngày lành làm lễ thành hôn.

(2) Xin xem Phụ chú.

Lúc nàng bước qua ngạch cửa, lộng lẫy không ai bằng. Đán nhìn ra, chính là Phấn-Điệp. Ngạc nhiên gọi lại chuyện ngày xưa, nàng ngơ ngác không biết gì. Ngày à kia bị đuổi, tức là ngày nàng giáng sanh. Lần nào gảy bài « *Thiên nữ bị dày* » cho nghe, nàng cũng ngồi lấy tay chống cằm, bàng khuâng ngơ ngẩn, tưởng chừng như linh hội được đôi phần.

BỒ-TÙNG-LINH (Hạ bán thế kỷ XVII)
KIỀU-YÊU dịch



I.— Phụ chú về chữ « Dặm »

Ông Huỳnh-Tịnh-Của giải thích Dặm là : « chặng đường xa, ngo con trâu bằng con dê ; bề xa cách chừng 135 trượng, mỗi trượng có mười thước mộc ». (*Đại-Nam quốc âm tự vị*, xuất bản năm 1895)

Ông Génibrel dịch là « *Stade. Mesure itinéraire de 888 mètres* ». (*Dictionnaire annamite-français*, xuất bản năm 1898).

Đồng ý với bức tiền bối đáng kính, *Việt-Nam tự điển* của Hội Khai Trí Tiến Đức, in năm 1931, cũng cho rằng Dặm là « một thôi đường, dài 135 trượng ».

Ra sau ba cuốn trên, và muốn rành rẽ hơn, *Từ Điển văn liệu* của Nguyễn-Văn-Minh in năm 1942 giải thích rằng : « Ở Việt-Nam và Trung-quốc cứ đếm 360 bước là một dặm, hay 135 trượng là một dặm. Lại có người nói cứ đi một con trâu đứng trông thẳng không thấy là một dặm » (trương 120).

Ông Nguyễn Duyên-Niên, đối chiếu hai phép đo lường Tây và ta, bảo rằng Dặm là « quãng đường dài 1350 thước ta hay 54m » (*Tự điển chính tả*, Tập ba, trương 24, Xuất bản năm 1951).

Trống đánh xuôi, kèn thổi ngược, biết nghe ai bảy giờ ? Năm bộ tự điển năm kiến giải. May mà những học giả có tiếng như Bửu-Kế, Đào Duy-Anh, Đào-văn-Tập, Hoàng Thúc-Trâm, Lê-văn-Hòe, Thanh-Nghị, v.v... chẳng góp tiếng vào cuộc họp tấu chưa mấy gì đông mà đã bất hòa ấy, chớ không thì sự bất đồng ý kiến, đổ ai đoán được sẽ đến mực nào. Chúng ta có cảm tưởng « Dặm » là một hồn ma bóng quái rất mơ hồ, một khái niệm cực kì trừu tượng, cho đến nỗi khó mà nhận thức được tựu trung nó là cái gì.

Duyệt qua các lời giải thích trên đây, có cái phải dùng đến Bước (do chữ Bộ mà ra), đến Trượng để xác định chiều dài của Dặm, chúng ta có thể suy luận rằng phép đo lường của Việt-Nam xưa chẳng khác gì của Trung-quốc, và Dặm với Lí cũng có một giá trị ngang nhau. Khi *Hán-Việt Từ Điển* cắt nghĩa *Thiên-lí-mã* là « con ngựa chạy rất mau, mỗi ngày đi được nghìn dặm », chúng ta có thể cho rằng ông Đào-Duy-Anh phát biểu, không phải một lối hiểu riêng, mà là một kiến giải được mọi người thừa nhận.

Kì thật, Lí là gì ? Những quyền uy tối thượng của ngữ học Trung-hoa, như Từ Nguyên, Từ Hải, Trung-Hoa Đại Tự Điển đều đồng thanh bảo rằng theo cụ chế, người ta dùng hai thứ đơn vị chính : Xích (= thước mộc) để tính chiều dài của

đồ vật và Lí (= dặm) để tính chiều dài của đường sá sông ngòi. Phải 1800 xích ghép lại mới bằng 1 lí.

Đem so sánh với phép đo lường quốc tế, ta thấy rằng 1 Xích = 0,32m và 1 Lí = 1800 Xích = 0,32m x 1800 = 576 m.

Xích có ba ước số là Li, Phân, Thốn, và hai bội số là Trượng và Dặm.

Li	=	0,00032 m
Phân	= 10 Li	= 0,0032 m
Thốn (tắc)	= 10 Phân	= 0,032 m
Xích (thước)	= 10 Thốn	= 0,32 m
Trượng	= 10 Xích	= 3,2 m
Dặm	= 10 Trượng	= 32 m

Lí không có bội số, mà chỉ có 2 ước số, là Bộ và Vũ.

Lí (dặm)	=	576 m
Bộ	= 1/360 của Lí	= 576 m : 360 = 1,6 m
Vũ	= nửa Bộ	= 1,60 : 2 = 0,8 m

Lời giải thích chính xác tìm thấy trong các từ điển Hán-văn, sao lục ra đây, giúp ta hiểu đúng những chi tiết về trường độ đầy dẫy trong cổ văn Việt-Nam và trong sách vở Trung-hoa, cả xưa lẫn nay.

Kiểm điểm lại năm đoán - ngôn trên kia, ta nhận thấy rằng chỉ có ông Nguyễn-Văn-Minh nói đúng một điểm « 360 bước là một dặm ». Còn cái lầm của Huỳnh-Tĩnh-Của bảo rằng 1 dặm dài 135 trượng hay 1350 thước ta, cái lầm ấy lưu truyền mãi đến hơn nửa thế kỉ sau. Thật ra phải 180 trượng ghép lại mới thành một dặm (3,2 m x 180 = 576 m) và phải 1800

thước mới thành một dặm (0,32m x 1800 = 576 m)

Ta lại nhận thấy rằng, trong việc nghiên cứu, góp nhặt như tư liệu dọc đường dọc sá mà chẳng tìm đến tận nguồn, lắm khi chỉ mang cái tội truyền bá điều sai lầm cho những người thiếu phương tiện khảo chứng.

(Trích trong bài nghiên cứu chưa từng công bố nhan đề « Những kẻ không được đời hiền » của Yá-Hạc Nguyễn-Văn-Trung)

2.— Phụ chú về chữ « CŨN ».

« Bền cỏi cùn làm buồm », nguyên văn là « Nhân giải quần tác phàm ». Đọc đến đây, ban đầu tôi rất kinh dị; bởi vì dờ *Hán-Việt từ điển* của Đào-Duy-Anh ra, tôi thấy rõ ràng: « Quần »: cái quần để che phần dưới thân thể ». Đã đành tiên nữ rất có thể có một phương thức sinh hoạt khác hẳn người phàm, nhưng lẽ đâu họ lại làm một động tác (cỏi quần) quái gở đến thế, trong lúc lâm biệt hay sao, nhất là trước mặt đàn ông?

Đem dạ hoài nghi Hán-Việt Từ-Điển, tôi bèn tra Từ-Uyên (bản in tại Hương-cảng, năm 1951), thấy giải thích chữ quần là « cựa thì phụ nữ để hạ thường, xuyên tại khố tử ngoại diện » (để che thân dưới, phụ nữ thời xưa vận phủ lên quần). Thì ra cái mà người Việt-nam gọi là quần, thì người Trung-hoa gọi là Khố; còn cái mà xưa kia họ kêu là Quần thì ta kêu là Cùn (Có người viết là Cũn. Riêng phần tôi, tôi cho vậy là sai vì Cùn chỉ là một biến thái thô âm của Quần).

Có điều cái Quần là một đồ mặc thường ngày của phụ nữ Trung-hoa xưa, còn cái Cũn, thì người mình trước kia chỉ bận lúc đề tang. Cuối thế kỷ XIX, ông Génibrel có ghi: « Cái cũng, Espèce de jupon ou de tablier à plis qu'on passe par-dessus le pantalon blanc (Deuil) » (*Dictionnaire Annamite-Français*, trang 92, in năm 1898).

Nhưng khi Việt-hóa chữ Quần của Trung-văn, người mình vẫn còn giữ cái ý nghĩa « trùm lên, phủ lên một vật khác » trong danh từ ghép « Quần Bàn » dùng ở miền Nam, và « Mần Quần » dùng ở miền Bắc.

Ông Huỳnh-Tịnh-Cửa giải thích « quần bàn : « Đồ may bằng vải hàng, đề mà giăng cho khuất chun bàn ». Và *Việt nam Tự Điển* ghi: « Mần Quần : Thứ mần che dưới hương án ».

Nếu không tìm hiểu nguyên nghĩa của nó, thì có thể nào khỏi ngạc nhiên, khi thấy một thanh âm gợi ý thô bỉ như Quần mà lại được ghép vào những cái tôn nghiêm như bàn thờ, hương án. Môn ngữ nghĩa học (semantics) dành cho ta những bất ngờ quả tình khoái trá và những khoái trá quả tình bất ngờ!

KIỀU-YIÊU

★ NGƯỜI thủ lãnh, trước hết, phải có tinh thần trách nhiệm.

Có tinh thần trách nhiệm không có nghĩa là sợ bị trừng phạt nếu không làm hết phận sự.— Một thủ lãnh chân chính không bao giờ nghĩ tới hình phạt của cấp trên có thể gia xuống cho mình. Song đối với những người do mình chỉ huy, người thủ lãnh không muốn để họ đau khổ vô ích, bị trừng phạt bất công hay phải tước đoạt một số tiện nghi mà họ có quyền được hưởng — Người thủ lãnh không muốn để họ phải đi bộ thêm ba cây số do bởi mệnh lệnh đưa ra một cách lệch lạc. Người thủ lãnh không muốn để họ, sau một ngày đường mệt nhọc, phải đi lang thang trong một thôn xóm, mà không biết nghỉ ngơi ở đâu, ăn uống thế nào.

★ NGƯỜI thủ lãnh không làm nô lệ cho cấp trên mình, nhưng làm nô lệ cho nghĩa vụ bảo vệ những người ở dưới quyền điều khiển mình.

Cái tinh thần nghĩa vụ đó có thể khiến cho người thủ lãnh làm nên những việc vượt quá sức người (O. Clement).

Có ba hạng người thường tự chuốc lấy tai họa

Khổng-tử nói : « Kẻ ngu dốt và thích tự dụng làm càn ; kẻ thấp hèn mà thích tự chuyên mặc ý ; kẻ sinh ở đời này mà muốn làm chuyện đời xưa ; ba hạng người ấy thật tự mình chuốc lấy tai họa vậy...

TRUNG-DUNG

Sách mới

Chúng tôi vừa nhận được của thi sĩ **Vũ-Hân** :

— **DIỄM-TRANG**, thơ, gồm có 3 phần : *Trình-nguyên, Ngưng-dộng, Huyền-diệu*, giá 30\$00 :

— **ĐOẠN TRƯỜNG TÂN THANH KHÁI LUẬN**, sách giáo khoa, theo đúng chương trình đệ nhị niên Trung học đệ nhị cấp và đệ tứ niên trung học đệ nhất cấp giá 30\$00.

Cả hai quyển đều do tác giả xuất bản.

Chúng tôi xin cảm ơn tác giả và xin ân cần giới thiệu với bạn học.



UY quyền của người thủ lãnh đi liền với ý thức một sứ mệnh cao cả mà người thủ lãnh phải đảm nhiệm, đảm nhiệm không phải vì lợi ích riêng mà vì lợi ích của những kẻ mình hướng dẫn và mình phải chịu trách nhiệm.



NGƯỜI thủ lãnh không chỉ huy vì sở thích riêng như một chủ nhân chế ngự bọn nô lệ cho được công được việc của mình, người thủ lãnh chỉ huy là cốt để đưa dẫn một đoàn thể đạt tới cái giá trị đạo đức cao cả, bằng sự phối trí các phương tiện một cách khôn khéo. Người thủ lãnh để cho sứ mệnh chế ngự mình và thuộc hần về sứ mệnh, hầu làm cho sứ mệnh kết quả được viên mãn. Chỉ khi nào người thủ lãnh thấu triệt được cái « lý » của sứ mệnh và quyết tâm phục vụ nó, mới thật là một thủ lãnh xứng đáng. (Dunoyer de Segonzac)

★ **CHỈ** khi người thủ lĩnh trung thành với mục tiêu : « Sứ mệnh trước hết », mới thật tỏ ra có tinh thần phục tùng mệnh lệnh và chỉ khi đó mới có thể đòi mọi người phục tùng mệnh lệnh : mệnh lệnh theo đuổi lợi ích chung một cách bất vụ lợi.

★ **THỦ** lĩnh không phải là thụ ủy của đoàn thể mà là kẻ dẫn đường cho đoàn thể tiến tới những mục đích cao cả nhất.

Thủ lĩnh dù được bầu lên hay được chỉ định vẫn là người nắm giữ uy quyền, nên có quyền chỉ huy, không nhất thiết buộc phải phân trần, thuyết phục mỗi khi ra lệnh.

★ **NGƯỜI** thủ lĩnh nghĩ đến hết, chuẩn bị hết, đề phòng hết, và không thể ăn, ngủ, trước khi xếp đặt mọi sự đâu vào đấy đấy — Chỉ có một sự người thủ lĩnh không nghĩ đến, đó là sự mệt nhọc của chính mình — (O. Clement)

★ **UY** quyền là gì ? Uy quyền là quyền điều khiển công việc cho thích hợp với quyền lợi chung của xã hội.

★ **NGƯỜI** thủ lĩnh tỏ ra xứng đáng với chức vụ là khi nào công bố theo đuổi lợi ích chung, chứ không theo đuổi sở thích riêng, là khi nào hành động cho quyền lợi chung, chứ không hành động cho quyền lợi của cá nhân mình.

★ **CHỈ** huy, chính là phục vụ : trước là phục vụ những kẻ mình chỉ huy, sau là phục vụ chính nghĩa vượt trên mọi người và đáng cho mọi người cùng cố kết, tuân phục và hy sinh khi cần.

KHÔI LỬA KINH THÀNH

LÂM-NGŨ-ĐƯỜNG
(VI-HUYỀN-ĐẮC dịch)

LƯỢC DẪN

Cậu Bân-A, con trai trưởng ông Tăng-Văn-Phác, một vị quan cao triều Thanh-Mạt, được đính hôn với nàng Man-Ni vốn mồ côi cha. Bân-A bị bệnh nặng, gia quyến họ Tăng mới mời mẹ con Man-Ni đến Bắc-Kinh để làm lễ cưới « Xung-hỉ », hy vọng rằng có lẽ nhờ đó mà bệnh Bân-A thuyên giảm.



Bỗng có tiếng chân đi ở ngoài, Man-Ni vội vàng đứng lên dời khỏi chỗ thành giường và đi sang phía cái ghế và ngồi xuống đó như lúc mới vào. Cậu bèn níu tà áo của nàng lại. Nàng giơ tay vội chỉ ra phía cửa, thì vừa vặn Tuyết-Hoa ở ngoài, vén cái rèm cửa, ra hiệu gọi Quế-Cô và ghé tai thì thầm nói: « Thưa, thái thái cho con xuống xem, đề đợi lúc nào Tồn-tiểu-thư về, thì con sẽ đi theo đề dẫn đường... »

Man-Ni dùng dằng, nửa muốn về, nửa muốn ngồi đồn lại. Sau nàng bèn nghĩ, nên nhân dịp này, khen lơn Tuyết-Hoa, một vài lời, vì Tuyết-Hoa hết lòng phục thị Bân-A ; Nàng mới nói với Quế-Cô :

« Thưa cô, cô bảo Tuyết-Hoa vào trong này, cho em hỏi chuyện, với... »

Chính Tuyết-Hoa cũng đương muốn được nhìn tỏ mặt, cái vị tân nương vừa ôn nhu, vừa mỹ lệ, mà cả nhà đều ái mộ. Tuyết-Hoa rón rén bước vào,

Man-Ni chỉ cái ghế kê ở sát vách, đối diện với cái ghế của mình, và bảo :

« Em hãy ngồi xuống kia đi ... »

« Con không dám ạ » Tuyết-Hoa đáp và nói tiếp : « Thừa tiểu thư, xin tiểu thư thứ lỗi cho, từ lúc tiểu thư đến, con chưa hề rót một chén trà để kính lễ tiểu thư... »

« Việc gì phải khách tình thế, chỗ người nhà cả, mà... » Man-Ni nói như vậy. Tuy nhiên, Tuyết-Hoa cứ đi sang bên phòng bên, rót một chén nước chè, bưng ra mời nài. Man-Ni cầm lấy và trong khi uống thì Tuyết-Hoa đi xuống bếp lấy thêm than lên để tiếp vào hỏa lò, vì chị thấy sắp sửa phải cần đến. Man-Ni bảo Tuyết-Hoa :

« Em hãy nghỉ tay một lát đã... » Tuyết-Hoa đáp : « Thừa tiểu thư, không hề gì ạ... sắp sửa phải hâm canh ngăn nhĩ cho thiếu gia ăn, trước khi thiếu gia đi ngủ ạ... Con đã bảo đưa thêm than lên, mà họ có nhớ cho đâu... thừa, họ vẫn vậy đấy ạ, hề không giục họ, họ chẳng chịu làm gì « sốt cả » đâu ạ... »

Tuyết-Hoa nói xong, lại đi sang bên phòng bên kia. Man-Ni liền hỏi Quế-Cô : « Thừa cô, thế, đêm hôm thì ai ở đây săn sóc Bản-Kha, thừa cô ? ... »

« Không nhất định là ai cả đâu, em ạ... thái thái cứ thay phiên với cô, để đợi cho tới khi Bản-nhi ngủ yên... nhưng, mấy đêm, trước đây, Bản-nhi mệt nhiều hơn, thì cả thái thái lẫn cô, phải thức suốt cả đêm cho tới sáng, mỗi người chỉ đi ngủ có mấy giờ thôi... cũng có đêm, phải gọi Hương-Vi lên để nó thay thế cho Tuyết-Hoa, hoặc có khi phải gọi cả Phượng-Nhi nữa ; chúng nó ngủ cả ở bên Tây phòng. Nhưng, phần nhiều là Tuyết-Hoa, ngày đêm, đều có mặt ở đây... Kể ra, từ khi Bản-Nhi yếu nặng đến giờ, Tuyết-Hoa khó nhọc nhất ; được cái, nó rất chăm chỉ,

cần thận, có thể tin cậy được ... nó ngoan lắm ... em ạ. » Vừa lúc ấy, Tuyết-Hoa bước sang, Man-Ni liền bảo nó : « Đấy, Tuyết-Hoa ạ, em có nghe thấy không ? Quế-Cô đương khen em đấy ! ... Em ngoan và chịu khó, cả nhà đều biết công cho em đấy, em nghe chưa ? ... »

Tuyết-Hoa nhã nhặn đáp : « Dạ, thừa tiểu-thư, có gì là đáng khen đâu ạ, con chỉ làm đủ phận sự của con đấy thôi ạ ... Các việc con đã quen, nên cũng không có gì là vất vả, khó nhọc, cho lắm ... Vả lại, đối với một người yếu, không trông nom cẩn thận, không thể được... Con chỉ mong, các người nhà đừng ghen ghét con, khi thấy thái thái và Quế-Cô tin con và giao phó các việc cho con, họ đừng ganh tị mà nói xấu con, thế là con mãn nguyện. »

Man-Ni nói tiếp : « Từ nay, những khi bận quá, em có thể lên gọi Tiểu-Lạc, nó xuống, nó hộ một tay ; nó tuy què mùa, cục mịch, nhưng nó rất thật thà và dễ bảo... Vớ lại, em lấy lòng tốt mà dạy nó, cho nó học tập cho biết cái này, cái kia, và hiểu được thế nào là quy củ, là lễ phép ... Vậy em đừng tam giúp nó, nhá ! »

Tuyết-Hoa luôn miệng nói không dám và xưng tạ. Cô nhận thấy rõ rằng Man-Ni rất tốt, rất nhu hòa và xem ý rất có độ lượng, biết thương người.

Man-Ni thấy hình như Bản-A có vẻ mệt và buồn ngủ, nài rục rịch định đi về buồng mình, nhưng Bản-A không nghe. Cậu nói : « Muội muội hãy thư thả, rồi muội muội hãy đi, ... Muội-muội ạ ! »

Quế-Cô lại bên cậu và hỏi xem cậu đã muốn ăn canh mộc nhĩ chưa, cậu nói : « Cô bảo muội muội đừng về vội ... Hề

muội muội về, em chẳng ăn gì nữa đâu...
đấy ! ... »

Quế-Cô phải năn nỉ với Man-Ni : « Man-Ni ạ, thôi, em hãy cố ráng ngồi lại một lát nữa, chỉ một lát nữa thôi, để cô cho hâm canh, cho Bàn-nhi ăn, ăn xong, thì em hãy về... Cô bảo, nghe cô, chớ ngoan !... »

Man-Ni đầu có nỡ từ chối.

Tuyết-Hoa liền đi sang buồng bên, để hâm canh.

Man-Ni nghe rõ tiếng nước đổ, tiếng thìa, tiếng thổi lửa, nên cũng bước sang, để xem Tuyết-Hoa làm. Tuyết-Hoa cứ lẳng lặng, làm các việc, chứ không dám nhìn Man-Ni, hay mỉm cười vì Tuyết-Hoa rất có ý, và khôn ngoan, chị cố hết sức tránh, không dám để cho Man-Ni đến nỗi phải ngượng, thẹn. Khi Tuyết-Hoa bưng canh sang, thì Man-Ni còn đứng lại, nhìn các phía, xem có ai không, thì bỗng có tiếng gọi của Bàn-A :

« Muội-muội ! Muội-muội đâu rồi ? ... Hay muội muội đã đi về rồi ! »

Man-Ni phải vội vàng chạy sang, và đến đứng ở trước mặt cậu. Cậu nói, bằng một giọng hâm dọa của một đứa trẻ thơ, đương muốn ăn vói và bắt đèn, bắt vạ : « Muội muội mà về, anh nhất định không ăn nữa, cho mà xem ! »

« Muội-muội vẫn thì ở đây, đấy thôi. » Quế-Cô nói thế. Cô ngừng lại một tí rồi dỗ dành cậu : « Nhưng mà, Bàn-nhi này, Bàn-nhi cũng phải nhớ rằng, muội-muội đi đường trường gặp bao nhiêu sự tàn khốc ; suốt cả buổi tối nay, lại ở đây vói em thế thì em cũng phải thương hại cho muội muội của em, nó mệt nhọc chứ ! ... Em ăn xong đi, rồi phải cho muội-muội của em nó về, đi nghỉ chứ, ... em ... nghe ra chưa ? »

Bàn-Nhi ngẫm nghĩ một lát, rồi mới đáp : « Em nghe ra rồi, em hiểu rồi ... » Cậu sẽ quay về phía Man-Ni, nói một cách van lơn, khẩn khoản :

« Anh xin lỗi Man-Ni ! ... Man-Ni đừng trách anh, tội nghiệp ! ... Chỉ tại anh mong em nhiều quá ... lâu quá ... bây giờ gặp được em, anh chỉ lo, chỉ sợ, em lại bỏ anh, em đi trốn như trước đây ... Thế em đừng bỏ anh, em đi trốn, « cơ nhà » ... Có thật thế không hả em ? »

« Bàn-Kha hãy phóng tâm, em sẽ ở đây vói anh, em ở ngay đây vói cả má em, ở bên Tỉnh-tâm-trai, ở sân bên kia cơ mà ... Rồi em sẽ ngày ngày lại thăm anh, em nói thật, anh đừng lo, đừng ngại gì cả, em không dám nói dối Bàn-Kha đâu, Bàn-Kha cứ yên tâm ! ... »

Bàn-A ăn xong bát canh thì nằm lim dim, rồi ngủ. Man-Ni mới đứng dậy để về phòng mình. Tuyết-Hoa cầm đèn soi đường đi. Trong khi đó, Man-Ni lại tỏ lời cảm ơn Tuyết-Hoa về sự săn sóc chu đáo của chị đối với Bàn-A. Nói rồi, thì Man-Ni lại hỏi rằng, nói đi, nói lại mãi như vậy, có thể là thất sách chẳng, nhưng Tuyết-Hoa đã bị nhu tình, mặt ý của Man-Ni cung lạc, nên Tuyết-Hoa rất hoan hỉ, khi chào Man-Ni để trở về phòng bệnh của Bàn-A.

Đợi cho Tuyết-Hoa trở về, Quế-Cô mới tới phòng Tăng-phu-nhân mà đem đầu đuôi tự sự lại để phu nhân nghe. Nhân thế, lại nài lên cái vấn đề nan giải đã từng bàn tới trước đây. Man-Ni hết sức giữ lễ mạo, lại hay cả thẹn, thì làm thế nào bây giờ ? Bàn-A lại quyến luyến Man-Ni đến mực. Bàn đi, tỉnh lại, chỉ có mỗi một biện pháp, là dùng việc kết hôn để giải quyết. Bởi

vậy, Tăng-phu-nhân ấn định là đến mai thì nào cũng phải thương lượng với thân mẫu của Man-Ni, mới xong.

Man-Ni, khi đi nằm, mới ôn lại từng lời nói, từng cử chỉ của cuộc hội kiến vừa rồi. Bàn-a đã biểu lộ hết cả chân tình đối với nàng và tỏ ra rất vui vẻ khi nàng có mặt ở bên cậu. Với ngần ấy điều kiện, cậu rất có thể chóng khỏi, và bình phục như xưa. Nàng thấy sự hy vọng, sự mừng vui, tràn ngập cả lòng, và nàng ngủ thiếp đi.

Sáng sớm ngày hôm sau, Man-Ni vừa ăn điểm tâm xong, và mới cùng với Tiểu-Lạc đi tản bộ về phía nhà, từ đường, chỗ cái khoảng đất bỏ không, thì bỗng có một người đầy tớ gái chạy ra nói : « Tiểu thư Mộc-Lan đã đến. Man-Ni liền hốt hoảng trở về.

Mộc-Lan đương ngồi ở phòng khách, hầu chuyện Tôn-thái-thái.

Mộc-Lan đã thay đổi một cách khác thường, cô làm cho Man-Ni cơ hồ không thể nào nhận được ra cô nữa, Cô cao vọt hẳn lên, lớn hẳn lên, nhiều quá. Cô ăn mặc cũng khác hẳn cái hồi ở Sơn-Đông. Xiêm áo rõ ràng, nghi thái đoan trang, tất cả tư dung có một vẻ đại phương, rõ ra một vị « thiên hương tiểu thư » của đất kinh-hoa, chứ không phải cái cô nương bị lưu lạc, bốn năm xưa. Duy cái cặp mắt, lúc nào cũng loang loáng thiên động như nước hồ thu thì vẫn y nhiên, mà không thể nào làm được. Man-Ni chạy gần lại và tường tế nhìn người bạn lòng, xa cách đã bốn thu nay ; nàng cắn môi, nhìn ngấm, và phải hết sức tự ức chế, để khỏi ôm chầm lấy bạn, để tỏ tấm nhiệt tình. Chính Mộc-Lan cũng nhận thấy sự cải biến khác thường ở Man-Ni, nên cô đứng thừ người ra, ngơ ngơ, ngác ngác, không thể đứng, không thốt

ra : « Trời ơi ! cái của oan gia tiền kiếp của em ? Sao mà để em trông, em đợi, đã mòn cả mắt ! »

« Bụi hồng văng về mắt xanh !

Mình ơi ! Ta nhớ mà mình quên ta ! »

Chỉ Mộc-Lan có thể nói đùa như vậy được thôi, vì xưa nay, Mộc-Lan vẫn « lém lỉnh », bạo ăn, bạo nói. Cô cũng « trơ » chẳng kém gì cái cậu ba mập Tân-A của cô. Còn Man-Ni, Man-Ni chỉ thốt ra được có hai tiếng ; Mộc-Lan ! » Nhưng hai tiếng đó bao hàm biết bao nhiêu tình. Nói thật ra, vì thấy cái phong tư đại các của Mộc-Lan, Man-Ni cũng hơi có phần e dè, đôi chút.

Man-Ni cầm lấy tay Mộc-Lan và hai người dắt nhau về phòng của Man-Ni.

Man-Ni, nhìn Mộc-Lan không chớp mắt, và nói : « Có thiệt Mộc-Lan của tôi đấy không ? »

Mộc-Lan đáp : « Em nghe thấy nói hồi hôm, chị tới Kinh, em không còn sao ngủ đi được nữa, cứ thao thức suốt đêm ; sáng sớm tỉnh mơ, em đã bỏ dậy, làm lục đục, mẹ em cũng phải khởi thân ; mẹ em mắng : « Con làm gì mà nóng nảy vội vàng như thế, con gái, bao giờ cũng phải nhuần nhả, ung dung vả lại, chẳng nào, sớm hay muộn, nội buổi sáng nay, con chẳng cũng sẽ gặp bạn con kia mà việc gì phải hối hả như thế ? ! ». Em chẳng biết thưa lại với mẹ em ra sao, em cứ sắp sửa, trong lòng hồi hộp, vội bao nhiêu cũng vẫn còn thấy chậm chạp ! ... » Mộc-Lan nói xong, cười khanh khách, để hở hai hàm răng ngọc, trắng muốt và óng ánh ở giữa đôi môi anh đào tươi thắm.

(còn tiếp)

LÂM-NGŨ-ĐUƠNG

Đính chính

BÁCH-KHOA, số 37 :

- ★ Bài « **Bàn về vấn đề dịch sách cổ của ta** » của Nguyễn-Hiến-Lê :
 - trang 15, cột 1, dòng 6. « Nguyễn-Du », xin sửa lại : « Nguyễn-Dữ »
 - trang 17, cột 1, dòng 11, « chắc có muốn », xin sửa lại : « có muốn »
 - trang 17, cột 2, dưới dòng 14, xin thêm « Có hiểu như vậy thì chữ « năng » mới có nghĩa, nếu hiểu như cụ Trần, thì chữ « năng » phải đổi làm chữ « dục » (muốn) ».
 - trang 17, cột 2, dòng 27 « Đường Thi », xin sửa lại : (Đường thi...)
 - trang 17, cột 2, dòng 29, « Trần », xin sửa lại : « trần ».
 - trang 17, cột 2, dòng 31, « mà chú thích là : », xin sửa lại ; « mà Ngô-Tất-Tố » chú thích là : »
 - trang 19, cột 2, dòng 1, 2, 3, xin sửa như sau :
 - « — nhờ các hội thanh niên diễn kịch để giúp quỹ »
 - « — bán những bản dịch cho các báo... »
- ★ Bài « **Nhớ Tân-Đà** » của Tân-Fong-Hiệp :
 - trang 23, cột 1, dòng 8, 9, 10 : « một biệt hiệu trường tồn cùng đất nước » :
Tân-Đà ! »
 - trang 24, cột 1, dòng 14 : « bực danh nho ; mẹ là... »
 - trang 24, cột 2, dòng 1, 2 : « huyện Bất - bát ».
 - trang 25, cột 2, dòng 2, 3 : « đã đóng vai Sơn-Tinh mấy ngàn năm trước ? »
 - trang 25, cột 2, dòng 34, một vua Minh-Trị sáng suốt »
 - trang 26, cột 1, dòng 7, « nho sĩ khí khái ấy đứng đưng. »
 - trang 26, cột 1, dòng 19, « giở bài lai cáo »
 - trang 30, cột 2, dòng 11 : « Xuân xanh xuân vẫn muôn màu. »
 - trang 32, cột 2, dòng 14, 15, 16, 17, 18, 19 : « ... tự do mến yêu, tiêu dễ dàng như rót đầy li rượu bé, đời sống thiêng liêng, mất lệ làng hơn ngậm nửa câu thơ. »
- ★ Bài « **Rừng mấm** » của Bình-Nguyễn-Lộc.
 - trang 63, cột 2, dòng 6, « cho đến những con »
 - trang 64, cột 2, dòng 5 : « một cái là »
 - trang 64, cột 2, dòng 27 : « xuống chèo khuấy dặng »
 - trang 68, cột 2, dòng 5 : sống biệt tịch »
 - trang 68, cột 2, dòng 16 : « là giếng chỉ ngọt »

- trang 68, cột 2, dòng 23: « *xử mình, mình không có* »
- trang 69, cột 1, dòng 1: « *tuy hèn thế* »
- trang 69, cột 1, dòng 8: « *trong nồi đồ đầy đất* ».
- trang 69, cột 1, dòng 15: « *để ăn cá* »
- trang 69, cột 2, dòng 27: « *Những cô con gái lớn* »
- trang 69, cột 2, dòng 32: « *giận dữ nói thêm* »
- trang 70, cột 1, dòng 27: « *ăn học lâu thông* »
- trang 70, cột 2, dòng 31: « *cho dầu được phép* »
- trang 71, cột 1, dòng chót: « *và phủ kín* »
- trang 71, cột 2, dòng 2, 3: « *thấu nghĩa tiếng hang mai* »
- trang 72, cột 1, dòng 4: « *xuống bùn* »
- trang 72, cột 1, dòng 7: « *không, ông nội à!* »
- trang 72, cột 1, dòng 12: dư chữ mà ở chót dòng
- trang 72, cột 1, dòng 22: « *mọc trên bùn đen bên kia đám cỏ* ».
- trang 72, cột 1, dòng 26, 27: « *xuống nên rừng cây lá ấy trông như* ».
- trang 73, cột 1, dòng 1, 2, 3, 4, 5: « *Con, con là trâm, sắp hưởng rồi, sao lại muốn bỏ mà đi. Vả lại con không thích hi sinh chút ít cho con cháu của con hưởng sao?* »
- trang 73, cột 2, dòng 18: « *làm trâm như nó được hay không* »
- trang 73, cột 2, dòng 23: xin bỏ dấu gạch ngang ở đầu câu

✧ BÀI « **Huỳnh-Thúc-Kháng** » của *Nguyễn-Hữu-Ngư* ,

- trang 40, chú thích 22: « *Bức thư bí mật...* »
- trang 42, cột 1, dòng 29, xin thêm dấu « ở đầu.
- trang 43, cột 2, dòng 19, « *cụ thề hiến thân* ».
- trang 44, cột 1, dòng áp chót: « *Ngày 6-3-1946* »
- trang 44, cột 2, dòng 8: « *Tôn-Đức-Thắng* ».
- trang 45, cột 2, cuối dòng 23, xin thêm dấu phết (,))
- trang 47, cột 1, dòng chót: « *mùa thu* ».
- — , cột 2, dòng 6: « *muôn người* ».
- trang 50, cột 1, dòng 8: « *cách chừng 12 cây số* ».
- trang 55, cột 1, dòng 30: « *phát hồi nguyên quán* ».— Và dòng chót, xin thêm dấu phết (,) ở cuối.
- trang 56, dưới ảnh mộ cụ Huỳnh: « *ảnh của hiệu Đặng-Châu* ».
- trang 58, cột 1, dòng 20: « *Gần thì ta xét...* »
- — 2, chú thích 36: « *Éditions du Seuil* ».
- trang 59, cột 1, dòng 14: « *đội cụ ngự lâm quân* »; cột 18, dư chữ « *dầu* » và cột 2, dòng 12 và 15, thiếu hai ngoặc kép, mở và đóng.
- trang 62, cột 2, dưới dòng 28, xin thêm: « *Tỉnh Quảng-ngãi vừa có trường trung học bán công tên Huỳnh-Thúc-Kháng.* »

Vappo

1958

Ráp tại Việt-Nam

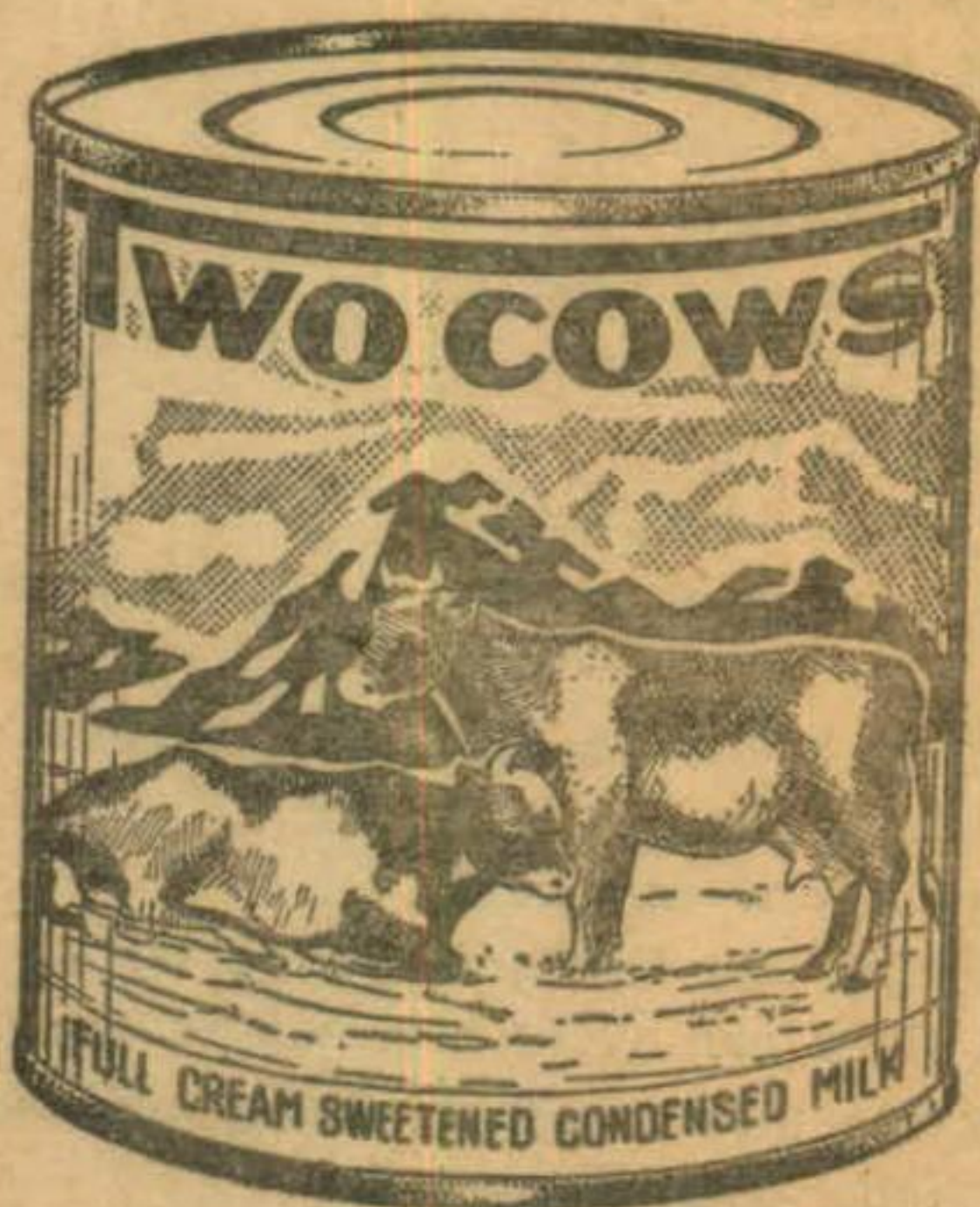
TỔNG PHÁT - HÀNH

CÔNG-TY VẬN-TẢI **PHI-MÃ**

9, Phạm - hồng - Thái — SAIGON

Điện-thoại : 21.670

SỮA ((**HAI** **CON** **BÒ**))



Được

Viện PASTEUR

SAIGON

chứng nhận là một
thứ sữa có đủ chất
bổ cho trẻ em dùng

MÁY ĐÁNH CHỮ ĐỀ BÀN GIẤY VÀ XÁCH TAY
HIỆU « **HERMÈS** »



ĐÃ RÊ LẠI TỐT — BÁN ST VÀ LÊ
Tại NHÀ IN I.N.D.E.O
(IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME - ORIENT)
SỐ 1, ĐƯỜNG NGUYỄN-SIÊU — SAIGON
Điện Thoại Số 20.821

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S . O . A . E . O .)



DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 — 23.742



Fabrication : Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique.

Vente : Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane
— Protoxyde d'Azote — Argon etc...

Matériel pour soudure oxy-acétylénique et électrique.

Installations de gazothérapie.

Notre service technique d'application est à la disposition de la clientèle pour toutes études et installations.

J.M. MOHAMED ISMAEL FILS AZIZ & C°

Import — Export



REPRÉSENTATION



Téléphone : 21.219

Ad. tél. : JASMIN

175 - 179, đường Tự-Do - SAIGON

Thuốc thơm
hảo hạng

**Chat
King**

AIP. 56

EXPORTATION

Caoutchouc, Crêpe semelle
Latex et Produits divers

ALCAN SAIGON S. A.

Société au Capital de VN\$. 5.000.000

Siège Social :

7, Bến Chương Dương — Saigon

Boîte postale 46

Téléphone : 21.338 — 21.339

AGENTS DES COMPAGNIES DE NAVIGATION
REPRÉSENTANTS DE :

S.A.F.I.C. ALCAN & Cie. PARIS 16^e

HECHT LEVIS & ALCAN LTD, LONDRES

ANGLO FRENCH ET WATERHOUSE LTD, SINGAPORE

S.O.B.E.P.I.C. ANVERS

HECHT LEVIS ET KAHN DIVISION OF RUBBER
CORPORATION OF AMERICA NEW-YORK

ANGLO-FRENCH TRADING COMPANY LTD. JAPAN

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo - Hiểm

1-3-5 Bến Chương - Dương — Saigon

Điện - Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — INCENDIE

Tai-nạn

Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Hàng-Hải

Linh-Tinh

ĐẠI - LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE

— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Nhánh : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE

HONGKONG TANANARIVE - TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

- DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF -



à la fois Treuil et palan!

*pour levée, tirage
rapide, tendre
et lâcher...*

6
avantages du
TIRFOR
(Breveté)

Toutes forces
par mouflage
facile

- 1) Portatif.
- 2) Mise en batterie rapide.
- 3) Course de câble illimitée.
- 4) Toutes orientations et positions.
- 5) Précision millimétrique de manœuvre.
- 6) Sécurité : organes essentiels doublés

Modèle "SUPER"
(Universel)
Force : 1.500 kgs
Poids : 18 kgs



Modèle "MINES"
(Traction seule)
Forces : 1.500 et 3.000 kgs
Poids : 18 et 21 kgs

Tirfor rend
1000 services!
Demandez-nous 46
brochure

Denis Frères

Số 4 đường Tự-do Sài-gòn — Đại lý độc quyền tại Việt-Nam

- DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF -



THE BLUE BIRD

Quét là

BLUE BIRD

Quốc-Gia

Dùng Hộp

phụng-sự

nền kinh-tế

Sté Indochinoise Forestière
et des Allumettes

(SIFA)

346, Bến Vân-Đồn

Đ. Thoại 21.950

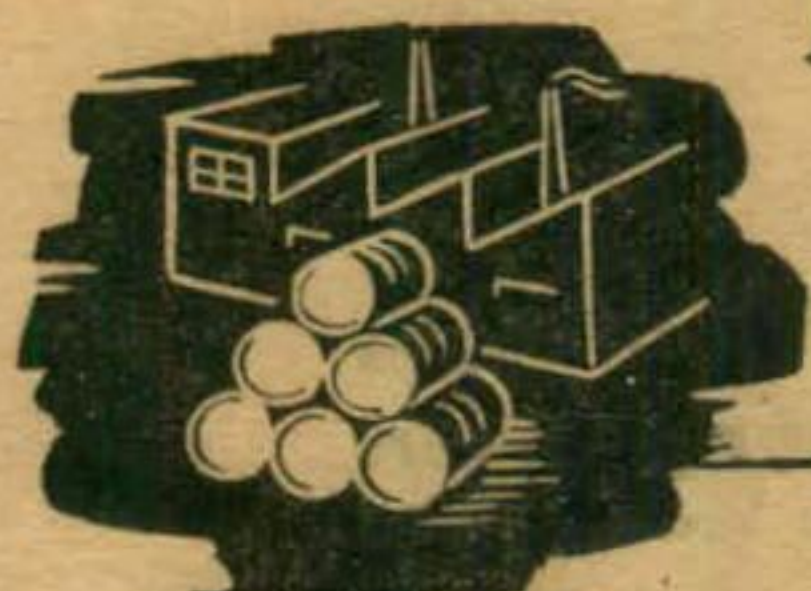
Đ. Tín Forestière



Để dùng vào
KỸ-NGHỆ
NÔNG-NGHIỆP
và **TRONG NHÀ**

CÔNG-TY SHELL VIỆT-NAM

xin giới thiệu cùng
Quý Ngài những hoá-phẩm
do dầu hỏa chế ra.



Chất để pha trộn,
Acétone, glycérine, toluène



Xà-bông nước hoá-học



Thuốc sát-trùng bột như Dieldrin,
Aldrin, Endrin, trừ các loài
sâu bọ cắn hại mùa màng



Hơi Butagaz để đun bếp
vừa sạch-sẽ, vừa tiện lợi



Thuốc sát trùng Shelltox, mùi
dễ ngửi, giết ruồi, muỗi... rất nhạy

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiều Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do ấn-chiều năm 1853)

SỐ VỐN : 4.400.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.700.000 Anh-kim


Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2


Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÁNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhứt
(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)


Nam - Vang Chi - Cục

10, Phlaouv Preah Kossamac


*Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông*


Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632-21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20. Boulevard Norodom (Ex 20. Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

Compagnie Générale de Commerce (L. RONDON & C^o LTD)

30-32, Đường Pasteur

— SAIGON —

Tél. : 21.081/82

B.P. 318



Son service

MATÉRIEL AGRICOLE GÉNIE CIVIL et INDUSTRIEL

FIAT	Tracteurs à chenilles et à Roues	LETOURNEAU	Engins de terrassement
SEVITA	Matériel agricole	KOEHRING	Matériel T.P.
RUSTON & HORNSBY	Moteurs verticaux et horizontaux	GRAY MARINE	Moteurs marins
DOG-IRAT	Moteurs industriels	BERGEAUD	Concasseurs fixes et mobiles
ALBARET	Rouleaux compresseurs	LE ROI	Compresseurs
LEON HURE	Fraiseuses	CULLIER	Perçuses
		BERNADOU	

MULLER et PESANT Tours à métaux et à bois



Son service

IMPORTATION GÉNÉRALE

MARTELL	Cognac	BARDINET	Liqueurs
GRANTS	Whisky (Scotch)	FERREIRA'S	Porto
NEGRITA	Rhum	SEAGRAM'S	Gin
BOLLINGER	Champagne	SEAGRAM'S	Whiskk V.O. (Canadian)
NOILLY		FOUR ROSES	Bourbon
PRAT	Vermouth		



COTY	Parfumerie	GOUVY	Houes
OREAL	Produits capillaires	PROUVOST	Laine «des deux béliers»
CHIRIS	{ Huiles essentielles Essences synthétiques	VILLARDERE	Tondeuses { AVENIR ETOILE

THIRIEZ ET CARTIER BRÉSSON Fil à Coudre à Broder et à Tricoter



DISTRIBUTEUR GÉNÉRAL

de la Manufacture Indochinoise de Tabac et Cigarettes (MITAC)
« MÉLIA »

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(HỘI NẶC DANH VỚI SỐ VỐN 400.000.000 QUAN)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện thoại: 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín: Fransibank

Chi-nhánh phụ: Hẻm Eden, Saigon



TẤT CẢ CÔNG VIỆC NGÂN - HÀNG



Đại-diện các Ngân-Hàng trên thế-giới



*Ngân-Hàng thừa nhận do Viện Hối-Đoái
Quốc - Gia Việt - Nam*

**Mở các khoản tín-dụng về
Xuất-cảng — Nhập-cảng**

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° 40 — SAIGON

BUREAUX AUXILIAIRES

SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-thánh-Tôn
Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.
Tél. : 621

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Cof fres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
HỎA HOẠN**

TAI HẠI GÂY BỞI CHẤT NỔ

VỐN : 1.000 TRIỆU PHẬT LĂNG

Cie d'Assurances Générales contre
l'Incendie et les Explosions

Capital : 1 Milliard de Frs.

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
TAI NẠN**

GIAN PHI — HÀNG HẢI — RỦI RO

VỐN : 1.000 TRIỆU PHẬT LĂNG

Cie d'Assurances Générales Accidents
Vol — Maritime — Risques Divers

Capital : 1 Milliard de Frs.

CÔNG TY BẢO HIỂM PHÁP Á

BẢO HIỂM MỌI NGÀNH

VỐN : 105.000.000 PHẬT LĂNG

Assurance Franco Assiatique

Assurances Toutes Branches

Capital : 105.000.000 Frs.

**NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT
VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP**

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

26, đường Tôn-thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)

Giấy số : 21.253 — 23.913

GIAO - THÔNG NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng Chính (Siège Social)

ĐÀI - BẮC — TRUNG - QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 — Cardi 55

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện-Thoại : 904

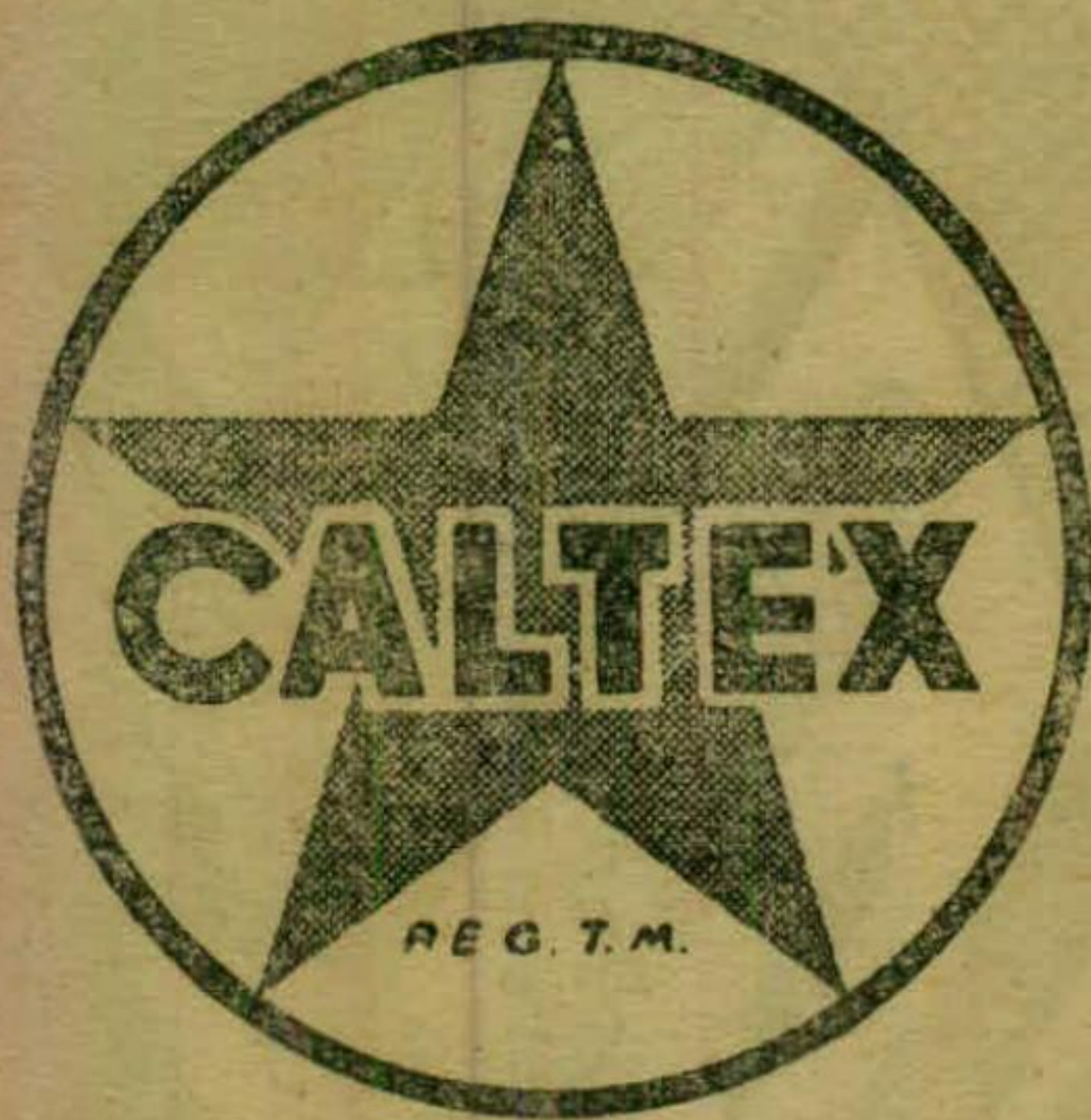
Danh sách điện báo : COMMUBANK



Các hã*ng* Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có t*ủ* bảo hiểm cho thuê, mỗi t*ủ* tiền thuê mỗi năm từ 300\$ đồng trở lên.

CALTEX (ASIA) LIMITED

*Phát hành ở Việt-Nam
tất cả nguyên liệu có giá trị*



và đặc biệt nhất là dầu

RPM

THE PREMIUM MOTOR OIL

H.D.

Golden Club



Một gói thuốc Thơm thượng hảo hạng

CIGARETTES

MÉLIA



MITAC

ВАСНKHОАВАСНKHОАВАСНKHОА
ВАСНKHОАВАСНKHОАВАСНKHОА

BÁCH-KHOA TẠP CHÍ

GIÁ : 10\$00